

**Câu 1: Anh (chị) hãy phân tích những chuyển biến của nền kinh tế Việt Nam sau chiến tranh thế giới thứ nhất.**

Trả lời

Sau chiến tranh thế giới thứ nhất, nền kinh tế Việt Nam có những chuyển biến mạnh mẽ do ảnh hưởng của cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp.

Cuộc chiến tranh thế giới thứ nhất, tuy là nước thắng trận nhưng nước Pháp bị chiến tranh tàn phá nặng nề. Nền kinh tế công thương nghiệp và giao thông vận tải bị sa sút nghiêm trọng. Không những thế Pháp còn trở thành con nợ lớn của Mỹ. Vì vậy, để bù đắp lại những thiệt hại do chiến tranh gây ra, một mặt thực dân Pháp đẩy mạnh việc bóc lột nhân dân trong nước. Mặt khác, chúng tăng cường khai thác thuộc địa trong đó có Đông Dương.

Cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp ở Đông Dương được tiến hành ngay sau khi chiến tranh thế giới thứ nhất kết thúc kéo dài cho đến trước cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới (1929- 1933). So với cuộc khai thác lần thứ nhất, cuộc khai thác lần này tăng cả về quy mô và mức độ. Chỉ trong vòng 6 năm cuối (1924- 1929) tổng vốn đầu tư đã tăng gấp 6 lần so với 20 năm trước chiến tranh (1898-1918), trong đó hai ngành được đầu tư mạnh nhất là nông nghiệp và công nghiệp.

Trong nông nghiệp: thực dân Pháp tiếp tục đẩy mạnh chính sách cướp ruộng đất lập đồn điền. Chỉ riêng năm 1927, số vốn đầu tư vào nông nghiệp đã lên tới 400tr phrăng, gấp 10 lần trước chiến tranh. Diện tích trồng cao su tăng nhanh từ 15000ha (1718) lên 78620ha (1930). Các công ty cao su cũng ra đời: công ty Đất đỏ, công ty trồng trọt cây nhiệt đới, công ty Mitsolanh...

Trong công nghiệp: thực dân Pháp đẩy mạnh khai thác mỏ, nhất là than, thiếc, kẽm và xây dựng các cơ sở chế biến. Hàng loạt các công ty than được mở rộng và xây dựng mới: công ty Hạ Long, Công ty Đông Triều, công ty Tuyên Quang... Các xí nghiệp chế biến rượu, giấy, gỗ, xay xát... và các dịch vụ công nghiệp phục vụ cho nhu cầu của bọn thực dân được củng cố. Hầu như thực dân Pháp không đầu tư vào các ngành công nghiệp cơ khí, chế tạo nhằm kìm hãm sự phát triển của nền công nghiệp thuộc địa.

Về thương nghiệp: cả nội thương và ngoại thương đều phát triển nhưng hoàn toàn do thực dân Pháp độc quyền thao túng. Chính sách của Pháp là đánh thuế nặng hàng hóa của các nước khác nhập vào Đông Dương, do vậy hàng hóa nhập từ Pháp vào Đông Dương chiếm tới 63% thị phần. Nội thương thì thực hiện mua bán bất bình đẳng, mua với giá rẻ mạt, bán với giá cắt cổ.

Về giao thông vận tải: thực dân Pháp quan tâm mở mang phát triển giao thông nhằm phục vụ cho nhu cầu của cuộc khai thác. Cả đường bộ, đường sắt và đường thủy đều phát triển. Các tuyến đường sắt quan trọng là Hà Nội- Lạng Sơn, Hà Nội - Hải Phòng, Vinh - Đông Hà. Chiều dài đường sắt lên tới hơn 2500km. các bến cảng được mở rộng và xây dựng mới: Hải Phòng, Sài Gòn, Bến Thủy, Đà Nẵng. Ngoài việc để thuận tiện cho vận chuyển hàng hóa, thực dân Pháp mở mang giao thông còn nhằm mục đích quân sự, cơ động trong việc huy động lực lượng đàn áp các cuộc đấu tranh của nhân dân ta.

Về tài chính: Ngân hàng Đông Dương độc quyền chỉ huy và chi phối nền kinh tế Đông Dương. Song song với việc đầu tư, thực dân Pháp còn vơ vét, bóc lột nhân dân ta bằng đủ các thứ thuế trực thu và gián thu: thuế rượu, thuế muối, thuế thân... hết sức vô lí. Điều đó đã khiến cho ngân sách Đông Dương tăng gấp đôi chỉ trong 10 năm sau chiến tranh.

Chính sách khai thác thuộc địa của thực dân Pháp đã làm cho quan hệ tư bản chủ nghĩa phát triển thêm ở Đông Dương. Tuy nhiên, điều đó chỉ diễn ra cục bộ ở số ít các trung tâm. Về cơ bản nền kinh tế nước ta ngày càng kiệt quệ, què quặt, lệ thuộc chặt chẽ vào nền kinh tế Pháp, trở thành thị trường tiêu thụ hàng hóa của tư bản Pháp.

Như vậy, do ảnh hưởng của cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp, nền kinh tế nước ta sau chiến tranh thế giới thứ nhất đã có những chuyển biến mạnh mẽ. Từ những chuyển biến kinh tế đã kéo theo những chuyển biến về mặt xã hội, đại bộ phận nhân dân Việt Nam phải chịu ách áp bức, bóc lột nặng nề của thực dân Pháp. Chính vì vậy sau chiến tranh thế giới thứ nhất, phong trào đấu tranh chống đế quốc xâm lược của nhân dân ta tiếp tục phát triển tạo thành những làn sóng mạnh mẽ chuẩn bị cho cuộc giải phóng dân tộc sau đó.

***Câu 2: Cuộc đấu tranh của các giai cấp tư sản, tiểu tư sản và công nhân đã diễn ra như thế nào trong những năm 1919- 1925.***

Sau chiến tranh thế giới thứ nhất, do ảnh hưởng của cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp, đại bộ phận nhân dân Việt Nam phải chịu ách áp bức, bóc lột nặng nề của thực dân Pháp. Chính vì vậy sau chiến tranh thế giới thứ nhất, phong trào đấu tranh chống đế quốc xâm lược của nhân dân ta tiếp tục phát triển.

Phong trào của giai cấp tư sản:

Giai cấp tư sản sau chiến tranh có điều kiện phát triển tuy nhiên phần lớn trong số họ đều bị thực dân Pháp chèn ép dẫn đến nguy cơ phá sản. Vì vậy tư sản dân tộc cũng đấu tranh chống Pháp.

Năm 1919, tư sản ở Nam kì phát động phong trào “chấn hưng nội hóa”, “bài trừ ngoại hóa”

Năm 1923, tư sản Nam kì tiếp tục tổ chức phong trào đấu tranh chống độc quyền cảng Sài Gòn và chống độc quyền xuất khẩu lúa gạo của tư bản Pháp.

Cùng với các phong trào đấu tranh kinh tế, tư sản dân tộc đã thành lập các tổ chức chính trị như Đảng Lập hiến, nhóm Nam Phong, nhóm Trung Bắc tân văn... đề ra khẩu hiệu đòi tự do, dân chủ. Họ cũng sử dụng báo chí để bênh vực quyền lợi cho giai cấp mình.

Cuộc đấu tranh của giai cấp tư sản đã được thực dân Pháp nhượng bộ cho một số quyền lợi. Nhưng khi đạt được mục đích thì giai cấp tư sản lại thỏa hiệp và không quan tâm tới quyền lợi của quần chúng. Vì vậy phong trào của tư sản nhanh chóng bị phong trào quần chúng vượt qua.

Phong trào của tiểu tư sản:

Giai cấp tiểu tư sản gồm nhiều tầng lớp: học sinh, sinh viên, viên chức, nhà văn, nhà báo, giáo viên... và hầu hết đều sống ở thành thị. Họ bị thực dân Pháp

bóc lột, chèn ép, khinh rẻ; cuộc sống bấp bênh, nạn thất nghiệp luôn đe dọa. Điều đáng nói là đa số họ là những người có học thức, tư tưởng tiến bộ, căm thù bọn thực dân xâm lược và tay sai. Vì vậy tiểu tư sản cũng đứng lên chống Pháp.

Khác với tư sản, cuộc đấu tranh của tiểu tư sản tập trung chủ yếu vào các mục tiêu đòi quyền tự do, dân chủ.

Giai cấp tiểu tư sản đã thành lập nhiều tổ chức chính trị nhằm tập hợp lực lượng đông đảo để đấu tranh: Đảng Thanh niên, Hội Phục Việt, Hội Hưng Nam, Việt Nam nghĩa đoàn.

Thông qua các tổ chức đó, các phong trào mít tinh, tuần hành, bãi khóa, bãi thị... diễn ra sôi nổi ở các đô thị; báo chí tiến bộ cũng được xuất bản như tờ An Nam trẻ, Người nhà quê, Chuông rè... từ đó đã xuất hiện những nhà xuất bản tiến bộ: Nam Đồng thư xã, Cường học thư xã, Quan hải tùng thư, đó là nơi phát hành nhiều loại sách báo tiến bộ.

Phong trào của giai cấp tiểu tư sản đặc biệt phát triển trong những năm 1925- 1926.

Tháng 11-1925, giai cấp tiểu tư sản đã tổ chức phong trào đấu tranh đòi trả tự do cho cụ Phan Bội Châu. Trước sức mạnh của phong trào, thực dân Pháp đã buộc phải tuyên bố trắng án và đưa cụ về an trí tại Huế.

Tháng 5-1926, cụ Phan Châu Trinh đã qua đời tại Sài Gòn sau khi về nước. Một đám tang khổng lồ do giai cấp tiểu tư sản tổ chức đã diễn ra. Điều đó đã thể hiện tinh thần đoàn kết, yêu nước của nhân dân ta.

Nhìn chung, sau chiến tranh thế giới thứ nhất, các phong trào đấu tranh chống đế quốc đòi tự do dân chủ đã diễn ra ngày càng mạnh mẽ, lôi kéo được đông đảo quần chúng tham gia. Tuy nhiên, do chưa có đường lối đúng đắn và phương pháp đấu tranh thích hợp nên phong trào của các giai cấp chưa thể giành lại nền độc lập cho dân tộc. Điều đó chứng tỏ cách mạng Việt Nam đang cần một con đường đi mới đáp ứng được yêu cầu lịch sử.

### ***Câu 3: Trình bày những hoạt động của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc từ 1911 đến 1920.***

Bài làm

Nguyễn Ái Quốc tên thật là Nguyễn Sinh Cung (tự là Tất Thành) sinh ngày 19-5-1890 tại làng Sen, xã Kim Liên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An. Sinh ra trên mảnh đất quê hương và gia đình có truyền thống nho học, yêu nước, từ rất sớm Người đã được tiếp xúc với các chí sĩ yêu nước như cụ Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh và các phong trào yêu nước sôi nổi đầu thế kỉ XX. Sự thất bại của các con đường cứu nước mà hai cụ Phan thực hiện giúp Người sớm nhận thức rằng cầu viện Nhật để đánh Pháp thì chẳng khác nào “Đuổi hổ cửa trước, rước beo cửa sau”... Vậy con đường nào là cần thiết cho dân tộc mình? Câu hỏi đó cứ đau đáu trong tâm trí của Người.

Xuất phát từ lòng yêu nước thương nòi, ngày 5/6/1911, chàng thanh niên Nguyễn Tất Thành với tên gọi mới là Văn Ba đã lên con tàu buôn Latuso Torêvin rời Bến Nhà Rồng ra đi tìm đường cứu nước.

Từ năm 1911 đến 1917, Người đã bôn ba khắp các nước trên thế giới, làm nhiều nghề để sống, học tập và tìm đường cứu nước. Đi đến đâu Người cũng

quan sát, tìm hiểu xem người ta làm thế nào để sau đó trở về giúp đồng bào mình. Người nhận ra rằng: chủ nghĩa đế quốc ở đâu cũng là kẻ bóc lột, là kẻ thù của nhân dân lao động.

Sau khi Cách mạng tháng Mười Nga thành công, Người từ nước Anh trở lại Pháp. Tại đây, Người đã tham gia vào phong trào đấu tranh ủng hộ cách mạng tháng Mười của công nhân Pháp và gia nhập Đảng Xã hội Pháp. Người còn hăng hái tham gia các hoạt động yêu nước của Việt kiều và nhanh chóng trở thành người lãnh đạo chủ chốt của Hội người Việt Nam yêu nước ở Pari.

*Từ năm 1919 đến năm 1920, Nguyễn Ái Quốc đã tìm ra con đường cứu nước giải phóng dân tộc và trở thành người chiến sĩ cộng sản Việt Nam đầu tiên.*

Cuộc chiến tranh thế giới kết thúc năm 1918. Ngày 18-6-1919 tại Vecxai, các nước đế quốc thắng trận họp bàn phân chia lại thế giới. Tại đây, với tên mới là Nguyễn Ái Quốc, Người đã gửi tới các nước đế quốc bản yêu sách của nhân dân An Nam. Bản yêu sách đòi chính phủ pháp và các nước thừa nhận các quyền tự do, dân chủ, bình đẳng và quyền tự quyết của dân tộc Việt Nam. Tuy không được các nước đế quốc chấp nhận nhưng đó là đòn tấn công trực diện đầu tiên của Người quật thẳng vào chủ nghĩa đế quốc, qua đó đã gây một tiếng vang lớn đối với nhân dân Pháp và nhân dân các nước thuộc địa.

Tháng 7 năm 1920 Nguyễn Ái Quốc đọc bản Sơ thảo lần thứ nhất luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa của Lênin đăng trên báo Nhân đạo. Luận cương của Lênin đã giúp Nguyễn Ái Quốc tìm thấy con đường đi cho dân tộc, đó là con đường cách mạng vô sản. Từ đây tư tưởng của Người cũng chuyển biến rất nhanh với sự kết hợp giữa chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa quốc tế vô sản.

Ngày 25/12/1920, Nguyễn Ái Quốc tham dự Đại hội lần thứ 18 của Đảng Xã hội Pháp tại thành phố Tua. Tại đây, Người đã bỏ phiếu tán thành ra nhập Quốc tế Cộng sản, tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp và trở thành người cộng sản Việt Nam đầu tiên. Sự kiện này chứng tỏ Nguyễn Ái Quốc đã hoàn toàn tin theo Chủ nghĩa Mác- Lênin.

Sau khi trở thành người chiến sĩ cộng sản, Nguyễn Ái Quốc đã tích cực truyền bá chủ nghĩa Mac- Lenin về trong nước chuẩn bị về tư tưởng, tổ chức góp phần quyết định đối với sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam năm 1930.

#### ***Câu 4: Trình bày những hoạt động của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc từ 1919 đến 1925.***

Bài làm

Nguyễn Ái Quốc tên thật là Nguyễn Sinh Cung (tự là Tất Thành) sinh ngày 19-5-1890 tại làng Sen, xã Kim Liên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An. Sinh ra trên mảnh đất quê hương và gia đình có truyền thống nho học, yêu nước, từ rất sớm Người đã được tiếp xúc với các chí sĩ yêu nước như cụ Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh và các phong trào yêu nước sôi nổi đầu thế kỉ XX. Sự thất bại của các con đường cứu nước mà hai cụ Phan thực hiện giúp Người sớm nhận thức rằng cầu viện Nhật để đánh Pháp thì chẳng khác nào “Đuổi hổ cửa trước,



rước beo cửa sau”... Vậy con đường nào là cần thiết cho dân tộc mình? Câu hỏi đó cứ đau đầu trong tâm trí của Người.

Xuất phát từ lòng yêu nước thương nòi, ngày 5/6/1911, chàng thanh niên Nguyễn Tất Thành với tên gọi mới là Văn Ba đã lên con tàu buôn Latuso Torêvin rời Bến Nhà Rồng ra đi tìm đường cứu nước.

*Từ năm 1911 đến 1917*, Người đã bôn ba khắp các nước trên thế giới, làm nhiều nghề để sống, học tập và tìm đường cứu nước. Đi đến đâu Người cũng quan sát, tìm hiểu xem người ta làm thế nào để sau đó trở về giúp đồng bào mình. Người nhận ra rằng: chủ nghĩa đế quốc ở đâu cũng là kẻ bóc lột, là kẻ thù của nhân dân lao động.

Sau khi Cách mạng tháng Mười Nga thành công, Người từ nước Anh trở lại Pháp. Tại đây, Người đã tham gia vào phong trào đấu tranh ủng hộ cách mạng tháng Mười của công nhân Pháp và gia nhập Đảng Xã hội Pháp. Người còn hăng hái tham gia các hoạt động yêu nước của Việt kiều và nhanh chóng trở thành người lãnh đạo chủ chốt của Hội người Việt Nam yêu nước ở Pari.

*Từ năm 1919 đến năm 1920*, Nguyễn Ái Quốc đã tìm ra con đường cứu nước giải phóng dân tộc và trở thành người chiến sĩ cộng sản Việt Nam đầu tiên.

Cuộc chiến tranh thế giới kết thúc năm 1918. Ngày 18-6-1919 tại Vecxai, các nước đế quốc thắng trận họp bàn phân chia lại thế giới. Tại đây, với tên mới là Nguyễn Ái Quốc, Người đã gửi tới các nước đế quốc bản yêu sách của nhân dân An Nam. Bản yêu sách đòi chính phủ pháp và các nước thừa nhận các quyền tự do, dân chủ, bình đẳng và quyền tự quyết của dân tộc Việt Nam. Tuy không được các nước đế quốc chấp nhận nhưng đó là đòn tấn công trực diện đầu tiên của Người quật thẳng vào chủ nghĩa đế quốc, qua đó đã gây một tiếng vang lớn đối với nhân dân Pháp và nhân dân các nước thuộc địa.

Tháng 7 năm 1920 Nguyễn Ái Quốc đọc bản Sơ thảo lần thứ nhất luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa của Lênin đăng trên báo Nhân đạo. Luận cương của Lênin đã giúp Nguyễn Ái Quốc tìm thấy con đường đi cho dân tộc, đó là con đường cách mạng vô sản. Từ đây tư tưởng của Người cũng chuyển biến rất nhanh với sự kết hợp giữa chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa quốc tế vô sản.

Ngày 25/12/1920, Nguyễn Ái Quốc tham dự Đại hội lần thứ 18 của Đảng Xã hội Pháp tại thành phố Tua. Tại đây, Người đã bỏ phiếu tán thành ra nhập Quốc tế Cộng sản, tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp và trở thành người cộng sản Việt Nam đầu tiên. Sự kiện này chứng tỏ Nguyễn Ái Quốc đã hoàn toàn tin theo Chủ nghĩa Mác- Lênin.

Năm 1921, Nguyễn Ái Quốc đã cùng một số người yêu nước Angiêri, Marốc, Tuynidi thành lập Hội Liên hiệp các dân tộc thuộc địa ở Pari nhằm đoàn kết trong cuộc đấu tranh chống kẻ thù chung. Hội còn lập ra cơ quan ngôn luận là Báo Người cùng khổ do Nguyễn Ái Quốc làm chủ nhiệm kiêm chủ bút.

Trong thời gian ở Pháp (1931-1923), Nguyễn Ái Quốc còn viết nhiều bài cho các báo Nhân đạo, Đời sống công nhân; các tác phẩm văn học: Vi hành, Những trò lố hay là Varen của Phan Bội Châu... Đặc biệt là tác phẩm Bản án

chế độ thực dân Pháp, qua đó Nguyễn Ái Quốc đã phơi bày tội ác của chủ nghĩa đế quốc ở các nước thuộc địa. Tất cả các sách báo nói trên đều được bí mật chuyển về trong nước nhằm thức tỉnh đồng bào, chuẩn bị tư tưởng cho cuộc đấu tranh sắp tới.

Giữa năm 1923, Nguyễn Ái Quốc từ Pháp sang Liên Xô để dự Hội nghị Quốc tế Nông dân (10-1923) và được bầu vào Ban chấp hành của Hội.

Năm 1924, Nguyễn Ái Quốc tham dự Đại hội lần thứ V của Quốc tế Cộng sản. Tại đây, Người đã đọc tham luận về vai trò của cách mạng thuộc địa. Bản tham luận đã được các đại biểu tán thành.

Cùng thời gian trên, Nguyễn Ái Quốc còn cộng tác viết bài cho Tạp chí Thư tns Quốc tế và báo Sự thật để tuyên truyền về Việt Nam với bạn bè quốc tế. Nguyễn Ái Quốc còn ra sức tìm hiểu về chế độ Xô viết và nghiên cứu cách thức tổ chức đảng vô sản kiểu mới của Lê nin, qua đó tiếp tục hoàn thiện thêm tư tưởng về Cách mạng giải phóng dân tộc theo con đường cách mạng vô sản. Chính Nguyễn Ái Quốc là người có công lao to lớn trong việc xây dựng mối liên hệ chặt chẽ giữa cách mạng Việt nam và cách mạng thế giới.

Sau khi rời Liên Xô, Nguyễn Ái Quốc tới Trung Quốc ngày 11/11/1924 nhằm chuẩn bị lực lượng, tổ chức, truyền bá lí luận cách mạng giải phóng dân tộc vào Việt Nam.

Ở Trung Quốc, Nguyễn Ái Quốc đã liên hệ với những người Việt Nam yêu nước tại Quảng Châu và mở các lớp huấn luyện cán bộ. Đa số học viên là thanh niên, học sinh, trí thức. Sau khi học xong, họ có thể về nước truyền bá lí luận và tổ chức quần chúng đấu tranh; một số học viên được gửi tới học tập tại Matxcova (Liên Xô) hoặc trường Quân sự Hoàng Phố (Trung Quốc).

Tháng 2/1925, Nguyễn Ái Quốc đã lựa chọn những thanh niên ưu tú trong tổ chức Tâm tâm xã thành lập Tổ chức Cộng sản đoàn. Tháng 6/1925, Nguyễn Ái Quốc thành lập Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên nhằm tập hợp, lãnh đạo quần chúng đấu tranh đánh đuổi thực dân Pháp và tay sai giải phóng dân tộc. Xét trong hoàn cảnh cụ thể của nước ta lúc đó, Nguyễn Ái Quốc thành lập tổ chức có tính chất quá độ như Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên thể hiện sự sáng tạo Người trong việc vận dụng chủ nghĩa Mác Lê nin vào hoàn cảnh lịch sử cụ thể của Việt Nam.

Cùng thời gian này, Nguyễn Ái Quốc còn phối hợp với những nhà cách mạng Triều Tiên, In đô nê xia thành lập Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở Á Đông. Hội này có liên hệ chặt chẽ với Việt Nam cách mạng Thanh niên.

Từ năm 1919 đến năm 1925, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã có công lao to lớn đối với cách mạng Việt Nam. Chính Người đã tìm ra con đường cứu nước, giải phóng dân tộc và đã tích cực truyền bá chủ nghĩa Mac- Lenin về trong nước chuẩn bị về tư tưởng, tổ chức góp phần quyết định đối với sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam năm 1930.

***Câu 5: Trình bày những hoạt động của Nguyễn Ái Quốc từ năm 1911 đến năm 1930 và cho biết vai trò của Người đối với cách mạng Việt Nam.***

Bài làm

Nguyễn Ái Quốc tên thật là Nguyễn Sinh Cung (tự là Tất Thành) sinh ngày 19-5-1890 tại làng Sen, xã Kim Liên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An. Sinh ra trên mảnh đất quê hương và gia đình có truyền thống nho học, yêu nước, từ rất sớm Người đã được tiếp xúc với các chí sĩ yêu nước như cụ Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh và các phong trào yêu nước sôi nổi đầu thế kỉ XX. Sự thất bại của các con đường cứu nước mà hai cụ Phan thực hiện giúp Người sớm nhận thức rằng cầu viện Nhật để đánh Pháp thì chẳng khác nào “Đuổi hổ cửa trước, rước beo cửa sau”... Vậy con đường nào là cần thiết cho dân tộc mình? Câu hỏi đó cứ đau đáu trong tâm trí của Người.

Xuất phát từ lòng yêu nước thương nòi, ngày 5/6/1911, chàng thanh niên Nguyễn Tất Thành với tên gọi mới là Văn Ba đã lên con tàu buôn Latuso Torêvin rời Bến Nhà Rồng ra đi tìm đường cứu nước.

*Từ năm 1911 đến 1917, Người đã bôn ba khắp các nước trên thế giới, làm nhiều nghề để sống, học tập và tìm đường cứu nước. Đi đến đâu Người cũng quan sát, tìm hiểu xem người ta làm thế nào để sau đó trở về giúp đồng bào mình. Người nhận ra rằng: chủ nghĩa đế quốc ở đâu cũng là kẻ bóc lột, là kẻ thù của nhân dân lao động.*

Sau khi Cách mạng tháng Mười Nga thành công, Người từ nước Anh trở lại Pháp. Tại đây, Người đã tham gia vào phong trào đấu tranh ủng hộ cách mạng tháng Mười của công nhân Pháp và gia nhập Đảng Xã hội Pháp. Người còn hăng hái tham gia các hoạt động yêu nước của Việt kiều và nhanh chóng trở thành người lãnh đạo chủ chốt của Hội người Việt Nam yêu nước ở Paris.

*Từ năm 1919 đến năm 1920, Nguyễn Ái Quốc đã tìm ra con đường cứu nước giải phóng dân tộc và trở thành người chiến sĩ cộng sản Việt Nam đầu tiên.*

Cuộc chiến tranh thế giới kết thúc năm 1918. Ngày 18-6-1919 tại Vecxai, các nước đế quốc thắng trận họp bàn phân chia lại thế giới. Tại đây, với tên mới là Nguyễn Ái Quốc, Người đã gửi tới các nước đế quốc bản yêu sách của nhân dân An Nam. Bản yêu sách đòi chính phủ pháp và các nước thừa nhận các quyền tự do, dân chủ, bình đẳng và quyền tự quyết của dân tộc Việt Nam. Tuy không được các nước đế quốc chấp nhận nhưng đó là đòn tấn công trực diện đầu tiên của Người quật thẳng vào chủ nghĩa đế quốc, qua đó đã gây một tiếng vang lớn đối với nhân dân Pháp và nhân dân các nước thuộc địa.

Tháng 7 năm 1920 Nguyễn Ái Quốc đọc bản Sơ thảo lần thứ nhất luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa của Lênin đăng trên báo Nhân đạo. Luận cương của Lênin đã giúp Nguyễn Ái Quốc tìm thấy con đường đi cho dân tộc, đó là con đường cách mạng vô sản. Từ đây tư tưởng của Người cũng chuyển biến rất nhanh với sự kết hợp giữa chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa quốc tế vô sản.

Ngày 25/12/1920, Nguyễn Ái Quốc tham dự Đại hội lần thứ 18 của Đảng Xã hội Pháp tại thành phố Tua. Tại đây, Người đã bỏ phiếu tán thành ra nhập Quốc tế Cộng sản, tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp và trở thành người cộng sản Việt Nam đầu tiên. Sự kiện này chứng tỏ Nguyễn Ái Quốc đã hoàn toàn tin theo Chủ nghĩa Mác- Lênin.

*Từ năm 1921 đến năm 1927, Nguyễn Ái Quốc đã tích cực truyền bá Chủ nghĩa Mác Lênin về trong nước, chuẩn bị tư tưởng chính trị và tổ chức cho sự thành lập Đảng vô sản ở Việt Nam.*

Năm 1921, Nguyễn Ái Quốc đã cùng một số người yêu nước Angiêri, Marốc, Tuynidi thành lập Hội Liên hiệp các dân tộc thuộc địa ở Pari nhằm đoàn kết trong cuộc đấu tranh chống kẻ thù chung. Hội còn lập ra cơ quan ngôn luận là Báo Người cùng khổ do Nguyễn Ái Quốc làm chủ nhiệm kiêm chủ bút.

Trong thời gian ở Pháp (1931-1923), Nguyễn Ái Quốc còn viết nhiều bài cho các báo Nhân đạo, Đời sống công nhân; các tác phẩm văn học: Vi hành, Những trò lố hay là Varen của Phan Bội Châu... Đặc biệt là tác phẩm Bản án chế độ thực dân Pháp, qua đó Nguyễn Ái Quốc đã phơi bày tội ác của chủ nghĩa đế quốc ở các nước thuộc địa. Tất cả các sách báo nói trên đều được bí mật chuyển về trong nước nhằm thức tỉnh đồng bào, chuẩn bị tư tưởng cho cuộc đấu tranh sắp tới.

Giữa năm 1923, Nguyễn Ái Quốc từ Pháp sang Liên Xô để dự Hội nghị Quốc tế Nông dân (10-1923) và được bầu vào Ban chấp hành của Hội.

Năm 1924, Nguyễn Ái Quốc tham dự Đại hội lần thứ V của Quốc tế Cộng sản. Tại đây, Người đã đọc tham luận về vai trò của cách mạng thuộc địa. Bản tham luận đã được các đại biểu tán thành.

Cùng thời gian trên, Nguyễn Ái Quốc còn cộng tác viết bài cho Tạp chí Thư tns Quốc tế và báo Sự thật để tuyên truyền về Việt Nam với bạn bè quốc tế. Nguyễn Ái Quốc còn ra sức tìm hiểu về chế độ Xô viết và nghiên cứu cách thức tổ chức đảng vô sản kiểu mới của Lê nin, qua đó tiếp tục hoàn thiện thêm tư tưởng về Cách mạng giải phóng dân tộc theo con đường cách mạng vô sản. Chính Nguyễn Ái Quốc là người có công lao to lớn trong việc xây dựng mối liên hệ chặt chẽ giữa cách mạng Việt nam và cách mạng thế giới.

Sau khi rời Liên Xô, Nguyễn Ái Quốc tới Trung Quốc ngày 11/11/1924 nhằm chuẩn bị lực lượng, tổ chức, truyền bá lí luận cách mạng giải phóng dân tộc vào Việt Nam.

Ở Trung Quốc, Nguyễn Ái Quốc đã liên hệ với những người Việt Nam yêu nước tại Quảng Châu và mở các lớp huấn luyện cán bộ. Đa số học viên là thanh niên, học sinh, trí thức. Sau khi học xong, họ có thể về nước truyền bá lí luận và tổ chức quần chúng đấu tranh; một số học viên được gửi tới học tập tại Matxcova (Liên Xô) hoặc trường Quân sự Hoàng Phố (Trung Quốc).

Tháng 2/1925, Nguyễn Ái Quốc đã lựa chọn những thanh niên ưu tú trong tổ chức Tâm tâm xã thành lập Tổ chức Cộng sản đoàn. Tháng 6/1925, Nguyễn Ái Quốc thành lập Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên nhằm tập hợp, lãnh đạo quần chúng đấu tranh đánh đuổi thực dân Pháp và tay sai giải phóng dân tộc. Xét trong hoàn cảnh cụ thể của nước ta lúc đó, Nguyễn Ái Quốc thành lập tổ chức có tính chất quá độ như Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên thể hiện sự sáng tạo Người trong việc vận dụng chủ nghĩa Mác Lê nin vào hoàn cảnh lịch sử cụ thể của Việt Nam.



Cùng thời gian này, Nguyễn Ái Quốc còn phối hợp với những nhà cách mạng Triều Tiên, In đô nê xia thành lập Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở Á Đông. Hội này có liên hệ chặt chẽ với Việt Nam cách mạng Thanh niên.

Thông qua hoạt động của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên: ra báo Thanh niên, in sách Đường cách mệnh, phong trào “vô sản hóa”, lí luận cách mạng và chủ nghĩa Mác Lê nin được truyền bá sâu rộng trong quần chúng. Nhờ vậy phong trào cách mạng phát triển nhanh chóng vượt quá khả năng lãnh đạo của Việt Nam Cách mạng Thanh niên. Yêu cầu lúc này là phải có một tổ chức chính trị có trình độ cao hơn, nói chính xác là cần một chính đảng vô sản để lãnh đạo cách mạng.

Trong hoàn cảnh đó , cuối năm 1929 liên tiếp ra đời các tổ chức cộng sản ở Việt Nam: Đông Dương Cộng sản Đảng (6/1929), An Nam Cộng sản Đảng (8/1929), Đông Dương Cộng sản liên đoàn (9/1929). Các tổ chức này trong quá trình hoạt động lại mâu thuẫn nhau làm ảnh hưởng đến sự phát triển của cách mạng. Vì vậy cần thống nhất các tổ chức cộng sản thành một chính đảng duy nhất.

Đầu năm 1930, Nguyễn Ái Quốc tới Hương cảng (Trung Quốc) triệu tập Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản, thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

Như vậy, Nguyễn Ái Quốc không chỉ có công lao to lớn trong việc tìm ra con đường cứu nước, giải phóng dân tộc; chuẩn bị về tư tưởng và tổ chức cho sự thành lập Đảng mà chính Người đã sáng lập ra Đảng ta chấm dứt sự khủng hoảng về đường lối và giai cấp lãnh đạo cách mạng đã kéo dài suốt nửa thế kỉ.

Nguyễn Ái Quốc với những công lao to lớn trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc đã góp phần đưa đất nước ta bước vào kỉ nguyên độc lập tự do như đồng chí Lê Duẩn khẳng định: “ Dân tộc ta, non sông đất nước ta đã sinh ra Hồ Chủ tịch, và chính Người đã làm rạng rỡ dân tộc ta non sông đất nước ta.”

***Câu 6: Tổ chức nào được coi là tiền thân của Đảng cộng sản Việt Nam? Trình bày tóm tắt sự ra đời và hoạt động của tổ chức đó.***

Bài làm

Từ cuối thế kỉ XIX, do thiếu đường lối cách mạng và giai cấp lãnh đạo tiên bộ, phong trào đấu tranh chống thực dân Pháp và tay sai liên tiếp bị thất bại. Sau chiến tranh thế giới thứ nhất, các tổ chức chính trị yêu nước được thành lập nhiều ở cả trong và ngoài nước trong đó tiêu biểu nhất là Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên- tổ chức được coi là tiền thân của Đảng cộng sản Việt Nam.

Cuối năm 1924, Nguyễn Ái Quốc rời Liên Xô sang Trung Quốc. Nguyễn Ái Quốc đã liên hệ với những người Việt Nam yêu nước tại Quảng Châu và mở các lớp huấn luyện cán bộ. Đa số học viên là thanh niên, học sinh, trí thức. Sau khi học xong, họ có thể về nước truyền bá lí luận và tổ chức quần chúng đấu tranh; một số học viên được gửi tới học tập tại Matxcova (Liên Xô) hoặc trường Quân sự Hoàng Phố (Trung Quốc).

Tháng 2/1925, Nguyễn Ái Quốc đã lựa chọn những thanh niên ưu tú trong tổ chức Tâm tâm xã thành lập Tổ chức Cộng sản đoàn. Tháng 6/1925, Nguyễn Ái

Quốc thành lập Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên nhằm tập hợp, lãnh đạo quần chúng đấu tranh đánh đuổi thực dân Pháp và tay sai giải phóng dân tộc.

Sau khi thành lập, Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên đã tuyên bố Chương trình hành động, Điều lệ thể hiện lập trường chính trị và nguyên tắc tổ chức của mình. Thông qua đó, Hội đã chỉ rõ mục tiêu hành động: trước làm cách mạng dân tộc, sau làm cách mạng thế giới; thành lập chính quyền công nông binh, xóa bỏ áp bức, bất công...

Tổ chức của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên được phân làm 5 cấp từ trung ương đến xứ ủy, tỉnh ủy, Huyện ủy và cơ sở. Các cấp có mối liên hệ chặt chẽ, hoạt động quy củ, đều đặn.

Để phát triển lực lượng của mình Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên quan tâm đặc biệt tới công tác tuyên truyền, vận động thông qua báo Thanh niên, sách Đường Cách mệnh và phong trào “vô sản hóa”

Ngày 21 tháng 6 năm 1925, số báo Thanh niên đầu tiên được phát hành trở thành cơ quan ngôn luận của Hội nhằm tuyên truyền về chủ trương, chính sách của Hội cũng như truyền bá tư tưởng cách mạng trong hội viên và quần chúng.

Sau khi thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc vẫn tiếp tục mở các lớp huấn luyện để đào tạo cán bộ cho cách mạng. Từ 1925 đến 1927, đã có 75 đồng chí được tham gia các lớp huấn luyện sau đó về nước truyền bá lí luận và tổ chức quần chúng đấu tranh; một số học viên được gửi tới học tập tại Matxcova (Liên Xô) hoặc trường Quân sự Hoàng Phố (Trung Quốc).

Năm 1927, Hội cho in sách Đường Cách mệnh. Cuốn sách đã tập hợp lại các bài giảng của Nguyễn Ái Quốc nhằm giúp cho các đồng chí không có cơ hội tham gia các lớp huấn luyện cũng có thể tự trang bị cho mình lí luận cách mạng.

Từ năm 1928, Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên đã thực hiện phong trào “vô sản hóa”, đưa cán bộ đến các nhà máy, xí nghiệp, đồn điền, hầm mỏ để cùng sống, lao động với công nhân, tổ chức anh em đấu tranh và truyền bá chủ nghĩa Mác Lênin. Thông qua phong trào, cán bộ của Hội được kiểm nghiệm lí luận trong thực tiễn, rèn luyện về bản lĩnh và đạo đức cách mạng, rút kinh nghiệm trong tổ chức lãnh đạo quần chúng đấu tranh.

Nhờ công tác tuyên truyền, vận động tích cực, lực lượng của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên đã tăng lên nhanh chóng. Năm 1928 mới có khoảng 300 hội viên thì đến năm 1929 đã có 1700 hội viên. Không những thế, qua hoạt động của Hội phong trào công nhân và các giai cấp khác cũng phát triển mạnh mẽ.

Sự phát triển nhanh chóng của phong trào cách mạng đã vượt quá khả năng lãnh đạo của Việt Nam Cách mạng Thanh niên. Yêu cầu lúc này là phải có một tổ chức chính trị có trình độ cao hơn, nói chính xác là cần một chính đảng vô sản để lãnh đạo cách mạng. Trong hoàn cảnh đó, từ giữa năm 1929 Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên đã phân hóa thành các tổ chức cộng sản: Đông Dương Cộng sản Đảng (6/1929), An Nam Cộng sản Đảng (8/1929) và còn ảnh hưởng đến tổ chức Tân Việt Cách mạng đảng làm xuất hiện tổ chức Đông Dương Cộng sản liên đoàn (9/1929). Sự ra đời của các tổ chức cộng sản đã thúc đẩy sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam đầu năm 1930.

Sự ra đời và hoạt động của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên có ý nghĩa quan trọng đối với cách mạng Việt Nam. Đây là lần đầu tiên trong lịch sử xuất hiện một tổ chức chính trị theo khuynh hướng vô sản, đánh dấu sự phát triển của chủ nghĩa Mác Lê nin ở Việt Nam. Đây là bước quá độ chuẩn bị chu đáo cho sự ra đời của chính đảng vô sản sau này.

***Câu 7: Phân tích nét chính về tình hình nước ta trước khi Đảng cộng sản Việt Nam thành lập.***

Đầu năm 1930, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời đánh dấu bước ngoặt trong lịch sử cách mạng nước ta. Sự ra đời của Đảng đã chấm dứt sự khủng hoảng kéo dài về đường lối và giai cấp lãnh đạo cách mạng từ cuối thế kỉ XIX.

Sau khi thực dân Pháp xâm lược và đặt ách thống trị trên đất nước ta, nhiều phong trào đấu tranh theo nhiều khuynh hướng khác nhau đã diễn ra sôi nổi. Tiêu biểu là con đường đấu tranh theo khung hướng cách mạng tư sản do Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh khởi xướng. Tuy nhiên tất cả đều thất bại.

Sau khi chiến tranh thế giới thứ nhất kết thúc, các phong trào chống Pháp ở Việt nam tiếp tục phát triển mạnh mẽ. Trong khi đó, Nguyễn Ái Quốc cũng tìm ra con đường cứu nước giải phóng dân tộc theo con đường cách mạng vô sản, trở thành người cộng sản Việt nam đầu tiên và tích cực truyền bá chủ nghĩa Mác Lê nin về trong nước. Sự kết hợp của các yếu tố đó đã thúc đẩy sự phát triển không ngừng của cách mạng nước ta.

Sau khi lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên tại Quảng Châu (Trung Quốc). Tổ chức này đã đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền vận động, truyền bá lí luận cách mạng vô sản vào phong trào công nhân góp phần thúc đẩy phong trào công nhân và phong trào cách mạng nói chung. Chỉ tính riêng phong trào công nhân năm 1929 đã có tới 40 cuộc đấu tranh. Trước tình hình đó, yêu cầu của cách mạng là phải có một tổ chức có trình độ cao hơn, trong khi Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên lại bộc lộ những hạn chế, không còn đủ khả năng lãnh đạo cách mạng.

Với sự nhạy bén chính trị, một số hội viên tiên tiến của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên ở Bắc kì đã thành lập Chi bộ cộng sản đầu tiên tháng 3 năm 1929 và bắt đầu cuộc vận động thành lập Đảng cộng sản thay thế cho Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên.

Tháng 5/1929, Đại Hội lần thứ nhất Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên đã diễn ra tại Hương Cảng (Trung Quốc). Tại đây, ý kiến thành lập đảng cộng sản của các đại biểu Bắc kì không được chấp nhận.

Sau khi về nước, ngày 17 tháng 6 năm 1929 các đồng chí đại biểu của Bắc kì đã thành lập tổ chức Đông Dương Cộng sản đảng, thông qua Tuyên ngôn, Điều lệ của tổ chức ra báo “Búa liềm” làm cơ quan ngôn luận và bắt tay ngay vào việc vận động xây dựng, phát triển đảng... Sự việc đó đã thúc đẩy sự ra đời của các tổ chức cộng sản sau đó.

Tháng 8 năm 1929, ở Nam kì các hội viên Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên cũng thành lập tổ chức An Nam cộng sản đảng, ra báo “Đỏ” làm cơ quan

ngôn luận. Tháng 11/1929, An Nam Cộng sản đảng đã tiến hành đại hội thông qua đường lối chính trị và bầu BCH trung ương.

Sự phân hóa của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên cũng làm ảnh hưởng sâu sắc tới các đảng viên tiên tiến của Tân Việt Cách mạng đảng. Tháng 9/1929, Tân Việt đã cải tổ thành tổ chức Đông Dương Cộng sản liên đoàn.

Như vậy, chỉ trong vòng 4 tháng trên cả nước đã xuất hiện 3 tổ chức cộng sản. Điều đó chứng tỏ một xu thế khách quan của cách mạng Việt nam. Tuy nhiên, sự ra đời và hoạt động của 3 tổ chức cộng sản đã dẫn đến tình trạng tranh giành đảng viên, quần chúng, địa bàn hoạt động... giữa các tổ chức. Điều đó không được giải quyết sẽ làm ảnh hưởng xấu đến sự phát triển của cách mạng. Yêu cầu lúc này là phải thống nhất các tổ chức cộng sản thành một đảng duy nhất để đưa cách mạng phát triển.

Trong hoàn cảnh ấy, được sự ủy nhiệm của Quốc tế Cộng sản, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã tới Hương Cảng (Trung Quốc) triệu tập Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản (từ ngày 6/1 đến 7/2/1930). Hội nghị đã tán thành hợp thống nhất các tổ chức cộng sản thành Đảng cộng sản Việt Nam.

Tóm lại, trước khi Đảng cộng sản Việt Nam ra đời, cách mạng Việt Nam “như ở trong hang tối không có đường ra”. Đảng ra đời là bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử cách mạng nước ta đã chấm dứt sự khủng hoảng về đường lối cách mạng và còn tạo ra điều kiện có tính chất quyết định đối với những thắng lợi của cách mạng Việt Nam sau này.

***Câu 8: Ba tổ chức cộng sản ra đời trong hoàn cảnh nào? Ý nghĩa lịch sử của sự thành lập các tổ chức cộng sản.***

Sau khi chiến tranh thế giới thứ nhất kết thúc, các phong trào chống Pháp ở Việt nam tiếp tục phát triển mạnh mẽ. Trong khi đó, Nguyễn Ái Quốc cũng tìm ra con đường cứu nước giải phóng dân tộc theo con đường cách mạng vô sản, trở thành người cộng sản Việt nam đầu tiên và tích cực truyền bá chủ nghĩa Mác Lê nin về trong nước. Sự kết hợp của các yếu tố đó đã thúc đẩy sự phát triển không ngừng của cách mạng nước ta.

Sau khi lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên tại Quảng Châu (Trung Quốc). Tổ chức này đã đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền vận động, truyền bá lí luận cách mạng vô sản vào phong trào công nhân góp phần thúc đẩy phong trào công nhân và phong trào cách mạng nói chung. Chỉ tính riêng phong trào công nhân năm 1929 đã có tới 40 cuộc đấu tranh. Trước tình hình đó, yêu cầu của cách mạng là phải có một tổ chức có trình độ cao hơn, trong khi Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên lại bộc lộ những hạn chế, không còn đủ khả năng lãnh đạo cách mạng.

Với sự nhạy bén chính trị, một số hội viên tiên tiến của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên ở Bắc kì đã thành lập Chi bộ cộng sản đầu tiên tháng 3 năm 1929 và bắt đầu cuộc vận động thành lập Đảng cộng sản thay thế cho Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên.



Tháng 5/1929, Đại Hội lần thứ nhất Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên đã diễn ra tại Hương Cảng (Trung Quốc). Tại đây, ý kiến thành lập đảng cộng sản của các đại biểu Bắc kì không được chấp nhận.

Sau khi về nước, ngày 17 tháng 6 năm 1929 các đồng chí đại biểu của Bắc kì đã thành lập tổ chức Đông Dương Cộng sản đảng, thông qua Tuyên ngôn, Điều lệ của tổ chức ra báo “Búa liềm” làm cơ quan ngôn luận và bắt tay ngay vào việc vận động xây dựng, phát triển đảng... Sự việc đó đã thúc đẩy sự ra đời của các tổ chức cộng sản sau đó.

Tháng 8 năm 1929, ở Nam kì các hội viên Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên cũng thành lập tổ chức An Nam cộng sản đảng, ra báo “Đỏ” làm cơ quan ngôn luận. Tháng 11/1929, An Nam Cộng sản đảng đã tiến hành đại hội thông qua đường lối chính trị và bầu BCH trung ương.

Sự phân hóa của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên cũng làm ảnh hưởng sâu sắc tới các đảng viên tiên tiến của Tân Việt Cách mạng đảng. Tháng 9/1929, Tân Việt đã cải tổ thành tổ chức Đông Dương Cộng sản liên đoàn.

Như vậy, chỉ trong vòng 4 tháng trên cả nước đã xuất hiện 3 tổ chức cộng sản. Điều đó chứng tỏ một xu thế khách quan của cách mạng Việt nam. Tuy nhiên, sự ra đời và hoạt động của 3 tổ chức cộng sản đã dẫn đến tình trạng tranh giành đảng viên, quần chúng, địa bàn hoạt động... giữa các tổ chức. Điều đó không được giải quyết sẽ làm ảnh hưởng xấu đến sự phát triển của cách mạng. Yêu cầu lúc này là phải thống nhất các tổ chức cộng sản thành một đảng duy nhất để đưa cách mạng phát triển.

Trong hoàn cảnh ấy, được sự ủy nhiệm của Quốc tế Cộng sản, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã tới Hương Cảng (Trung Quốc) triệu tập Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản (từ ngày 6/1 đến 7/2/1930). Hội nghị đã tán thành hợp thống nhất các tổ chức cộng sản thành Đảng cộng sản Việt Nam.

Tóm lại, trước khi Đảng cộng sản Việt Nam ra đời. cách mạng Việt Nam “như ở trong hang tối không có đường ra”. Đảng ra đời là bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử cách mạng nước ta đã chấm dứt sự khủng hoảng về đường lối cách mạng và còn tạo ra điều kiện có tính chất quyết định đối với những thắng lợi của cách mạng Việt Nam sau này.

***Câu 9: Phong trào cách mạng nào được coi là cuộc tập dượt đầu tiên chuẩn bị cho cách mạng tháng Tám? Trình bày tóm tắt hoàn cảnh lịch sử, diễn biến của phong trào.***

Cách mạng tháng Tám thành công là nhờ sự chuẩn bị kĩ lưỡng của toàn Đảng, toàn dân ta trong suốt 15 năm trải qua nhiều cuộc đấu tranh tập dượt lớn. Cuộc tập dượt đầu tiên chuẩn bị cho cách mạng tháng Tám chính là phong trào cách mạng 1930- 1931. Vậy tại sao phong trào cách mạng lại bùng nổ trong những năm 1930- 1931? Phong trào đã diễn ra như thế nào?

Nguyên nhân của phong trào:

Về kinh tế: Từ năm 1930, do ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới (1929- 1933), nền kinh tế nước ta cũng bị khủng hoảng gây ra những hậu quả nặng nề.

Cuộc khủng hoảng bắt đầu từ ngành nông nghiệp, lúa gạo bị sụt giá, ruộng đất bị bỏ hoang lên tới 500 000 ha. Nền công thương nghiệp lệ thuộc vào Pháp bị đình đốn.

Công nghiệp khai thác than là ngành sản xuất chính nhưng sản xuất chỉ đạt bằng 50% sản lượng trước khi khủng hoảng xảy ra. Hàng hóa không xuất khẩu được bị ế thừa nhưng giá cả vẫn đắt đỏ.

Về xã hội: Hậu quả lớn nhất mà khủng hoảng kinh tế gây ra là làm trầm trọng thêm tình trạng đói khổ của các tầng lớp nhân dân lao động.

Công nhân thì bị sa thải, số còn việc làm thì đồng lương bị cắt giảm chỉ bằng một nửa so với trước.

Nông dân tiếp tục bị phá sản vì tô thuế nặng nề, nông phẩm làm ra phải bán với giá thấp, ruộng đất bị thực dân Pháp và địa chủ chiếm đoạt.

Các tầng lớp nhân dân khác kể cả địa chủ cũng không tránh khỏi tác động xấu của khủng hoảng kinh tế.

Mâu thuẫn xã hội ngày càng gay gắt trong đó mâu thuẫn giữa toàn thể nhân dân Việt Nam với thực dân Pháp và mâu thuẫn giữa địa chủ với nông dân là hai mâu thuẫn cơ bản nhất.

Chính vì vậy trong những năm cuối của thập kỉ 20, phong trào công nhân và phong trào yêu nước phát triển mạnh mẽ, lôi cuốn đông đảo các tầng lớp xã hội tham gia. Đặc biệt, sau khi khởi nghĩa Yên Bái do Việt Nam Quốc dân đảng lãnh đạo thất bại. Thực dân Pháp tiến hành khủng bố dã man phong trào cách mạng và những người yêu nước. Điều đó càng làm tăng thêm những mâu thuẫn và tình trạng bất ổn trong xã hội.

Trong bối cảnh cuộc khủng hoảng kinh tế diễn ra gay gắt và phong trào cách mạng dâng cao, ngay sau khi ra đời, Đảng Cộng sản Việt Nam đã lãnh đạo phong trào của quần chúng công nông rộng khắp cả nước.

Diễn biến:

- Từ tháng 2 đến tháng 4/1930: CN và nông dân đấu tranh đòi tăng lương, giảm giờ làm, giảm sưu, giảm thuế, đòi cải thiện đời sống...

- Cuộc đấu tranh ngày 1/5/1930, lần đầu tiên công nhân Việt Nam biểu tình kỉ niệm ngày Quốc tế lao động đã tạo nên bước ngoặt của phong trào.

- 9/1930 phong trào dâng cao mạnh mẽ, đặc biệt là ở hai tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh chính quyền địch đã bị lật đổ, chính quyền mới được thành lập gọi là chính quyền “Xô viết”.

Như vậy, chính sách áp bức của chủ nghĩa thực dân là nguyên nhân sâu xa dẫn đến sự bùng nổ phong trào cách mạng 1930- 1931. Phong trào lần đầu tiên dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đã diễn ra trên quy mô cả nước, thu hút đông đảo quần chúng tham gia với hình thức đấu tranh quyết liệt. Đây thực sự là cuộc tập dượt đầu tiên của Đảng và nhân dân ta chuẩn bị cho cách mạng tháng tám.

***Câu 10. Trình bày sự ra đời và chính sách của chính quyền Xô Viết Nghệ-Tĩnh.***

-Từ tháng 9/ 1930, ở nhiều nơi thuộc hai tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh, quần chúng nhân dân đã nổi dậy tự vũ trang chống lại chính quyền thực dân, phong kiến.

Ngày 12/7/1930, nông dân huyện Hưng Nguyên biểu tình kéo về thành phố Vinh, giương cao khẩu hiệu “Đả đảo chủ nghĩa đế quốc”, “đả đảo nam triều”... Dòng người càng đi càng đông thêm. Khi đến gần Vinh đã có tới gần 3 vạn người tham gia xếp thành hàng dài tới 4km. Đoàn biểu tình đã bị thực dân Pháp đàn áp dã man làm chết 217 người và bị thương 125 người. Hành động của thực dân Pháp càng làm bùng lên ngọn lửa đấu tranh của nhân dân, họ đã kéo lên đốt phá huyện đường, đốt các khê ước. Sức mạnh của quần chúng làm cho chính quyền địch bị tê liệt, tan rã. Ở nhiều nơi chính quyền xô viết đã ra đời thực hiện quyền làm chủ của quần chúng.

-Về chính trị: quần chúng được tự do lập hội, tự do hội họp. Các đội tự vệ đỏ và tòa án nhân dân được thành lập.

-Về kinh tế: chia ruộng đất cho nông dân, xóa bỏ các thứ thuế vô lí: thuế thân, thuế muối...; xóa nợ cho người nghèo, tu sửa cầu cống, đường giao thông; lập các tổ chức để giúp đỡ nhau sản xuất.

-Về văn hóa xã hội: mở lớp dạy chữ quốc ngữ, xóa bỏ các tên nạn mê tín dị đoan... Trật tự an ninh được giữ vững; tinh thần đoàn kết giúp đỡ nhau được xây dựng.

Xô viết Nghệ Tĩnh là đỉnh cao của phong trào cách mạng 1930- 1931 đã thể hiện rõ tính ưu việt của chính quyền mới- vì nhân dân. Vì vậy, tuy chỉ tồn tại chưa đầy 5 tháng nhưng Xô viết Nghệ Tĩnh đã cổ vũ tinh thần đấu tranh của nhân dân cả nước.

### ***Câu 11: Trình bày ý nghĩa lịch sử và bài học kinh nghiệm của phong trào cách mạng 1930- 1931.***

Phong trào cách mạng 1930- 1931 lần đầu tiên dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đã diễn ra trên quy mô cả nước, thu hút đông đảo quần chúng tham gia với hình thức đấu tranh quyết liệt. Tuy chỉ diễn ra trong một thời gian ngắn nhưng có ý nghĩa lịch sử to lớn.

Phong trào đã khẳng định tính đúng đắn của đường lối cách mạng của Đảng, quyền lãnh đạo của giai cấp công nhân đối với cách mạng Đông Dương.

Từ phong trào, lần đầu tiên trong lịch sử cách mạng nước ta, khối liên minh công nông hình thành.

Phong trào cách mạng 1930- 1931 được đánh giá cao trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế. Quốc tế cộng sản đã công nhận Đảng Cộng sản Đông Dương là phân bộ độc lập, trực thuộc Quốc tế Cộng sản.

Phong trào cách mạng 1930- 1931 đã để lại cho Đảng ta nhiều bài học kinh nghiệm quý báu về công tác st] tưởng, về xây dựng khối liên minh công nông và mặt trận dân tộc thống nhất, về tổ chức, lãnh đạo quần chúng đấu tranh.

Phong trào có ý nghĩa như cuộc tập dượt đầu tiên của Đảng và nhân dân ta chuẩn bị cho Tổng khởi nghĩa tháng tám sau này.

**Câu 12: Phân tích những nguyên nhân làm bùng nổ phong trào cách mạng 1936- 1939.**

Cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới 1929- 1933) đã gây ra những hậu quả nghiêm trọng, không chỉ làm cho nền kinh tế thế giới bị suy sụp mà khủng hoảng còn làm xuất hiện chủ nghĩa phát xít ở nhiều nước đặc biệt là ở Đức, Italia, Nhật Bản. Chủ nghĩa phát xít âm mưu tiến hành chiến tranh phân chia lại thị trường thế giới. Chúng đã ráo riết tiến hành chạy đua vũ trang đẩy thế giới đứng trước nguy cơ cuộc chiến tranh mới.

Đứng trước tình hình đó, tại Đại hội lần thứ VII Quốc tế Cộng sản đã xác định kẻ thù trước mắt của nhân dân thế giới không phải chủ nghĩa đế quốc nói chung mà là chủ nghĩa phát xít và nguy cơ chiến tranh. Từ đó Quốc tế cộng sản ra lời kêu gọi thành lập ở các nước mặt trận nhân dân thống nhất lực lượng cách mạng chĩa mũi nhọn vào chủ nghĩa phát xít, chống chiến tranh bảo vệ hòa bình thế giới.

Hưởng ứng lời kêu gọi của Quốc tế Cộng sản, ở nhiều nước đã thành lập mặt trận nhân dân chống phát xít trong đó có nước Pháp. Tháng 6/1936, chính phủ Mặt trận nhân dân Pháp thành lập đã cho thi hành một số chính sách dân chủ đối với thuộc địa.

Trong khi đó ở Đông Dương, sau phong trào cách mạng 1930- 1931 Đảng đã tiến hành phục hồi lực lượng và phong trào cách mạng. Tháng 3 năm 1935, Đại hội lần thứ nhất đã đánh dấu sự phục hồi của Đảng.

Tháng 7 năm 1936, Hội nghị Ban chấp hành trung ương do đồng chí Lê Hồng Phong chủ trì đã diễn ra tại Thượng Hải (Trung Quốc). Hội nghị xác định kẻ thù trước mắt của nhân dân Đông Dương là bọn phản động pháp và tay sai ở thuộc địa không chịu thi hành chính sách của chính phủ Mặt trận nhân dân. Từ đó hội nghị đề ra nhiệm vụ trước mắt là chống chế độ phản động thuộc địa, chống phát xít, chống chiến tranh, đòi tự do, dân sinh, dân chủ, cơm áo, hòa bình. Hội nghị còn chủ trương kết hợp các hình thức đấu tranh công khai và bí mật, hợp pháp và bất hợp pháp. Hội nghị đã thành lập Mặt trận thống nhất nhân dân phản đế Đông Dương (đến tháng 3/1938 đổi tên thành Mặt trận Dân chủ Đông Dương).

Sau khủng hoảng kinh tế, thực dân Pháp tiếp tục tăng cường khai thác thuộc địa nhằm bù đắp những thiệt hại do khủng hoảng kinh tế gây ra. Điều đó khiến cho đời sống của các tầng lớp nhân dân Đông Dương vẫn rất khó khăn. Chính quyền thực dân lại không chịu thi hành những chính sách tiến bộ của Chính phủ Mặt trận nhân dân. Chính vì thế họ hăng hái tham gia phong trào đấu tranh đòi tự do dân sinh dân chủ dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương.

Phong trào dân chủ 1936- 1939 do Đảng Cộng sản Đông Dương lãnh đạo đã diễn ra sôi nổi trong cả nước. Bằng sức mạnh của quần chúng, phong trào đã buộc thực dân Pháp phải nhượng bộ một số yêu sách cụ thể trước mắt về dân sinh dân chủ; quần chúng được giác ngộ về chính trị tham gia cách mạng và trở thành lực lượng chính trị hùng hậu; đội ngũ cán bộ đảng viên được rèn luyện và ngày càng trưởng thành. Vì vậy, phong trào dân chủ 1936- 1939 chính là cuộc



tập dượt tiếp theo (sau phong trào 1930-1931) chuẩn bị cho Tổng khởi nghĩa tháng Tám sau này.

**Câu 13: Anh (chị) hãy phân tích vì sao trong những năm 1939- 1945 Đảng Cộng sản Đông Dương lại chủ trương chuyển hướng đấu tranh cách mạng? Chủ trương đó là gì?**

Trong những năm 1939- 1945, tình hình thế giới và trong nước đã có những chuyển biến mau lẹ tác động mạnh mẽ tới cuộc đấu tranh cách mạng của nhân dân ta.

Về chính trị:

Ngày 1/9/1939, cuộc chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ. Ở Châu Âu, quân đội phát xít nhanh chóng làm chủ Ba Lan và hầu hết các nước trong đó có nước Pháp (tháng 6 năm 1940). Chính phủ Pháp đầu hàng phát xít Đức và thực hiện những chính sách thù địch đối với các lực lượng tiên bộ trong nước và phong trào cách mạng các nước thuộc địa.

Ở Đông Dương, chính quyền thực dân Pháp đã thực hiện một loạt các chính sách nhằm vơ vét sức người, sức của để dốc vào cuộc chiến tranh.

Tháng 9 năm 1940, phát xít Nhật nhảy vào Đông Dương. Bọn thực dân Pháp nhanh chóng đầu hàng dâng nước ta cho Nhật. Bọn đế quốc và phát xít tạm thời bắt tay với nhau cùng bóc lột nhân dân Đông Dương.

Bước sang năm 1945, quân đồng minh tổng phản công quân phát xít trên khắp các chiến trường và tiến vào tận xào huyệt của chúng. Ở châu Á, quân Nhật cũng đứng trước nguy cơ bị tiêu diệt hoàn toàn. Ngày 9/3/1945, Nhật đảo chính Pháp. Lợi dụng cơ hội đó, nhân dân ta đã đẩy mạnh các hoạt động đấu tranh cách mạng tạo không khí sục sôi, chuẩn bị sẵn sàng vùng lên khởi nghĩa.

Về kinh tế- xã hội:

Từ đầu tháng 9 năm 1939, thực dân Pháp đã ra lệnh tổng động viên, cung cấp cho “mẫu quốc” tiềm lực tối đa của Đông Dương về quân sự, nhân lực, các sản phẩm và nguyên liệu.

Thực dân Pháp thi hành chính sách kinh tế chỉ huy, tăng mức thuế cũ, đặt thuế mới, đồng thời sa thải bớt công nhân, viên chức, giảm tiền lương, tăng giờ làm... kiểm soát gắt gao việc sản xuất, phân phối, ấn định giá cả.

Khi quân Nhật vào Đông Dương, thực dân Pháp buộc phải để cho Nhật sử dụng các sân bay, phương tiện giao thông, kiểm soát hệ thống đường sắt và các tàu biển. Hàng năm, Nhật bắt thực dân Pháp phải nộp cho chúng một số tiền lớn.

Quân Nhật còn cướp ruộng đất của nông dân, bắt nông dân nhổ lúa, ngô trồng đay, trồng thầu dầu phục vụ cho nhu cầu chiến tranh.

Nhật yêu cầu chính quyền thực dân Pháp phải xuất các nguyên liệu chiến lược như: than, sắt, cao su... sang Nhật Bản. Đồng thời các công ty của Nhật cũng đầu tư khai thác khoáng sản: mangan, sắt ở Thái Nguyên, apatit ở Lào Cai.

Chính sách vơ vét. Bóc lột của Pháp- Nhật đã trực tiếp gây ra nạn đói cuối năm 1944 đầu năm 1945 làm chết gần 2 triệu đồng bào

Dưới ách thống trị của Nhật-Pháp, nhân dân ta bị đẩy vào tình cảnh “một cổ hai tròng” không lối thoát. Tất cả các giai cấp, tầng lớp trong xã hội đều cảm phần đến tột cùng trước bọn xâm lược.

Trong hoàn cảnh đó, Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng cộng sản Đông Dương tháng 11 năm 1939 dưới sự chủ trì của Tổng bí thư Nguyễn Văn Cừ, đã đề ra chủ trương đánh đổ đế quốc và tay sai, giải phóng các dân tộc Đông Dương, làm cho Đông Dương hoàn toàn độc lập.

Thực hiện chủ trương giải phóng dân tộc, Hội nghị còn đề ra chủ trương tạm gác khẩu hiệu cách mạng ruộng đất và đề ra khẩu hiệu tịch thu ruộng đất của đế quốc và địa chủ phản bội, chống tô cao, lãi nặng. Thay khẩu hiệu lập chính quyền Xô viết công nông binh bằng khẩu hiệu lập Chính phủ dân chủ cộng hòa.

Để tập hợp đông đảo quần chúng cho mục tiêu giải phóng dân tộc, Hội nghị đã chủ trương thành lập Mặt trận thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương (gọi tắt là Mặt trận phản đế) thay cho Mặt trận dân chủ Đông Dương.

Nghị quyết của Hội nghị BCH Trung ương Đảng tháng 11/ 1939, đánh dấu bước chuyển hướng đấu tranh cách mạng của Đảng và nhân dân ta- đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu, đưa nhân dân ta bước vào thời kì trực tiếp vận động giải phóng dân tộc.

Trong những năm tiếp theo, BCH Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương liên tiếp tổ chức các Hội nghị bàn về nhiệm vụ giải phóng dân tộc. Đặc biệt là Hội nghị Trung ương tháng 5/1941 dưới sự chủ trì của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc diễn ra tại Pắc Bó (Cao Bằng). Hội nghị đã hoàn chỉnh chủ trương giải phóng dân tộc được đề ra tại Hội nghị Trung ương tháng 11/ 1939.

Chính nhờ có sự điều chỉnh kịp thời của Đảng về mục tiêu phương pháp đấu tranh cách mạng nên trong những năm 1939- 1945 phong trào cách mạng ở nước ta phát triển mạnh mẽ. Đây là một trong những yếu tố quan trọng để dẫn tới thành công của Cách mạng tháng Tám năm 1945.

***Câu 14: Trình bày hoàn cảnh triệu tập, nội dung và vai trò của Hội Nghị Ban chấp hành trung ương tháng 11/1939.***

Cuộc chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ ngày 1/9/1939 và nhanh chóng lan rộng trên phạm vi thế giới. Bọn thực dân Pháp ở thuộc địa đã tiến hành đàn áp dã man phong trào cách mạng và xóa bỏ mọi quyền tự do dân chủ mà nhân dân ta đã giành được qua phong trào dân chủ 1936- 1939 đồng thời tăng cường chính sách bóc lột thuộc địa nhằm chuẩn bị cho chiến tranh.

Trong hoàn cảnh đó, Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng cộng sản Đông Dương tháng 11 năm 1939 dưới sự chủ trì của Tổng bí thư Nguyễn Văn Cừ, được triệu tập tại Bà Điểm (Hóc Môn, Gia Định).

Hội nghị xác định nhiệm vụ mục tiêu trước mắt của cách mạng Đông Dương là đánh đổ đế quốc và tay sai, giải phóng các dân tộc Đông Dương, làm cho Đông Dương hoàn toàn độc lập.

Thực hiện chủ trương giải phóng dân tộc, Hội nghị còn đề ra chủ trương tạm gác khẩu hiệu cách mạng ruộng đất và đề ra khẩu hiệu tịch thu ruộng đất của đế quốc và địa chủ phản bội, chống tô cao, lãi nặng. Thay khẩu hiệu lập chính quyền Xô viết công nông binh bằng khẩu hiệu lập Chính phủ dân chủ cộng hòa.

Hội nghị chỉ rõ mục tiêu đấu tranh chuyển từ đấu tranh đòi tự do, dân sinh, dân chủ sang đấu tranh đánh đổ chính quyền đế quốc và tay sai; từ hoạt động hợp pháp, nửa hợp pháp sang hoạt động bí mật.

Để tập hợp đông đảo quần chúng cho mục tiêu giải phóng dân tộc, Hội nghị đã chủ trương thành lập Mặt trận thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương (gọi tắt là Mặt trận phản đế) thay cho Mặt trận dân chủ Đông Dương.

Nghị quyết của Hội nghị BCH Trung ương Đảng tháng 11/ 1939, đánh dấu bước chuyển hướng đấu tranh cách mạng của Đảng và nhân dân ta- đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu, đưa nhân dân ta bước vào thời kì trực tiếp vận động giải phóng dân tộc.

***Câu 15: Trình bày hoàn cảnh triệu tập, nội dung và vai trò của Hội nghị Ban chấp hành Trung ương tháng 5/1941.***

Sau khi chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ, chủ nghĩa phát xít đã nhanh chóng làm chủ hầu hết các chiến trường. Ở châu Á, tháng 9 năm 1940, phát xít Nhật xâm lược Đông Dương, bọn thực dân Pháp đã hèn nhát đầu hàng dâng nước ta cho Nhật, cầu kết với chúng bóc lột nhân dân ta. Dưới hai tầng áp bức bóc lột của Nhật, Pháp nhân dân ta bị đẩy vào tình cảnh “một cổ hai tròng” không có lối thoát nếu không tự đứng lên giải phóng mình khỏi ách đô hộ của đế quốc, phát xít.

Trong hoàn cảnh ấy, ngày 28-1-1941, Nguyễn Ái Quốc về nước trực tiếp lãnh đạo cách mạng. Sau một thời gian chuẩn bị, Người đã triệu tập và chủ trì Hội nghị lần thứ 8 Ban chấp hành Trung ương Đảng tại Pắc Bó (CaoBawng) từ ngày 10 đến 19- 5 1941.

Hội nghị khẳng định nhiệm vụ chủ yếu trước mắt của cách mạng là giải phóng dân tộc, tiếp tục tạm gác khẩu hiệu cách mạng ruộng đất, nêu khẩu hiệu giảm tô, giảm tức, chia lại ruộng công, tiến tới thực hiện người cày có ruộng. Sau khi đánh đuổi đế quốc Pháp- Nhật sẽ thành lập Chính phủ nhân dân của nước Việt Nam dân chủ Cộng hòa.

Hội nghị chủ trương đưa cách mạng Đông Dương trở về mỗi nước. Riêng ở Việt Nam, Hội nghị chủ trương thành lập Mặt trận Việt Nam độc lập đồng minh thay cho Mặt trận thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương, thay tên các Hội phản đế thành Hội cứu quốc.

Hội nghị xác định hình thái của cuộc khởi nghĩa ở nước ta là đi từ khởi nghĩa từng phần tiến lên tổng khởi nghĩa và nhấn mạnh: chuẩn bị khởi nghĩa là nhiệm vụ trọng tâm của toàn Đảng, toàn dân.

Sau Hội nghị, ngày 19-5- 1941 Mặt trận Việt Minh thành lập.

Hội nghị lần thứ 8 Ban chấp hành Trung ương Đảng có ý nghĩa lịch sử to lớn, đã hoàn chỉnh chủ trương chuyển hướng đấu tranh cách mạng của Đảng được đề ra từ Hội nghị Trung ương lần thứ 6(11-1939) nhằm giải quyết mục tiêu số một của cách mạng là dân tộc giải phóng và đề ra nhiều chủ trương sáng tạo để thực hiện mục tiêu ấy.

***Câu 16: Hội nghị nào đánh dấu sự hoàn chỉnh chủ trương chuyển hướng đấu tranh cách mạng của Đảng? Trình bày hoàn cảnh triệu tập, nội dung của Hội nghị đó.***

Trong lịch sử cách mạng Việt Nam từ khi có Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo thực hiện mục tiêu giải phóng dân tộc, vào mỗi thời điểm cụ thể của lịch sử, Đảng ta lại điều chỉnh chiến lược, đề ra những sách lược phù hợp để đáp ứng nhiệm vụ quan trọng nhất của cách mạng. Từ phong trào dân chủ 1936- 1939 với mục tiêu đòi tự do, dân sinh, dân chủ, cơm áo, hòa bình; sau khi chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ Đảng đã chuyển hướng đấu tranh đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu. Hội nghị đánh dấu sự hoàn chỉnh chuyển hướng đấu tranh cách mạng của Đảng đó là Hội nghị Ban chấp hành trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương lần thứ tám tháng 5 năm 1941.

Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng lần thứ tám được triệu tập trong hoàn cảnh cuộc Chiến tranh thế giới thứ hai đã lan rộng trên phạm vi thế giới. Chủ nghĩa phát xít có thể sẽ thống trị và đẩy loài người vào cảnh tăm tối khôn cùng.

Ở Đông Dương, Phát xít Nhật đã tiến vào (tháng 9 năm 1940), bọn thực dân Pháp không những không bảo vệ nhân dân ta trong vai trò của “mẫu quốc” mà chúng còn đem dân nước ta cho Nhật, cấu kết với chúng bóc lột đồng bào ta. Vì thế mâu thuẫn dân tộc giữa nhân dân ta với bọn đế quốc phát xít gay gắt hơn lúc nào bằng.

Trong khi đó, với nhãn quan thiên tài của mình, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc nhận định: chiến tranh sẽ tạo ra cơ hội giải phóng cho các dân tộc. Vì vậy, sau 30 năm bôn ba khắp thế giới, Người đã quyết định trở về tổ quốc trực tiếp lãnh đạo cách mạng.

Sau khi về nước, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã triệu tập và chủ trì Hội nghị Ban chấp hành Trung Ương Đảng Cộng sản Đông Dương từ ngày 10 đến 19 tháng 5 năm 1941 tại Pắc Bó (Cao Bằng).

Hội nghị đã chỉ rõ, mâu thuẫn dân tộc giữa nhân dân ta với bọn đế quốc phát xít là mâu thuẫn chủ yếu trước mắt và cần phải được giải quyết. Từ đó Hội nghị đã đưa ra chủ trương giương cao hơn nữa ngọn cờ giải phóng dân tộc, tất cả các nhiệm vụ khác kể cả vấn đề ruộng đất cũng phải nhằm mục tiêu ấy mà giải quyết.

Từ đó Hội nghị chủ trương tiếp tục tạm gác khẩu hiệu cách mạng ruộng đất, đề ra khẩu hiệu giảm tô, giảm tức, chia lại ruộng đất công, tiến tới thực hiện người cày có ruộng và thành lập Chính phủ nhân dân của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Hội nghị chủ trương đưa vấn đề giải phóng dân tộc về khuôn khổ mỗi nước Đông Dương. Riêng ở Việt Nam, Hội nghị chủ trương thành lập Mặt trận Việt Nam độc lập đồng minh (gọi tắt là Mặt trận Việt Minh) thay cho Mặt trận thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương và giúp đỡ việc lập mặt trận ở Lào và Cam pu chia. Mục tiêu của Mặt trận Việt Minh là đoàn kết mọi giai cấp, tầng lớp trong xã hội đấu tranh cho mục tiêu giải phóng dân tộc. Cơ sở của Mặt trận là các Hội Cứu quốc.



Hội nghị xác định hình thái của cách mạng là đi từ hình thức thấp đến hình thức cao: từ khởi nghĩa từng phần tiến lên tổng khởi nghĩa. Từ đó đề ra nhiệm vụ chuẩn bị khởi nghĩa là trọng tâm của toàn Đảng, toàn dân ta.

Như vậy, sau Hội nghị Trung ương lần thứ sáu (11/1939), Hội nghị Trung ương lần thứ tám đi vào lịch sử cách mạng trở thành Hội nghị đánh dấu sự hoàn chỉnh chủ trương chuyển hướng đấu tranh cách mạng của Đảng. Nhờ có những quyết định sáng suốt của Đảng và lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã tạo ra quá trình chuẩn bị sôi nổi, khẩn trương nhằm tiến tới cuộc tổng khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân, giành độc lập dân tộc.

***Câu 17: Từ sau Hội nghị BCH Trung ương Đảng lần thứ 8 (5/1941) đến trước ngày Nhật đảo chính Pháp (3/1945), công cuộc chuẩn bị lực lượng cho cuộc khởi nghĩa vũ trang của Đảng đã diễn ra như thế nào?***

***(Vai trò của Mặt trận Việt Minh đối với cách mạng nước ta trong những năm 1941- 1945)***

Tại Hội nghị BCH Trung ương 8 (tháng 5/ 1941), Đảng cộng sản Đông Dương đã khẳng định nhiệm vụ chủ yếu trước mắt của cách mạng là giải phóng dân tộc... Hội nghị còn xác định hình thái của cuộc khởi nghĩa ở nước ta là đi từ khởi nghĩa từng phần tiến lên tổng khởi nghĩa và nhấn mạnh: chuẩn bị khởi nghĩa là nhiệm vụ trung tâm của toàn Đảng, toàn dân.

Thực hiện chủ trương của Đảng, sau Hội nghị Trung ương 8, Mặt trận Việt Minh đã lãnh đạo công tác chuẩn bị mọi mặt cho cuộc khởi nghĩa vũ trang đã được tiến hành.

\* Xây dựng lực lượng chính trị:

Một trong những nhiệm vụ cấp bách của Đảng là vận động quần chúng tham gia Việt Minh. Cao Bằng là nơi thí điểm cuộc vận động xây dựng các Hội cứu quốc trong Mặt trận Việt Minh. Với cương lĩnh 10 điểm thể hiện sự quan tâm đến lợi ích của quần chúng, Mặt trận Việt Minh đã tạo được sức hút mạnh mẽ đối với quần chúng. Đến năm 1942, khắp các châu ở Cao Bằng đều có Hội Cứu quốc, trong đó có ba châu “hoàn toàn”. Ủy ban Việt Minh Cao Bằng và Ủy ban Việt Minh liên tỉnh Cao- Bắc- Lạng được thành lập.

Ở nhiều tỉnh miền Bắc, một số tỉnh miền Trung, Hà Nội, Hải Phòng, hầu hết các Hội Phản đế chuyển thành Hội Cứu quốc, đồng thời nhiều Hội Cứu quốc mới ra đời.

Trong khi chú trọng tới công nhân, nông dân, Đảng còn tranh thủ tập hợp rộng rãi các tầng lớp khác như sinh viên, học sinh, trí thức, tư sản dân tộc vào mặt trận cứu nước. Năm 1943, Đảng đưa ra bản Đề cương Văn hóa Việt Nam. Năm 1944, Đảng Dân chủ Việt Nam và Hội Văn hóa Cứu quốc được thành lập và đứng trong Mặt trận Việt Minh. Ngoài ra, Đảng còn tăng cường vận động binh lính người Việt trong quân đội Pháp và cả những ngoại kiều yêu chuộng hòa bình ở Đông Dương.

Báo chí của Đảng và Mặt trận Việt Minh được xuất bản: Giải phóng, Cờ giải phóng, Chặt xiềng, Việt Nam độc lập... đã góp phần vào việc tuyên truyền

đường lối chính sách của Đảng, đấu tranh chống những thủ đoạn chính trị, văn hóa của địch...

**\* Xây dựng lực lượng vũ trang**

Cùng với việc xây dựng lực lượng chính trị, công tác xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng được Đảng đặc biệt quan tâm. Sau khi cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn thất bại, một bộ phận lực lượng vũ trang khởi nghĩa chuyển sang xây dựng thành những đội du kích, hoạt động ở căn cứ địa Bắc Sơn- Vũ Nhai.

Bước sang năm 1941, những đội du kích ở khu căn cứ Bắc Sơn- Vũ Nhai lớn mạnh lên và thống nhất lại thành các trung đội Cứu quốc quân. Cứu quốc quân phát động chiến tranh du kích trong 8 tháng (từ tháng 7/1941 đến tháng 2/1942) để đối phó với sự vây quét của địch, sau đó phân tán thành nhiều bộ phận nhỏ để chấn chỉnh lực lượng, gây dựng cơ sở chính trị trong quần chúng... tại các tỉnh Thái Nguyên, Tuyên Quang, Lạng Sơn.

**\* Xây dựng căn cứ địa cách mạng**

Công tác xây dựng căn cứ địa cách mạng cũng được Đảng quan tâm. Vùng Bắc Sơn- Vũ Nhai được xây dựng thành căn cứ địa cách mạng. Năm 1941, sau khi về nước, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc chọn Cao Bằng để xây dựng căn cứ địa trên cơ sở lực lượng chính trị được tổ chức và phát triển. Đó là hai căn cứ địa cách mạng đầu tiên của nước ta.

Trong những vùng căn cứ địa cách mạng, hàng ngày diễn ra các hoạt động sản xuất, xây dựng, chiến đấu, hoạt động của các đoàn thể cứu quốc, lực lượng vũ trang. Từ đó tạo bàn đạp để phát triển lực lượng cách mạng ra cả nước.

**\* Gấp rút chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền**

Từ đầu năm 1943, cuộc chiến tranh thế giới chuyển biến có lợi cho cách mạng. Hồng quân Liên xô chuyển sang phản công quân Đức, sự thất bại của chủ nghĩa phát xít đã rõ ràng. Tình hình đó đòi hỏi Đảng ta phải đẩy mạnh hơn nữa công tác chuẩn bị cho cuộc khởi nghĩa giành chính quyền.

Từ ngày 25 đến ngày 28 tháng 2 năm 1943, Ban thường vụ Trung ương Đảng họp tại Võng La (Đông Anh- Phúc Yên). Hội nghị đã vạch ra một kế hoạch cụ thể về công việc chuẩn bị toàn diện cho việc khởi nghĩa vũ trang. Sau hội nghị này, công cuộc chuẩn bị khởi nghĩa được tiến hành gấp rút.

Tại các tỉnh miền núi phía Bắc, công cuộc chuẩn bị khởi nghĩa diễn ra rất khẩn trương. Ở căn cứ Bắc Sơn- Vũ Nhai, Cứu quốc quân hoạt động mạnh: tuyên truyền vũ trang, gây dựng cơ sở chính trị, mở rộng khu căn cứ. Ở căn cứ Cao Bằng, những đội tự vệ vũ trang, đội du kích được thành lập. Năm 1943, Ủy ban Việt Minh liên tỉnh Cao- Bắc- Lạng thành lập 19 ban “xung phong nam tiến” để liên lạc với căn cứ Bắc Sơn- Vũ Nhai và phát triển lực lượng xuống các tỉnh miền xuôi.

Ngày 7/5/1944, tổng bộ Việt Minh ra chỉ thị cho các cấp “Sửa soạn khởi nghĩa” và kêu gọi nhân dân “Sắm vũ khí đuổi thù chung”

Ngày 22/12/1944, theo chỉ thị của Hồ Chí Minh, Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân được thành lập. Sau khi ra đời, đội đã đánh thắng hai trận liên tiếp tại Phay Khắt và Nà Ngần. Trên cơ sở đó căn cứ địa Cao- Bắc- Lạng cũng được mở rộng.

Công cuộc chuẩn bị cho cuộc khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền của toàn Đảng, toàn dân ta đã diễn ra và ngày càng khẩn trương. Công tác chuẩn bị mọi mặt vẫn tiếp tục cho đến trước ngày tổng khởi nghĩa.

Nhờ công tác chuẩn bị kỹ càng về mọi mặt, toàn Đảng, toàn dân ta đã ở tư thế sẵn sàng cho cuộc nổi dậy giành chính quyền. Đó là một trong những nhân tố quan trọng nhất dẫn đến thành công của Cách mạng tháng Tám.

***Câu hỏi 18: Trình bày về sự ra đời và phát triển của lực lượng vũ trang từ 1940 đến 1945.***

Cùng với việc xây dựng lực lượng chính trị, công tác xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng được Đảng đặc biệt quan tâm.

Sau khi cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn thất bại, một bộ phận lực lượng vũ trang khởi nghĩa chuyển sang xây dựng thành những đội du kích, hoạt động ở căn cứ địa Bắc Sơn- Vũ Nhai.

Bước sang năm 1941, những đội du kích ở khu căn cứ Bắc Sơn- Vũ Nhai lớn mạnh lên và thống nhất lại thành các trung đội Cứu quốc quân I. Cứu quốc quân phát động chiến tranh du kích trong 8 tháng (từ tháng 7/1941 đến tháng 2/1942) để đối phó với sự vây quét của địch, sau đó phân tán thành nhiều bộ phận nhỏ để chấn chỉnh lực lượng, gây dựng cơ sở chính trị trong quần chúng... tại các tỉnh Thái Nguyên, Tuyên Quang, Lạng Sơn. Tháng 9/1941, trung đội Cứu quốc quân II thành lập.

Ở căn cứ Bắc Sơn- Vũ Nhai, Cứu quốc quân hoạt động mạnh: tuyên truyền vũ trang, gây dựng cơ sở chính trị, mở rộng khu căn cứ. Ở căn cứ Cao Bằng, những đội tự vệ vũ trang, đội du kích được thành lập.

Năm 1943, Ủy ban Việt Minh liên tỉnh Cao- Bắc- Lạng thành lập 19 ban “xung phong nam tiến” để liên lạc với căn cứ Bắc Sơn- Vũ Nhai và phát triển lực lượng xuống các tỉnh miền xuôi. Trong quá trình đó, Trung đội Cứu Quốc quân II thành lập.

Ngày 22/12/1944, theo chỉ thị của Hồ Chí Minh, Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân được thành lập. Sau khi ra đời, đội đã đánh thắng hai trận liên tiếp tại Phay Khắt và Nà Ngần. Trên cơ sở đó căn cứ địa Cao- Bắc- Lạng cũng được mở rộng.

Ngày 15/ 5/ 1945, Cứu Quốc quân đã thống nhất với Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân thành Việt Nam giải phóng quân. Nhiều chiến khu và khu căn cứ của các địa phương được xây dựng.

***Câu 19: Trình bày các hình thức mặt trận thống nhất do ĐCS Đông Dương đề ra và thực hiện từ năm 1930 đến năm 1945.***

Đoàn kết toàn dân trong mặt trận dân tộc thống nhất là một nhân tố quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Đây là một chính sách lớn của Đảng, thể hiện sự sáng tạo, linh hoạt của Đảng nhằm cô lập kẻ thù, đoàn kết các lực lượng có thể để phấn đấu cho một mục tiêu chung.

Trong thời kì 1930- 1931, căn cứ vào tình hình thực tế, tại Hội nghị tháng 10 năm 1930, Đảng Cộng sản Đông Dương chủ trương thành lập Hội phản đế đồng

minh Đông Dương. Hội đã bước đầu tập hợp được quần chúng dưới hình thức các Nông hội đỏ, Công hội đỏ, Hội phụ nữ, đoàn Thanh niên phản đế...

Trong thời kì 1936- 1939, tình hình thế giới và trong nước có nhiều chuyển biến lớn. Tháng 7 năm 1936, Hội nghị Ban chấp hành trung ương do đồng chí Lê Hồng Phong chủ trì đã diễn ra tại Thượng Hải (Trung Quốc). Hội nghị đã thành lập Mặt trận thống nhất nhân dân phản đế Đông Dương (đến tháng 3/1938 đổi tên thành Mặt trận Dân chủ Đông Dương. chống chế độ phản động thuộc địa, chống phát xít, chống chiến tranh, đòi tự do, dân sinh, dân chủ, cơm áo, hòa bình.

Sau khi chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ, Hội nghị Ban chấp hành trung ương lần thứ 6 (11/1939) chủ trương thành lập Mặt trận thống nhất Dân tộc phản đế Đông Dương. Mặt trận đã đoàn kết rộng rãi các giai cấp, tầng lớp giương cao ngọn cờ giải phóng dân tộc trong những năm 1939-1941.

Đặc biệt là Hội nghị Trung ương tháng 5/1941 dưới sự chủ trì của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc diễn ra tại Pắc Bó (Cao Bằng) Hội nghị chủ trương thành lập Mặt trận Việt Nam độc lập đồng minh (gọi tắt là Mặt trận Việt Minh) thay cho Mặt trận thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương và giúp đỡ việc lập mặt trận ở Lào và Cam pu chia. Mục tiêu của Mặt trận Việt Minh là đoàn kết mọi giai cấp, tầng lớp trong xã hội đấu tranh cho mục tiêu giải phóng dân tộc. Cơ sở của Mặt trận là các Hội Cứu quốc.

Mặt trận Việt Minh đã có những đóng góp to lớn trong quá trình phát triển lực lượng chính trị, xây dựng lực lượng vũ trang, hình thành các căn cứ địa cách mạng, tập hợp và hướng dẫn quần chúng tham gia Cao trào kháng Nhật cứu nước, tiến tới tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước.

***Câu 20: Tại sao Đảng ta lại ban hành chỉ thị “Nhật- Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta”? Chỉ thị của Đảng đã có tác động như thế nào đến phong trào cách mạng lúc đó. Trình bày kết quả, ý nghĩa của phong trào.***

Trong mọi hoàn cảnh lịch sử của cách mạng nước ta, sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố quyết định nhất mang lại thắng lợi của cách mạng. Mọi sự chỉ đạo của Đảng đều căn cứ vào tình hình thực tế. Chỉ thị “Nhật- Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta” cũng được đề ra dựa trên quan điểm đó. Vậy tại sao Đảng Cộng sản Đông Dương lại đề ra chỉ thị nêu trên?

Đến đầu năm 1945, chiến tranh thế giới thứ hai đi vào giai đoạn cuối, chủ nghĩa phát xít đứng trước nguy cơ bị tiêu diệt hoàn toàn. Trong tình thế đó, bọn thực dân Pháp ở Đông Dương ngóc đầu dậy chuẩn bị lật đổ phát xít Nhật khi quân Đồng minh tới nhằm khôi phục lại địa vị thống trị cũ.

Để phòng trừ hậu họa, đêm ngày 9/3/1945, phát xít Nhật đã ra tay trước bằng cuộc đảo chính lật đổ thực dân Pháp độc chiếm Đông Dương. Chỉ sau vài giờ kháng cự yếu ớt, bọn thực dân Pháp lại đầu hàng phát xít Nhật. Như thế Việt Nam từ chỗ là thuộc địa của Pháp nay trở thành thuộc địa của Nhật.

Trước tình hình đó, ngay trong đêm ngày 9/3/1945, Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương đã họp tại Đình Bảng (Bắc Ninh). Đến ngày 12/3/1945, Ban Thường vụ Trung ương Đảng đã ra chỉ thị “Nhật- Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta”. Chỉ thị nêu rõ: cuộc đảo chính đã



tạo nên sự khủng hoảng sâu sắc... một kẻ thù đã ngã gục, còn một kẻ thù đang trong cơn giãy chết. Đây là cơ hội cho chúng ta tiến lên đánh đuổi kẻ thù duy nhất là phát xít Nhật giành độc lập dân tộc. Vì thế khẩu hiệu đấu tranh “Đánh đuổi đế quốc, phát xít Pháp- Nhật” được thay bằng khẩu hiệu “Đánh đuổi phát xít Nhật”, “thành lập chính quyền cách mạng”.

Tuy nhiên Hội nghị nhấn mạnh, điều kiện tổng khởi nghĩa chưa chín muồi. Vì vậy, Thường vụ trung ương Đảng quyết định phát động “Cao trào kháng Nhật cứu nước” làm tiền đề cho cuộc tổng khởi nghĩa.

Chỉ thị “Nhật Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta” và cao trào kháng Nhật cứu nước” do Đảng Cộng sản Đông Dương phát động đã tạo nên một cao trào cách mạng rộng lớn trong cả nước: Cao trào kháng Nhật cứu nước và khởi nghĩa từng phần diễn ra sôi nổi trong cả nước.

Ở khu căn cứ Cao- Bắc- Lạng, lực lượng vũ trang đã hỗ trợ cho lực lượng chính trị của quần chúng tiến lên giành chính quyền ở nhiều xã, châu, huyện. Tại những nơi này, chính quyền cách mạng được thành lập, các Hội cứu quốc cũng được củng cố và phát triển.

Ở Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ: trước tình hình nạn đói đang hoành hành do chính sách cướp bóc của Nhật- Pháp, Đảng đề ra khẩu hiệu “Phá kho thóc, giải quyết nạn đói”. Khẩu hiệu đã đáp ứng được nguyện vọng cấp bách của nông dân, vì thế đã thu hút hàng triệu người tham gia. Cảm tình của nhân dân với cách mạng ngày càng tăng tạo nên một phong trào mạnh mẽ chưa từng có. Từ khẩu hiệu đấu tranh nhằm mục tiêu kinh tế, Đảng đã khéo léo biến thành cuộc đấu tranh nhằm mục tiêu chính trị. Trước sức mạnh của quần chúng, nhiều nơi ta đã tiến lên giành chính quyền như: Bần- Yên Nhân (Hung Yên), Tiên Du (Bắc Ninh).

Ở Trung Trung Bộ: tại Quảng Ngãi, tù chính trị ở nhà lao Ba Tơ nổi dậy, vượt ngục ra ngoài lãnh đạo nhân dân khởi nghĩa giành chính quyền, thành lập chính quyền cách mạng, thành lập đội du kích Ba Tơ.

Cao trào kháng Nhật cứu nước- Khởi nghĩa từng phần có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với thắng lợi của cuộc Tổng khởi nghĩa tháng Tám. Đây là quá trình hoàn thiện công tác chuẩn bị mọi mặt, tăng cường hành động thúc đẩy thời cơ nhanh đến và chín muồi. Qua cao trào, Đảng ta tiếp tục được rèn luyện và rút ra những kinh nghiệm chuẩn bị cho cuộc tổng khởi nghĩa; quần chúng được rèn luyện cả về tinh thần và ý thức tổ chức trong đấu tranh cách mạng..

Cao trào kháng Nhật cứu nước thực sự là cuộc tập dượt cuối cùng chuẩn bị cho Cách mạng tháng Tám. Nhờ sự chuẩn bị kỹ lưỡng của toàn Đảng, toàn dân ta trong suốt 15 năm đặc biệt trong 5 tháng của Cao trào Kháng Nhật cứu nước, nhân dân ta đã chủ động bước vào cuộc tổng khởi nghĩa với niềm tin chắc chắn vào thắng lợi. Và thực tế, cuộc Tổng Khởi nghĩa tháng Tám đã thành công nhanh chóng và ít đổ máu.

***Câu 21: Trình bày hoàn cảnh lịch sử, diễn biến, kết quả, ý nghĩa của cuộc khởi nghĩa từng phần từ tháng 3 đến tháng 8 năm 1945.***

Đến đầu năm 1945, chiến tranh thế giới thứ hai đi vào giai đoạn cuối, chủ nghĩa phát xít đứng trước nguy cơ bị tiêu diệt hoàn toàn. Trong tình thế đó, bọn

thực dân Pháp ở Đông Dương bóc lột đầu dây chuẩn bị lật đổ phát xít Nhật khi quân Đồng minh tới nhằm khôi phục lại địa vị thống trị cũ.

Để phòng trừ hậu họa, đêm ngày 9/3/1945, phát xít Nhật đã ra tay trước bằng cuộc đảo chính lật đổ thực dân Pháp độc chiếm Đông Dương. Chỉ sau vài giờ kháng cự yếu ớt, bọn thực dân Pháp lại đầu hàng phát xít Nhật. Như thế Việt Nam từ chỗ là thuộc địa của Pháp nay trở thành thuộc địa của Nhật.

Trước tình hình đó, ngay trong đêm ngày 9/3/1945, Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương đã họp tại Đình Bảng (Bắc Ninh). Đến ngày 12/3/1945, Ban Thường vụ Trung ương Đảng đã ra chỉ thị “Nhật-Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta”. Chỉ thị nêu rõ: cuộc đảo chính đã tạo nên sự khủng hoảng sâu sắc..., một kẻ thù đã ngã gục, còn một kẻ thù đang trong cơn giãy chết. Đây là cơ hội cho chúng ta tiến lên đánh đuổi kẻ thù duy nhất là phát xít Nhật giành độc lập dân tộc. Vì thế khẩu hiệu đấu tranh “Đánh đuổi đế quốc, phát xít Pháp- Nhật” được thay bằng khẩu hiệu “Đánh đuổi phát xít Nhật”, “thành lập chính quyền cách mạng”.

Tuy nhiên Hội nghị nhấn mạnh, điều kiện tổng khởi nghĩa chưa chín muồi. Vì vậy, Thường vụ trung ương Đảng quyết định phát động “Cao trào kháng Nhật cứu nước” làm tiền đề cho cuộc tổng khởi nghĩa.

Chỉ thị “Nhật Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta” và cao trào kháng Nhật cứu nước” do Đảng Cộng sản Đông Dương phát động đã tạo nên một cao trào cách mạng rộng lớn trong cả nước: Cao trào kháng Nhật cứu nước và khởi nghĩa từng phần diễn ra sôi nổi trong cả nước.

Ở khu căn cứ Cao- Bắc- Lạng, lực lượng vũ trang đã hỗ trợ cho lực lượng chính trị của quần chúng tiến lên giành chính quyền ở nhiều xã, châu, huyện. Tại những nơi này, chính quyền cách mạng được thành lập, các Hội cứu quốc cũng được củng cố và phát triển.

Ở Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ: trước tình hình nạn đói đang hoành hành do chính sách cướp bóc của Nhật- Pháp, Đảng đề ra khẩu hiệu “Phá kho thóc, giải quyết nạn đói”. Khẩu hiệu đã đáp ứng được nguyện vọng cấp bách của nông dân, vì thế đã thu hút hàng triệu người tham gia. Cảm tình của nhân dân với cách mạng ngày càng tăng tạo nên một phong trào mạnh mẽ chưa từng có. Từ khẩu hiệu đấu tranh nhằm mục tiêu kinh tế, Đảng đã khéo léo biến thành cuộc đấu tranh nhằm mục tiêu chính trị. Trước sức mạnh của quần chúng, nhiều nơi ta đã tiến lên giành chính quyền như: Bần- Yên Nhân (Hưng Yên), Tiên Du (Bắc Ninh).

Ở Trung Trung Bộ: tại Quảng Ngãi, tù chính trị ở nhà lao Ba Tơ nổi dậy, vượt ngục ra ngoài lãnh đạo nhân dân khởi nghĩa giành chính quyền, thành lập chính quyền cách mạng, thành lập đội du kích Ba Tơ.

Cao trào kháng Nhật cứu nước- Khởi nghĩa từng phần có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với thắng lợi của cuộc Tổng khởi nghĩa tháng Tám. Đây là quá trình hoàn thiện công tác chuẩn bị mọi mặt, tăng cường hành động thúc đẩy thời cơ nhanh đến và chín muồi. Qua cao trào, Đảng ta tiếp tục được rèn luyện và rút ra những kinh nghiệm chuẩn bị cho cuộc tổng khởi nghĩa; quần chúng được rèn luyện cả về tinh thần và ý thức tổ chức trong đấu tranh cách mạng..

Cao trào kháng Nhật cứu nước thực sự là cuộc tập dượt cuối cùng chuẩn bị cho Cách mạng tháng Tám. Nhờ sự chuẩn bị kỹ lưỡng của toàn Đảng, toàn dân ta trong suốt 15 năm đặc biệt trong 5 tháng của Cao trào Kháng Nhật cứu nước, nhân dân ta đã chủ động bước vào cuộc tổng khởi nghĩa với niềm tin chắc chắn vào thắng lợi. Và thực tế, cuộc Tổng Khởi nghĩa tháng Tám đã thành công nhanh chóng và ít đổ máu.

***Câu 22: Công cuộc chuẩn bị trước ngày Tổng khởi nghĩa đã diễn ra như thế nào:***

Cùng với Cao trào kháng Nhật cứu nước khởi nghĩa từng phần, công tác chuẩn bị cuối cùng trước ngày Tổng khởi nghĩa đã diễn ra vô cùng khẩn trương từ tháng 4 năm 1945.

Để đẩy mạnh công tác chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang, từ ngày 15 đến ngày 20 tháng 4 năm 1945, Trung ương Đảng triệu tập Hội nghị quân sự Cách mạng Bắc Kỳ. Hội nghị quyết định thống nhất lực lượng vũ trang, phát triển hơn nữa lực lượng vũ trang và nửa vũ trang; tích cực phát triển chiến tranh du kích, xây dựng chiến khu chuẩn bị cho cuộc tổng khởi nghĩa khi thời cơ đến. Hội nghị đã thành lập Ủy ban Quân sự cách mạng Bắc Kỳ.

Ngày 16/4/1945, Tổng bộ Việt Minh ra chỉ thị thành lập Ủy ban Dân tộc giải phóng Việt Nam và Ủy ban Dân tộc giải phóng các cấp.

Ngày 15/5/1945, Cứu Quốc quân đã thống nhất với Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân thành Việt Nam giải phóng quân. Nhiều chiến khu và khu căn cứ của các địa phương được xây dựng.

Tháng 5/1945, Hồ Chí Minh rời Pắc Bó về Tân Trào (Tuyên Quang). Người chọn Tân Trào làm trung tâm chỉ đạo cách mạng cả nước.

Ngày 4/6/1945 theo chỉ thị của Hồ Chí Minh, khu giải phóng Việt Bắc chính thức được thành lập gom hầu hết các tỉnh Cao Bằng, Bắc Cạn, Lạng Sơn, Hà Giang, Tuyên Quang, Thái Nguyên và một số vùng lân cận. Tân Trào được chọn làm thủ đô của Khu giải phóng. Ủy ban lâm thời khu giải phóng được thành lập. Khu giải phóng Việt Bắc trở thành căn cứ địa của cách mạng cả nước và là hình ảnh thu nhỏ của nước Việt Nam mới.

Tính cho đến đầu tháng 8 năm 1945, công tác chuẩn bị cho cuộc tổng khởi nghĩa đã hoàn thành. Cả dân tộc đã sẵn sàng, chỉ còn chờ hồi trống lệnh là sẽ vùng lên quét sạch bè lũ cướp nước và bán nước giành lại nền độc lập dân tộc.

***Câu 23: Bằng những dẫn chứng cụ thể hãy chứng minh rằng Cách mạng tháng tám thành công là nhờ Đảng và nhân dân ta đã kịp thời chớp thời cơ.***

Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công nhanh chóng và ít đổ máu là nhờ Đảng ta đã kịp thời chớp thời cơ lãnh đạo nhân dân đứng lên Tổng khởi nghĩa.

Đầu tháng 8/1945, quân Đồng minh tấn công mạnh mẽ vào những vị trí của quân đội Nhật Bản ở Châu Á- Thái Bình Dương. Để uy hiếp quân Nhật, ngày 6/8 và ngày 9/8/1945, Mỹ đã ném hai quả bom nguyên tử xuống Hiroshima và

Nagasaki của Nhật bản, hủy diệt hai thành phố này và giết hại hàng chục vạn dân thường.

Ngày 8/8/1945, Liên Xô tuyên chiến với Nhật Bản . Ngày 9/8/1945, quân đội Liên Xô mở màn chiến dịch tổng công kích đạo quân Quan Đông của Nhật Bản ở vùng Đông Bắc trung Quốc.

Trong tình thế đó, nội các Nhật Bản họp dưới sự chủ trì của Nhật hoàng đã quyết định đầu hàng đồng minh vô điều kiện. Ngày 15/8/1945, phát xít Nhật tuyên bố đầu hàng Đồng minh, Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc.

Sự sụp đổ của phát xít Nhật ở chính quốc đã khiến cho bọn phát xít Nhật ở Đông Dương hoang mang rệu rã cực độ. Đây là cơ hội ngàn năm có một của dân tộc Việt Nam, cơ hội để nhân dân ta đứng lên tự giải phóng mình khỏi ách nô lệ.

Ngày 13/8/1945, khi nhận được thông tin về việc Nhật đầu hàng Đồng minh, Trung ương Đảng và Mặt trận Việt Minh đã lập tức thành lập Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc. Đến 23 giờ cùng ngày, Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc ban bố “Quân lệnh số 1”, chính thức phát lệnh Tổng khởi nghĩa trong toàn quốc.

Ngày 14. 15/8/1945, Hội nghị toàn quốc của Đảng diễn ra tại Tân Trào đã thông qua kế hoạch lãnh đạo toàn dân Tổng khởi nghĩa và quyết định những vấn đề quan trọng về chính sách đối nội, đối ngoại sau khi giành được chính quyền.

Tiếp đó, trong 2 ngày 16 và 17 tháng 8 năm 1945, Đại hội Quốc dân được triệu tập ở Tân Trào. Đại hội tán thành chủ trương Tổng khởi nghĩa của Đảng, thông qua 10 chính sách của Mặt trận Việt Minh, cử ra ủy ban dân tộc giải phóng Việt Nam do Hồ Chí Minh làm chủ tịch. Ngay khi Đại hội kết thúc, đồng chí Võ Nguyên Giáp đã chỉ huy một lực lượng quân giải phóng tiến về giải phóng Thái Nguyên mở đầu cho cuộc Tổng khởi nghĩa thành công nhanh chóng.

Có thể nói, ngay khi biết tin phát xít Nhật đầu hàng Đồng minh vô điều kiện, Đảng Cộng sản Đông Dương đã nhận định đây là “thời cơ ngàn năm có một” của dân tộc ta. Từ nhận định đó Đảng ta đã nhanh chóng tiến hành các hoạt động và kịp thời đưa ra những chủ trương đúng đắn để phát động và lãnh đạo nhân dân tiến hành cuộc Tổng khởi nghĩa trên cả nước. Nhờ sự chủ đạo kịp thời của Đảng mà Cách mạng tháng Tám đã nhanh chóng giành thắng lợi trên cả nước.

***Câu 24: Trình bày hoàn cảnh lịch sử, diễn biến, kết quả, ý nghĩa của Cách mạng tháng Tám năm 1945.***

Đầu tháng 8/1945, quân Đồng minh tấn công mạnh mẽ vào những vị trí của quân đội Nhật Bản ở Châu Á- Thái Bình Dương. Để uy hiếp quân Nhật, ngày 6/8 và ngày 9/8/1945, Mỹ đã ném hai quả bom nguyên tử xuống Hiroshima và Nagasaki của Nhật bản, hủy diệt hai thành phố này và giết hại hàng chục vạn dân thường.

Ngày 8/8/1945, Liên Xô tuyên chiến với Nhật Bản . Ngày 9/8/1945, quân đội Liên Xô mở màn chiến dịch tổng công kích đạo quân Quan Đông của Nhật Bản ở vùng Đông Bắc trung Quốc.

Trong tình thế đó, nội các Nhật Bản họp dưới sự chủ trì của Nhật hoàng đã quyết định đầu hàng đồng minh vô điều kiện. Ngày 15/8/1945, phát xít Nhật tuyên bố đầu hàng Đồng minh, Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc.



Sự sụp đổ của phát xít Nhật ở chính quốc đã khiến cho bọn phát xít Nhật ở Đông Dương hoang mang rệu rã cực độ. Đây là cơ hội ngàn năm có một của dân tộc Việt Nam, cơ hội để nhân dân ta đứng lên tự giải phóng mình khỏi ách nô lệ.

Ngày trong ngày 13/8/1945, khi nhận được thông tin về việc Nhật đầu hàng Đồng minh, Trung ương Đảng và Mặt trận Việt Minh đã lập tức thành lập Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc. Đến 23 giờ cùng ngày, Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc ban bố “Quân lệnh số 1”, chính thức phát lệnh Tổng khởi nghĩa trong toàn quốc.

Ngày 14. 15/8/1945, Hội nghị toàn quốc của Đảng diễn ra tại Tân Trào đã thông qua kế hoạch lãnh đạo toàn dân Tổng khởi nghĩa và quyết định những vấn đề quan trọng về chính sách đối nội, đối ngoại sau khi giành được chính quyền.

Tiếp đó, trong 2 ngày 16 và 17 tháng 8 năm 1945, Đại hội Quốc dân được triệu tập ở Tân Trào. Đại hội tán thành chủ trương Tổng khởi nghĩa của Đảng, thông qua 10 chính sách của Mặt trận Việt Minh, cử ra ủy ban dân tộc giải phóng Việt Nam do Hồ Chí Minh làm chủ tịch.

Ngay khi Đại hội kết thúc, đồng chí Võ Nguyên Giáp đã chỉ huy một lực lượng quân giải phóng tiến về giải phóng Thái Nguyên mở đầu cho cuộc Tổng khởi nghĩa thành công nhanh chóng.

Thực hiện chủ trương Tổng khởi nghĩa của Đảng, không khí cách mạng càng sôi sục trong cả nước.

Từ ngày 14 đến 18/8/1945, nằm trong khuôn khổ của khởi nghĩa từng phần, nhiều địa phương ở Bắc Bộ và Trung Bộ đã giành được chính quyền: Bắc, Hải Dương, Hà Tĩnh, Quảng Nam.

Ở Hà Nội, chiều ngày 17/8, quần chúng nội, ngoại thành tổ chức mít tinh tại Nhà hát Lớn, sau đó xếp thành đội ngũ đi từ Nhà hát Lớn qua các phố trung tâm và hô vang các khẩu hiệu: “Ứng hộ Việt Minh”, “Đả đảo bù nhìn”, “Việt Nam độc lập”. đến ngày 19/8/1945, Hà Nội giành chính quyền.

Ở Huế, ngày 20/8, Ủy ban khởi nghĩa tỉnh được thành lập. Ủy ban quyết định giành chính quyền vào ngày 23/8. Hàng vạn nhân dân nội, ngoại thành đã kéo về trung tâm biểu tình thị uy, kéo về các công sở giành chính quyền.

Tại Sài Gòn, Xứ ủy Nam Kỳ quyết định khởi nghĩa ở Sài Gòn và các tỉnh vào ngày 25/8.

Sáng ngày 25/8 quần chúng nhân dân Sài Gòn đã tiến hành khởi nghĩa, chiếm trụ sở cơ quan chính quyền địch. Chỉ trong ngày 25/8/1945, Sài Gòn đã giành được chính quyền.

Khởi nghĩa thắng lợi ở Hà Nội, Huế, Sài Gòn đã tác động mạnh đến các địa phương trong cả nước. Đến ngày 28.8, hai tỉnh Đồng Nai Thượng và Hà Tiên đã giành chính quyền. Cách mạng tháng Tám thành công trong cả nước.

Ngày 30/8, trong cuộc mít tinh lớn có hàng vạn quần chúng tham gia, vua Bảo Đại đã tuyên bố thoái vị và trao ấn tín cho cách mạng đánh dấu sự sụp đổ của chế độ phong kiến Việt Nam.

Trong khi cách mạng tháng Tám vẫn còn đang diễn ra, ngày 25/8/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng với Ủy ban Dân tộc giải phóng Việt Nam từ Tân Trào về Hà Nội.

Ngày 2/9/1945, tại Quảng trường Ba Đình (Hà Nội), trước cuộc mít tinh lớn của hàng chục vạn nhân dân Thủ đô và các vùng lân cận, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thay mặt Chính phủ lâm thời đọc bản Tuyên ngôn độc lập, trình trọng tuyên bố trước toàn thể quốc dân và thế giới: Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa thành lập.

Thắng lợi của cuộc Tổng khởi nghĩa tháng Tám đã phá tan xiềng xích nô lệ của thực dân Pháp hơn 80 năm và ách thống trị của phát xít Nhật gần 5 năm, lật nhào ngai vàng phong kiến tồn tại hơn 1000 năm trên đất nước ta và mở ra một trang sử mới trong lịch sử dân tộc. Đất nước ta bước vào kỉ nguyên độc lập, tự do, nhân dân lao động làm chủ đất nước, làm chủ vận mệnh dân tộc. Thắng lợi của nhân dân ta còn góp phần vào chiến thắng chủ nghĩa phát của lực lượng đồng minh và cổ vũ nhân dân các nước thuộc địa đứng lên đấu tranh.

***Câu 25: Phân tích những nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử của cách mạng tháng Tám 1945.***

Cách mạng tháng Tám năm 1945 là cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân theo con đường cách mạng vô sản. Thắng lợi của cuộc cách mạng có ý nghĩa vô cùng to lớn đối với dân tộc ta.

Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám đã phá tan xiềng xích nô lệ của thực dân Pháp hơn 80 năm và ách thống trị của phát xít Nhật gần 5 năm, lật nhào ngai vàng phong kiến tồn tại hơn 1000 năm trên đất nước ta và mở ra một trang sử mới trong lịch sử dân tộc.

Thắng lợi của cách mạng tháng Tám đánh dấu bước nhảy vọt của cách mạng Việt nam, mở đầu kỉ nguyên mới của dân tộc: kỉ nguyên độc lập, tự do, nhân dân lao động làm chủ đất nước, làm chủ vận mệnh dân tộc, kỉ nguyên giải phóng dân tộc gắn liền với giải phóng xã hội.

Với thắng lợi của cách mạng tháng tám, Đảng cộng sản Đông Dương trở thành một đảng cầm quyền, chuẩn bị những điều kiện tiên quyết cho những thắng lợi tiếp theo.

Thắng lợi của nhân dân ta còn góp phần vào chiến thắng chủ nghĩa phát của lực lượng đồng minh trong Chiến tranh thế giới thứ hai, đã chọc thủng khâu yếu nhất trong hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc và cổ vũ nhân dân các nước thuộc địa đứng lên đấu tranh tự giải phóng, “có ảnh hưởng trực tiếp và rất to lớn đối với hai dân tộc bạn là Miên, Lào”.

Có được thắng lợi to lớn trên là nhờ những yếu tố chủ quan và khách quan sau:

Nguyên nhân chủ quan.

Dân tộc ta vốn có một truyền thống yêu nước nồng nàn, từng trải qua những cuộc đấu tranh kiên cường bất khuất vì độc lập tự do. Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương và Mặt trận Việt Minh, truyền thống ấy lại được phát huy cao độ, các tầng lớp nhân dân đã sát cánh bên nhau nhất tề đứng lên cứu nước, cứu nhà.

Cách mạng tháng tám thành công còn là nhờ có Đảng Cộng sản Đông Dương, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh lãnh đạo, đã đề ra được đường lối

chiến lược và sách lược đúng đắn dựa trên cơ sở lí luận của chủ nghĩa Mác Leenin được vận dụng sáng tạo vào hoàn cảnh Việt Nam.

Để giành được thắng lợi trong cách mạng tháng Tám, Đảng và nhân dân ta đã cosquas trình chuẩn bị kĩ lưỡng suốt 15 năm, trải qua các phong trào cách mạng 1930- 1931, 1936-1939, đã đúc rút được những bài học kinh nghiệm qua những thành công và thất bại, đặc biệt là trong quá trình chuẩn bị lực lượng chính trị, lực lượng vũ trang, căn cứ thời kì vận động giải phóng dân tộc 1939-1945.

Trong những ngày khởi nghĩa, toàn Đảng, toàn dân ta nhất trí, đồng lòng, không sợ hi sinh gian khổ, quyết tâm giành độc lập tự do. Các cấp bộ Đảng và Mặt trận Việt Minh từ trung ương đến địa phương đã linh hoạt, sáng tạo chỉ đạo khởi nghĩa, chớp thời cơ phát động quần chúng nổi dậy giành chính quyền.

Nguyên nhân khách quan: Chiến thắng của Hồng quân Liên Xô và quân Đồng minh trong cuộc chiến tranh chống phát xít, nhất là chiến thắng phát xít Đức và quân phiệt Nhật đã cổ vũ tinh thần, củng cố niềm tin cho nhân dân ta trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, tạo thời cơ để nhân dân ta đứng lên Tổng khởi nghĩa.

***Câu 26: Nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa ra đời trong hoàn cảnh nào? Trình bày nội dung cơ bản của Tuyên ngôn Độc lập (2/9/1945)***

Sau khi Nhật đầu hàng đồng minh vô điều kiện, dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân ta đã tiến hành cuộc Tổng khởi nghĩa tháng Tám thành công nhanh chóng. Chính quyền trong cả nước đã về tay nhân dân đánh dấu một mốc son chói lọi trong lịch sử dân tộc.

Trong khi cách mạng tháng Tám vẫn còn đang diễn ra, ngày 25/8/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng với Ủy ban Dân tộc giải phóng Việt Nam từ Tân Trào về Hà Nội. Theo đề nghị của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Ủy ban Dân tộc giải phóng cải tổ thành Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Trong những ngày lịch sử này, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thay mặt Chính phủ lâm thời soạn thảo Tuyên ngôn độc lập. Công việc chuẩn bị cho ngày ra mắt toàn thể quốc dân đồng bào được tiến hành khẩn trương.

Ngày 2/9/1945, tại Quảng trường Ba Đình (Hà Nội), trước cuộc mít tinh lớn của hàng chục vạn nhân dân Thủ đô và các vùng lân cận, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thay mặt Chính phủ lâm thời đọc bản Tuyên ngôn độc lập, trình trọng tuyên bố trước toàn thể quốc dân và thế giới: Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa thành lập.

Mở đầu, bản Tuyên ngôn độc lập, Chủ tịch Hồ Chí Minh trích dẫn Tuyên ngôn nhân quyền và Dân quyền của nước Pháp và Tuyên ngôn độc lập của nước Mỹ để khẳng định quyền được tự do độc lập của dân tộc Việt Nam.

Tuyên ngôn đã tố cáo tội ác của bọn đế quốc phát xít Pháp Nhật và khẳng định chúng ta giành chính quyền từ tay Nhật chứ không phải từ tay Pháp.

Tuyên ngôn nêu rõ: “Pháp chạy, Nhật hàng, vua Bảo Đại thoái vị. Dân ta đã đánh đổ các xiềng xích thực dân gần 100 năm nay để xây dựng nên nước Việt

Nam độc lập. Dân ta lại đánh đổ chế độ quân chủ mấy mươi thế kỉ mà lập nên chế độ dân chủ cộng hòa”

Cuối bản Tuyên ngôn, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt nhân dân Việt Nam khẳng định ý chí sắt đá quyết tâm giữ vững nền tự do độc lập vừa giành được: “Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy”

Ngày 2/9/1945 đã đi vào lịch sử trở thành ngày hội lớn nhất, vẻ vang nhất, trọng đại nhất của dân tộc: ngày Quốc khánh đất nước.

Thắng lợi của cuộc Tổng khởi nghĩa tháng Tám và sự thành lập Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (ngày 2/9/1945) đã mở ra một trang sử mới trong lịch sử dân tộc. Đất nước ta bước vào kỉ nguyên độc lập, tự do, nhân dân lao động làm chủ đất nước, làm chủ vận mệnh dân tộc.

***Câu 27: Tại sao nói, sau cách mạng tháng tám cách mạng nước ta ở vào tình thế ngàn cân treo sợi tóc?***

Cách mạng tháng Tám thành công và sự thành lập Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã mang lại cho dân tộc ta một trang sử mới: độc lập tự do. Tuy nhiên, sau cách mạng tháng tám, đất nước ta phải đối mặt với muôn ngàn khó khăn thử thách tưởng chừng không thể vượt qua. Chính vì vậy mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhận xét rằng: sau CMT8, đất nước ta ở tình thế “ngàn cân treo sợi tóc”.

Tật vậy, núp dưới danh nghĩa quân đồng minh vào giải giáp vũ khí quân đội Nhật, các lực lượng đế quốc và tay sai đã lũ lượt kéo vào nước ta.

Từ vĩ tuyến 16 trở ra Bắc, 20 vạn quân Trung Hoa Dân quốc kéo vào nước ta. Theo chân chúng là bọn phản động Việt Quốc, Việt Cách về nước âm mưu cướp chính quyền của ta. Đi đến đâu chúng cũng quấy phá chính quyền, cướp bóc, hãm hiếp đồng bào, gây bao tội ác.

Từ vĩ tuyến 16 trở vào Nam, 1 vạn quân Anh, theo sau là 6000 quân Pháp cùng bọn tay sai kéo vào âm mưu quay trở lại xâm lược nước ta lần thứ hai.

Không những thế, trên đất nước ta lúc này còn 6 vạn quân Nhật đang chờ giải giáp. Trong lúc chờ đợi, bọn chúng đã theo lệnh quân Anh chống lại lực lượng vũ trang của ta, tạo điều kiện cho quân Pháp mở rộng phạm vi chiếm đóng.

Có thể nói, chưa bao giờ trên đất nước ta lại có nhiều kẻ thù đến như vậy. Tất cả bọn chúng đều có chung một dã tâm là tiêu diệt chính quyền cách mạng và thôn tính đất nước ta.

Trong khi ngoại xâm và nội phản đang lăm le thì tình hình kinh tế xã hội trong nước cũng gặp phải những khó khăn, vô cùng hiểm nghèo.

Nền kinh tế nước ta vốn đã lạc hậu, lại bị chiến tranh tàn phá nặng nề. Nạn đói cuối năm 1944 đầu năm 1945 vẫn chưa khắc phục được thì mùa hè năm 1945 vỡ đê gây lũ lụt rồi hạn hán khiến nông dân không thể canh tác được. Nhiều xí nghiệp vẫn nằm trong tay tư bản Pháp, các cơ sở thương nghiệp chưa kịp phục hồi, hàng hóa khan hiếm, giá cả tăng vọt khiến đời sống nhân dân vô cùng khó khăn.



Ngân sách nhà nước gần như trống rỗng, chỉ còn khoảng 1,2 triệu đồng. Chính quyền cách mạng chưa quản lý được ngân hàng Đông Dương. Trong lúc đó, quân Trung Hoa Dân quốc lại tung ra thị trường các loại tiền Trung Quốc đã mất giá trị làm cho thị trường tài chính nước ta thêm rối loạn.

Về văn hóa, tàn dư của chính sách văn hóa thực dân, phong kiến để lại hết sức nặng nề. các tệ nạn xã hội: cờ bạc, rượu chè rất phổ biến và đặc biệt là trên 90% dân số bị mù chữ.

Bên cạnh đó, việc chính quyền cách mạng vừa mới thành lập còn non trẻ chưa có kinh nghiệm trong quản lý, điều hành xây dựng đất nước.

Tất cả những khó khăn kể trên thực sự đã đặt cách mạng nước ta trong tình thế ngàn cân treo sợi tóc. Tuy nhiên, thuận lợi vẫn là cơ bản do cách mạng được quần chúng tin tưởng, ủng hộ, được Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh lãnh đạo, lại có sự cổ vũ to lớn của phong trào cách mạng thế giới.

***Câu 28: Sau cách mạng tháng Tám. Đảng và nhân dân ta đã có những biện pháp gì để củng cố chính quyền dân chủ nhân dân.***

Sau khi CMT8 thành công, đất nước ta đứng trước muôn vàn khó khăn thử thách. Vận mệnh dân tộc như “ngàn cân treo sợi tóc”. Vì thế chúng ta cần có một chính quyền vững mạnh để chèo lái con thuyền cách mạng vượt qua sóng dữ. Vì vậy, chỉ một tuần sau khi nước Việt nam dân chủ cộng hòa thành lập, chính phủ lâm thời đã công bố lệnh tổng tuyển cử trong cả nước.

Ngày 6/1/1946, vượt qua mọi hành động chống phá của kẻ thù, hơn 90% cử tri trong cả nước đã đi bỏ phiếu, bầu được 333 đại biểu vào Quốc hội khóa I. Đây là lần đầu tiên trong lịch sử dân tộc, nhân dân ta được thực hiện quyền công dân, bầu những đại biểu chân chính đại diện cho mình vào cơ quan quyền lực cao nhất của Nhà nước.

Sau bầu cử Quốc hội, các địa phương thuộc Bắc Bộ và Trung Bộ tiến hành bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp từ tỉnh đến xã theo nguyên tắc phổ thông đầu phiếu. Ủy ban hành chính các cấp được thành lập.

Ngày 2/3/1946, Quốc hội khóa I họp kì đầu tiên tại Hà Nội. Quốc hội đã thông qua danh sách Chính phủ liên hiệp kháng chiến do Chủ tịch Hồ Chí Minh đứng đầu và lập ra Ủy ban dự thảo Hiến pháp. Ngày 9/11/1946, Hiến Pháp đầu tiên của Nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa được Quốc hội thông qua tại kì họp thứ hai.

Để bảo vệ chính quyền, ngày 19/8/1945 Chủ tịch Hồ Chí Minh đã kí sắc lệnh thành lập lực lượng an ninh nhân dân. Đến ngày 22/5/1946, Quân đội quốc gia Việt Nam chính thức thành lập.

Thắng lợi của ta trong cuộc bầu cử Quốc hội và các hoạt động của Quốc hội đã góp phần củng cố chính quyền dân chủ nhân dân, đập tan âm mưu chia rẽ của kẻ thù, tăng cường mối bboanf kết giữa Đảng, chính quyền cách mạng và nhân dân.

***Câu 29: Các biện pháp để giải quyết nạn đói, dốt và khó khăn về tài chính.***

Nạn đói, nạn dốt và khó khăn về tài chính cũng chẳng khác nào giặc ngoại xâm bởi nếu không được giải quyết nhanh chóng, kịp thời nó có thể khiến cho cách mạng bị thất bại. Chính chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói rằng: nếu cách mạng không mang lại ấm no cho nhân dân thì cách mạng chẳng có ý nghĩa gì. Vì vậy, ngay sau cách mạng tháng tám, Đảng đã lãnh đạo nhân dân tập trung giải quyết những khó khăn đó.

Giải quyết nạn đói

Biện pháp trước mắt để khắc phục là tổ chức quyên góp, tiết kiệm, chống đầu cơ tích trữ. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ra lời kêu gọi “nuông cơm sẻ áo”: “Khi cúng ta nâng bát cơm lên ăn, chúng ta hãy nghĩ tới đồng bào còn đói khổ. Vì vậy, tôi đề nghị đồng bào, cứ 10 ngày nhịn ăn một bữa, mỗi bữa một bọ, đem gạo đó để cứu dân nghèo”.

Hưởng ứng lời kêu gọi của Bác, phong trào hũ gạo tiết kiệm”, “ngày đồng tâm”... đã diễn ra rộng khắp trên cả nước.

Tuy nhiên, để giải quyết căn bản nạn đói thì tăng gia sản xuất là biện pháp hàng đầu và có tính chất lâu dài. Chủ tịch Hồ Chí Minh ra lời kêu gọi toàn dân “Tăng gia sản xuất! tăng gia sản xuất ngay! Tăng gia sản xuất nữa!”. Một phong trào thi đua đẩy mạnh tăng gia sản xuất dấy lên trên cả nước với khẩu hiệu “Tắc đất tấc vàng!” “Không một tấc đất bỏ hoang!”

Để khuyến khích nông dân, chính phủ đã cho bãi bỏ các thứ thuế vô lí: thuế thân... của chế độ cũ; thực hiện giảm tô 25%, giảm thuế 20%, tạm cấp ruộng đất bỏ hoang và ruộng đất vawngns chủ cho nông dân sản xuất.

Nhờ các biện pháp tích cực nêu trên, vụ mùa năm 1946 ta đã thu hoạch được 1,15 triệu tấn thóc. Nạn đói được đẩy lùi, đời sống nhân dân đi vào ổn định.

Giải quyết nạn dốt.

Thấm nhuần tư tưởng “một dân tộc dốt là một dân tộc yếu”, ngày 9-8-1945, chính phủ đã ra sắc lệnh thành lập “Nha Bình dân học vụ” chuyên trách về chống “giặc dốt” và ra lời kêu gọi nhân dân hưởng ứng phong trào xóa nạn mù chữ. Phong trào đã diễn ra sôi nổi với phương châm: con không biết thì học cha, ông không biết thì học cháu; người biết nhiều dạy người biết ít, người biết ít dạy người không biết. Sau 1 năm đã tổ chức 76000 lớp học, xóa mù chữ cho 2,5 triệu người.

Bên cạnh công tác xóa mù chữ, xây dựng hệ thống giáo dục mới cũng được chú trọng nhằm đào tạo những công dân và cán bộ trung thành, có năng lực phụng sự tổ quốc. Nội dung và phương pháp giáo dục bước đầu được đổi mới theo tinh thần dân tộc, dân chủ. Hệ thống trường học các cấp được xây dựng trong đó có cả các trường đại học. Chữ Quốc ngữ được chọn làm văn bản chính thức của quốc gia.. Nhân ngày khai trường đầu tiên năm 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gửi thư cho các em học sinh để cổ vũ và khai sáng cho nền giáo dục mới, Bác dặn: “Non sông Việt Nam có trở nên tươi đẹp hay không, dân tộc Việt Nam có bước lên đài vinh quang sánh vai với các cường quốc năm châu hay không, đó chính là nhờ công học tập của các cháu”

Khó khăn tài chính.

Để khắc phục tình trạng trống rỗng về ngân sách, Chính phủ kêu gọi tinh thần ủng hộ tự nguyện của nhân dân cả nước. Hưởng ứng cuộc vận động xây dựng “Quỹ độc lập”, “Tuần lễ vàng” do Chính phủ phát động, nhân dân đã đóng góp được 370kg vàng, 20 triệu đồng vào “Quỹ độc lập” và 40 triệu đồng vào “Quỹ đảm phụ quốc phòng”

Để đảm bảo một nền tài chính tự chủ, vững chắc, lâu dài, Quốc hội đã cho phát hành tiền Việt Nam mới thay cho tiền Đông Dương trước đây.

Những thắng lợi trên mặt trận chống giặc đói, giặc dốt đã giải quyết được những khó khăn trước mắt, bước đầu tạo ra cơ sở vật chất cho đất nước. Những thắng lợi đó chính là nguồn nội lực bên trong giúp chúng ta ngày càng vững chắc để chống lại các thế lực xâm lược từ bên ngoài.

***Câu 30: Tại sao năm 1946 Đảng Cộng sản Đông Dương lại đề ra chủ trương “hòa để tiến”? Đảng và nhân dân ta đã thực hiện chủ trương đó như thế nào? Ý nghĩa của việc làm đó?***

a. Đảng ta đề ra chủ trương “hòa để tiến” năm 1946 vì:

Ngày 28 tháng 2 năm 1946, thực dân Pháp và chính quyền Trung Hoa dân quốc đã kí với nhau Hiệp ước Hoa –Pháp. Theo đó quân Pháp được vào miền Bắc thay thế quân Trung Hoa dân quốc giải giáp vũ khí phát xít Nhật.

Hành động của thực dân Pháp và chính quyền Trung Hoa dân quốc đã đặt cách mạng nước ta trong tình thế phải lựa chọn:

Một là: đánh Pháp thì phải đối đầu với Trung Hoa dân quốc.

Hai là: hòa Pháp để tránh tình trạng phải đối phó với nhiều kẻ thù cùng một lúc.

Ngày 3/3/1946, Trung ương Đảng đã quyết định chọn giải pháp “hòa để tiến”.

b. Biện pháp thực hiện:

-Ngày 6/3/1946, thay mặt chính phủ Việt Nam Dân chủ cộng hòa, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã kí với đại diện chính phủ Pháp Hiệp định Sơ bộ.

-Nội dung Hiệp định:

+Chính phủ Pháp công nhận nước Việt Nam dân chủ cộng hòa là một quốc gia tự do, có chính phủ riêng, quân đội riêng, tài chính riêng và là thành viên của Liên bang Đông Dương, nằm trong khối Liên hiệp Pháp.

+Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa thỏa thuận cho 15000 quân Pháp ra Bắc thay quân Trung Hoa Dân quốc làm nhiệm vụ giải giáp quân Nhật, số quân này sẽ đóng tại những địa điểm quy định và rút dần trong thời hạn 5 năm.

+Hai bên ngừng mọi xung đột và ở lại vị trí cũ, tạo không khí thuận lợi đi đến cuộc đàm phán chính thức bàn về vấn đề Việt Nam và Đông Dương...

c. Ý nghĩa

Việc kí Hiệp định Sơ bộ đã giúp ta tránh được phải chống lại nhiều kẻ thù cùng một lúc, đẩy được 20 vạn quân Trung Hoa Dân quốc cùng bọn tay sai ra khỏi nước ta.

Ta có thêm thì gian hòa bình để củng cố chính quyền cách mạng, chuẩn bị lực lượng mọi mặt cho cuộc kháng chiến lâu dài chống thực dân Pháp về sau.

***Câu 31: Hãy phân tích chính sách đối ngoại của ta từ sau CMT8 đến trước ngày 19/12/1946.***

Sau khi cách mạng tháng Tám thành công, không lâu sau trên đất nước ta lại xuất hiện nhiều kẻ thù nguy hiểm: quân Trung Hoa Dân quốc ở miền Bắc, quân Anh và Pháp ở miền Nam.. cùng với đó là các lực lượng tay sai âm mưu phá hoại cách mạng. Vì thế giặc ngoại xâm là vấn đề nguy hiểm nhất đe dọa vận mệnh dân tộc từng ngày, từng giờ đòi hỏi Đảng và nhân dân ta phải khéo léo giải quyết để bảo vệ thành quả CMT8

*Từ sau CMT8 đến tháng 3/1946, ta thực hiện đối sách nhân nhượng với Trung Hoa Dân quốc để tập trung đánh Pháp ở miền nam. Sở dĩ ta phải làm như vậy vì:*

Với dã tâm xâm lược nước ta một lần nữa, thực dân Pháp đã theo chân quân Anh kéo vào nước ta ngay từ cuối tháng 8/1945. Ngay trong ngày 2/9/ 1945, khi nhân dân Sài Gòn mít tinh mừng ngày Quốc khánh đầu tiên, quân Pháp đã xả súng vào đoàn mít tinh làm chết 47 người và bị thương nhiều người khác. Sau đó, ngày 23/9/1945, thực dân Pháp đã cho quân đánh chiếm trụ sở Ủy ban nhân dân Nam Bộ và Cơ quan tự vệ thành phố Sài Gòn chính thức nổ súng xâm lược nước ta lần thứ hai.

Trước hành động xâm lược của thực dân Pháp, quân dân Nam Bộ đã đứng lên kháng chiến, bao vây địch trong thành phố (từ 23/9 đến 5/10) sau đó rút lui vào chiến đấu du kích.

Để tập trung lực lượng cho cuộc kháng Pháp ở miền Nam và tránh phải đối phó với nhiều kẻ thù cùng một lúc, Đảng ta chủ trương nhượng bộ tay sai quân Trung Hoa Dân quốc ở miền Bắc 70 ghế Quốc hội, 4 ghế bộ trưởng và chức Phó Chủ tịch nước. Ta còn đồng ý cung cấp một phần lương thực cho quân đội Tưởng Giới Thạch và tiêu tiền quan kim, quốc tệ mất giá của chúng.

Để bảo vệ Đảng trước âm mưu chống phá của kẻ thù, Đảng ta còn tuyên bố tự giải tán, nhưng thực tế là rút vào hoạt động bí mật, tiếp tục lãnh đạo đất nước và chính quyền cách mạng.

Mặt khác, ta cũng kiên quyết vạch trần âm mưu chi rẽ, phá hoại của lực lượng tay sai. Những kẻ phá hoại có đủ bằng chứng thì đưa ra trừng trị trước pháp luật. Chính phủ còn ban hành một số sắc lệnh trấn áp bọn phản cách mạng.

Nhờ chính sách mềm dẻo của Chính phủ, miền Bắc đã hạn chế toots da các hành động chống phá của quân Trung Hoa Dân quốc và tay sai, huy động được hàng vạn thanh niên lên đường vào nam chiến đấu, viện trợ cho miền nam nhiều loại vật chất, thuốc men, đạn dược để đánh giặc.

*Từ tháng 3/1946 đến trước 19/12/1946 ta thực hiện chủ trương hòa Pháp để đuổi quân Trung Hoa Dân quốc.*

Ngày 28 tháng 2 năm 1946, thực dân Pháp và chính quyền Trung Hoa dân quốc đã kí với nhau Hiệp ước Hoa –Pháp. Theo đó quân Pháp được vào miền Bắc thay thế quân Trung Hoa dân quốc giải giáp vũ khí phát xít Nhật.

Hành động của thực dân Pháp và chính quyền Trung Hoa dân quốc đã đặt cách mạng nước ta trong tình thế phải lựa chọn:



Một là: đánh Pháp thì phải đối đầu với Trung Hoa dân quốc.

Hai là: hòa Pháp để tránh tình trạng phải đối phó với nhiều kẻ thù cùng một lúc.

Ngày 3/3/1946, Trung ương Đảng đã quyết định chọn giải pháp “hòa để tiến”.

d. Biện pháp thực hiện:

Ngày 6/3/1946, thay mặt chính phủ Việt Nam Dân chủ cộng hòa, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã kí với đại diện chính phủ Pháp Hiệp định Sơ bộ.

Nội dung Hiệp định:

Chính phủ Pháp công nhận nước Việt Nam dân chủ cộng hòa là một quốc gia tự do, có chính phủ riêng, quân đội riêng, tài chính riêng và là thành viên của Liên bang Đông Dương, nằm trong khối Liên hiệp Pháp.

Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa thỏa thuận cho 15000 quân Pháp ra Bắc thay quân Trung Hoa Dân quốc làm nhiệm vụ giải giáp quân Nhật, số quân này sẽ đóng tại những địa điểm quy định và rút dần trong thời hạn 5 năm.

Hai bên ngừng mọi xung đột và ở lại vị trí cũ, tạo không khí thuận lợi đi đến cuộc đàm phán chính thức bàn về vấn đề Việt Nam và Đông Dương...

Ý nghĩa

Việc kí Hiệp định Sơ bộ đã giúp ta tránh được phải chống lại nhiều kẻ thù cùng một lúc, đẩy được 20 vạn quân Trung Hoa Dân quốc cùng bọn tay sai ra khỏi nước ta.

Ta có thêm thì gian hòa bình để củng cố chính quyền cách mạng, chuẩn bị lực lượng mọi mặt cho cuộc kháng chiến lâu dài chống thực dân Pháp về sau.

***Câu 32: Phân tích đối sách của ta với thực dân Pháp từ sau CMT8 đến trước ngày kháng chiến toàn quốc bùng nổ (19/12/1946)***

Sau khi cách mạng tháng Tám thành công, không lâu sau trên đất nước ta lại xuất hiện nhiều kẻ thù nguy hiểm: quân Trung Hoa Dân quốc ở miền Bắc, quân Anh và Pháp ở miền Nam... cùng với đó là các lực lượng tay sai âm mưu phá hoại cách mạng. Vì thế giặc ngoại xâm là vấn đề nguy hiểm nhất đe dọa vận mệnh dân tộc từng ngày, từng giờ đòi hỏi Đảng và nhân dân ta phải khéo léo giải quyết để bảo vệ thành quả CMT8. Kẻ thù được chú ý nhất chính là thực dân Pháp.

*Từ sau CMT8 đến tháng 3/1946, ta tập trung đánh Pháp ở miền nam. Sở dĩ ta phải làm như vậy vì:*

Với dã tâm xâm lược nước ta một lần nữa, thực dân Pháp đã theo chân quân Anh kéo vào nước ta ngay từ cuối tháng 8/1945. Ngay trong ngày 2/9/1945, khi nhân dân Sài Gòn mít tinh mừng ngày Quốc khánh đầu tiên, quân Pháp đã xả súng vào đoàn mít tinh làm chết 47 người và bị thương nhiều người khác. Sau đó, ngày 23/9/1945, thực dân Pháp đã cho quân đánh chiếm trụ sở Ủy ban nhân dân Nam Bộ và Cơ quan tự vệ thành phố Sài Gòn chính thức nổ súng xâm lược nước ta lần thứ hai.

Trước hành động xâm lược của thực dân Pháp, quân dân Nam Bộ đã đứng lên kháng chiến, bao vây địch trong thành phố (từ 23/9 đến 5/10) sau đó rút lui vào chiến đấu du kích.

Để tập trung lực lượng cho cuộc kháng Pháp ở miền Nam và tránh phải đối phó với nhiều kẻ thù cùng một lúc, Đảng ta chủ trương nhượng bộ tay sai quân Trung Hoa Dân quốc ở miền Bắc 70 ghế Quốc hội, 4 ghế bộ trưởng và chức Phó Chủ tịch nước. Ta còn đồng ý cung cấp một phần lương thực cho quân đội Tưởng Giới Thạch và tiêu tiền quan kim, quốc tệ mất giá của chúng.

Nhờ chính sách mềm dẻo của Chính phủ, miền Bắc đã hạn chế tối đa các hành động chống phá của quân Trung Hoa Dân quốc và tay sai, huy động được hàng vạn thanh niên lên đường vào nam chiến đấu, viện trợ cho miền nam nhiều loại vật chất, thuốc men, đạn dược để đánh giặc.

*Từ tháng 3/1946 đến trước 19/12/1946 ta thực hiện chủ trương hòa Pháp để đuổi quân Trung Hoa Dân quốc.*

Ngày 28 tháng 2 năm 1946, thực dân Pháp và chính quyền Trung Hoa dân quốc đã kí với nhau Hiệp ước Hoa –Pháp. Theo đó quân Pháp được vào miền Bắc thay thế quân Trung Hoa dân quốc giải giáp vũ khí phát xít Nhật.

Hành động của thực dân Pháp và chính quyền Trung Hoa dân quốc đã đặt cách mạng nước ta trong tình thế phải lựa chọn:

Một là: đánh Pháp thì phải đối đầu với Trung Hoa dân quốc.

Hai là: hòa Pháp để tránh tình trạng phải đối phó với nhiều kẻ thù cùng một lúc.

Ngày 3/3/1946, Trung ương Đảng đã quyết định chọn giải pháp “hòa để tiến”.

e. Biện pháp thực hiện:

Ngày 6/3/1946, thay mặt chính phủ Việt Nam Dân chủ cộng hòa, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã kí với đại diện chính phủ Pháp Hiệp định Sơ bộ.

Nội dung Hiệp định:

Chính phủ Pháp công nhận nước Việt Nam dân chủ cộng hòa là một quốc gia tự do, có chính phủ riêng, quân đội riêng, tài chính riêng và là thành viên của Liên bang Đông Dương, nằm trong khối Liên hiệp Pháp.

Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa thỏa thuận cho 15000 quân Pháp ra Bắc thay quân Trung Hoa Dân quốc làm nhiệm vụ giải giáp quân Nhật, số quân này sẽ đóng tại những địa điểm quy định và rút dần trong thời hạn 5 năm.

Hai bên ngừng mọi xung đột và ở lại vị trí cũ, tạo không khí thuận lợi đi đến cuộc đàm phán chính thức bàn về vấn đề Việt Nam và Đông Dương...

Ý nghĩa

Việc kí Hiệp định Sơ bộ đã giúp ta tránh được phải chống lại nhiều kẻ thù cùng một lúc, đẩy được 20 vạn quân Trung Hoa Dân quốc cùng bọn tay sai ra khỏi nước ta.

Ta có thêm thì gian hòa bình để củng cố chính quyền cách mạng, chuẩn bị lực lượng mọi mặt cho cuộc kháng chiến lâu dài chống thực dân Pháp về sau.

***Câu 33: Vì sao nhân dân Nam Bộ phải đứng lên kháng chiến? Cuộc kháng chiến cuarnhaan Nam Bộ diễn ra như thế nào và có vai trò gì?***

Với dã tâm xâm lược nước ta một lần nữa, thực dân Pháp đã theo chân quân Anh kéo vào nước ta ngay từ cuối tháng 8/1945. Ngay trong ngày 2/9/ 1945, khi nhân dân Sài Gòn mít tinh mừng ngày Quốc khánh đầu tiên, quân Pháp đã xả súng vào đoàn mít tinh làm chết 47 người và bị thương nhiều người khác. Sau đó, ngày 23/9/1945, thực dân Pháp đã cho quân đánh chiếm trụ sở Ủy ban nhân dân Nam Bộ và Cơ quan tự vệ thành phố Sài Gòn chính thức nổ súng xâm lược nước ta lần thứ hai.

Trước hành động xâm lược của thực dân Pháp, quân dân Nam Bộ đã đứng lên kháng chiến.

Từ 23/9 đến 5/10, phối hợp các lực lượng vũ trang, nhân dân Sài Gòn đấu tranh phá nguồn tiếp tế của địch, không hợp tác với chúng, dựng chướng ngại vật và chiến lũy trên đường phooa. Các công sở, trường học, nhà máy, hãng buôn... đóng cửa. Chợ không họp, tàu xe không chạy, điện, nước bị cắt. Quân Pháp bị bao vây địch trong thành phố.

Từ ngày 5/10, sau khi có thêm viện binh, quân pháp đã phá vòng vây mở rộng chiếm đóng các tỉnh Nam Bộ và Nam Trung Bộ. Quân ta theo chỉ thị của Đảng sau đó rút lui vào chiến đấu du kích.

Trung ương Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh quyết tâm lãnh đạo kháng chiến, huy động lực lượng cả nước chi viện cho nam Bộ và Nam trung Bộ. Hàng vạn thanh niên lên đường vào nam chiến đấu, viện trợ cho miền nam những loại vật chất, thuốc men, đạn dược tốt nhất để đánh giặc.

Cuộc kháng chiến của nhân dân Nam Bộ và Nam Trung Bộ đã bao vây địch trong thành phố, làm chậm bước tiến của chúng tạo điều kiện cho nhân dân các địa phương có thời gian chuẩn bị kháng chiến. Hành động đó còn là nguồn cổ vũ, tiếp thêm sức mạnh cho nhân dân ta đứng lên kiên quyết đánh đuổi thực dân Pháp bảo vệ nền độc lập dân tộc.

***Câu 34: Phân tích những nguyên nhân dẫn đến sự bùng nổ cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1946.***

“Chúng ta muốn hòa bình, chúng ta phải nhân nhượng. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng thực dân Pháp càng lấn tới vì chúng quyết cướp nước ta một lần nữa.”, vì vậy nhân dân ta phải đứng lên kháng chiến.

Sau khi kí Hiệp định Sơ bộ (6/3/1946) và Tạm ước (14/9/1946), quân dân ta nghiêm chỉnh thi hành những điều khoản đã kí kết. Ngược lại, bọn thực dân Pháp lại bội ước, liên tiếp gây xung đột với ta, khiêu khích ta nhằm thực hiện dã tâm xâm lược của chúng.

Ngày 20-11-1946, thực dân Pháp cho quân gây hấn giành quyền thu thuế quan với ta ở cảng Hải Phòng. Ngày 27/11, chúng cho quân đánh chiếm Hải Phòng.

Từ đầu tháng 12, quân Pháp tiếp tục gây chiến, đánh chiếm các đô thị miền Bắc: Hải dương, Đà Nẵng... và khiêu khích ta tại Hà Nội.

Giữ vững lập trường hòa bình, quân dân ta vẫn kiên trì không giao chiến với địch, bình tĩnh chịu đựng và khản trương chuẩn bị kháng chiến. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nêu rõ quan điểm của Chính phủ Việt Nam là muốn hòa bình, tránh chiến tranh và kêu gọi các nước Anh, Mĩ, Liên Xô cần có hành động tích cực để vẫn hồi nên hòa bình ở Việt nam.

Thế nhưng ngay sau tuyên bố của Chủ tịch Hồ Chí Minh, quân Pháp đã liên tiếp nổ súng, ném lựu đạn vào các khu phố tại Hà Nội. Đặc biệt, ngày 17/12/1946, quân Pháp đã nã pháo vào khu phố hàng Bún, phố Yên Ninh gây ra vụ tàn sát đẫm máu rồi đánh chiếm trụ sở Bộ Tài chính và Bộ Giao thông công chính. Láo xược hơn, ngày 18/12, quân Pháp gửi tới hậu thư đòi ta giải tán lực lượng vũ trang, trao quyền kiểm soát thủ đô cho chúng. Chúng còn đe dọa, nếu trước 7 giờ ngày 20/12 mà ta không chấp nhận yêu sách thì chúng sẽ hành động.

Tình thế ngày một khẩn cấp đòi hỏi Đảng và Chính phủ ta phải có quyết định kịp thời. Ngày 12/12/1946, Ban thường vụ Trung ương Đảng ra chỉ thị Toàn dân kháng chiến.

Đáp lại tới hậu thư của thực dân Pháp, trong hai ngày 18,19/12/1946, Hội nghị bất thường Ban thường vụ TƯ Đảng mở rộng họp tại Vạn Phúc(Hà Đông) đã quyết định phát động cả nước kháng chiến.

20 giờ ngày 19/12, công nhân nhà máy điện Yên Phụ phá máy cắt điện toàn thành phố, đó là tín hiệu tấn công.

Trong khi tiếng súng chiến đấu rền vang, Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh được truyền đi trên sóng phát thanh chính là lời hiệu triệu của non sông.

Kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp bùng nổ là do âm mưu, hành động của thực dân Pháp, chúng muốn cướp nước ta một lần nữa. Nhân dân ta không còn con đường nào khác là phải đứng lên cầm súng chiến đấu bảo vệ nền độc lập dân tộc, bảo vệ thành quả của Cách mạng tháng Tám.

***Câu 35: Phân tích đường lối kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp của Đảng năm 1946.***

Mặc dù đã kí với ta Hiệp định sơ bộ (6/3) và Tạm ước (14/9) nhưng thực dân Pháp vẫn tiếp tục gây chiến buộc Đảng và nhân dân ta phải đứng lên kháng chiến. Khoảng 20 giờ ngày 19/12/1946, kháng chiến toàn quốc bùng nổ. Ngay từ lúc đó, Đảng ta đã đề ra đường lối cho cuộc kháng chiến đó là đường lối toàn dân, toàn diện, trường kì, tự lực cánh sinh và tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế. Vậy tại sao Đảng ta lại đề ra đường lối kháng chiến như vậy?

***Kháng chiến toàn dân:***

Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp ngay từ đầu được Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh xác định là cuộc chiến tranh nhân dân, toàn dân kháng chiến.

Sở dĩ ta phải kháng chiến toàn dân vì theo lí luận của Chủ nghĩa Mác Lênin thì “cách mạng là sự nghiệp của quần chúng nhân dân, do nhân dân tiến hành”. Quan trọng hơn là lịch sử của dân tộc đã chứng minh rằng “dễ vạn lần không dân cũng chịu, khó vạn lần dân liệu cũng xong”. Mỗi khi có ngoại xâm thời phong kiến, triều, đại nào biết dựa vào dân, sát cánh cùng với nhân dân đánh



giặc (nhà Lí, nhà Trần) thì chiến thắng dù kẻ thù có hung bạo đến đâu, còn triều đại nào không biết dựa vào dân (nhà Hồ, nhà Nguyễn) thì mất nước.

Trong 9 năm kháng chiến, Đảng đã giáo dục và tổ chức nhân dân thực hiện đường lối trên vô cùng linh hoạt.

Trong những ngày đầu kháng chiến bùng nổ, thực hiện chủ trương của Đảng và Chính phủ, nhân dân các vùng trọng điểm bị địch đánh phá: các đô thị, đồng bằng.. đã triệt để tản cư thực hiện “vườn không nhà trống”, không cho địch lợi dụng.

Với phương châm “mỗi người dân là một chiến sĩ, mỗi làng mạc là một trận địa”, ta đã tổ chức chiến đấu ở bất cứ đâu, vào bất cứ thời điểm nào khiến cho quân Pháp ăn không ngon, ngủ không yên. Biết bao những người con từ nhân dân mà ra đã hiến thân mình cho Tổ quốc: Kim Đồng, La Văn Cầu, Phan Đình Giót, Tô Vĩnh Diện...

Tuy xác định là toàn dân kháng chiến, nhưng Đảng ta cũng chú trọng xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân, coi đây là nòng cốt của đường lối chiến tranh nhân dân.

#### *Kháng chiến toàn diện:*

Với việc huy động toàn dân kháng chiến thì thực hiện kháng chiến toàn diện sẽ phát huy được tối đa sức mạnh của chiến tranh nhân dân. Hơn nữa, thực dân Pháp đánh ta trên tất cả các mặt trận nên ta cũng phải đánh lại chúng về mọi mặt, nhất là mặt trận quân sự. Cả nước chuyển sang thời kì có chiến tranh.

Trong 9 năm kháng chiến, ta đã thực hiện đường lối kháng chiến toàn diện khiến cho quân Pháp cũng phải bất ngờ.

Về chính trị: Cùng với việc giải thích cho nhân dân ta hiểu rõ âm mưu thủ đoạn của thực dân Pháp: dùng người Việt đánh người Việt, lấy chiến tranh nuôi chiến tranh, Đảng và Chính phủ ta còn giải thích cho bạn bè quốc tế hiểu rõ tính chính nghĩa thuộc về dân tộc Việt Nam... Ngoài ra để đáp ứng yêu cầu của kháng chiến, từ tháng 2/1951 Đảng trở lại hoạt động công khai với tên gọi mới là Đảng Lao động Việt Nam.

Về kinh tế: Với chủ trương vừa kháng chiến vừa kiến quốc, Đảng và nhân dân ta đã đánh bại mọi âm mưu của kẻ thù.

Để không cho địch lợi dụng “lấy chiến tranh nuôi chiến tranh”, bên cạnh việc thực hiện “tiêu thổ kháng chiến”, chúng ta đã di chuyển hàng vạn tấn máy móc, nguyên vật liệu ra chiến khu để tiếp tục sản xuất. Thực túc binh cường là phương châm của ta. Vì vậy, ở các căn cứ tăng gia sản xuất được đẩy mạnh thường xuyên. Năm 1950 ta đã thu hoạch được hơn 2,4 triệu tấn lúa ở vùng tự do và căn cứ du kích. Công nghiệp quốc phòng sản xuất vũ khí đạn dược được đặc biệt chú trọng, ta đã tự chế tạo được nhiều loại vũ khí như súng trường SKZ, súng cối 60li và 120 li. Ngoài ra thủ công nghiệp sản xuất các mặt hàng tiêu dùng thiết yếu cho nhân dân và chiến sĩ cũng được xây dựng: diêm, giấy, dược.

Văn hóa giáo dục cũng được đẩy mạnh. Cùng với công tác xóa mù chữ, hệ thống giáo dục mới không ngừng phát triển. Năm 1950, ta tiến hành cải cách giáo dục lần đầu tiên theo chủ trương “dân tộc, khoa học, đại chúng”. Công tác

chăm sóc sức khỏe cho nhân dân và cán bộ chiến sĩ được duy trì, phương châm của ta là “phòng bệnh hơn chữa bệnh”.

Về đối ngoại: ngay từ đầu ta đã chủ trương đoàn kết với các lực lượng hòa bình dân chủ trên thế giới để họ hiểu rõ tính chính nghĩa của cuộc chiến tranh thuộc về dân tộc ta. Kể cả khi chiến tranh đang diễn ra, Đảng và Chính phủ vẫn kêu gọi giải quyết bằng hòa bình thương lượng. Nhưng với bản chất hiếu chiến, thực dân Pháp chỉ muốn khuất phục nhân dân ta bằng vũ lực, hống hách đòi ta giao nộp vũ khí để cho chúng được tự do hành động...

Với sự nỗ lực của ta, kháng chiến đã nhận được sự ủng hộ cả về vật chất lẫn tinh thần từ bạn bè quốc tế nhất là các nước xã hội chủ nghĩa anh em. Hành động của thực dân Pháp cho chúng ta hiểu rằng, chỉ có chiến thắng trên mặt trận quân sự mới khiến chúng phải khuất phục.

Chính vì vậy, trên mặt trận quân sự đường lối chiến tranh nhân dân với nòng cốt là lực lượng vũ trang ba thứ quân được bố trí rất chặt chẽ. Chính phủ quy định tất cả nam giới từ 18 đến 45 tuổi đều phải tham gia các lực lượng chiến đấu từ bộ đội chủ lực đến dân quân du kích địa phương. Từ chỗ lực lượng rất nhỏ bé, dần dần các đại đoàn quân tiên phong đã ra đời: 312, 320, 304, 308,... các lực lượng pháo binh, quân y, đặc công, công binh... cũng hình thành.

Trên cơ sở lực lượng vũ trang đã xây dựng, trải qua chiến đấu quân ta ngày càng trưởng thành về mọi mặt, đi từ phòng ngự sang phản công rồi tổng phản công tiêu diệt địch. Mặt trận quân sự được coi là mặt trận quyết định nhất trong kháng chiến.

#### *Kháng chiến trường kì:*

Đảng và Chính phủ xác định, cuộc kháng chiến của ta là cuộc kháng chiến lâu dài trải qua nhiều hi sinh gian khổ. Sở dĩ ta phải kháng chiến lâu dài vì chúng ta là một nước nhỏ, lực còn yếu, lại phải chống lại kẻ thù mạnh hơn ta gấp nhiều lần. Vì thế cuộc kháng chiến không thể kết thúc trong một thời gian ngắn do lực lượng quá chênh lệch.

Cuộc kháng chiến của ta với phương châm lấy yếu đánh mạnh phải vừa đánh vừa xây dựng, củng cố, phát triển lực lượng đi từ phòng ngự sang phản công rồi tổng phản công tiêu diệt hoàn toàn kẻ địch. Trong 9 năm kháng chiến, ta đã giành những thắng lợi quyết định từng bước đánh bại kẻ thù: chiến thắng Việt bắc năm 1947, chiến thắng Biên giới thu đông năm 1950 và đặc biệt chiến thắng “Điện Biên Phủ lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu” kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến.

#### *Kháng chiến tự lực và tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế.*

Nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa vừa mới thành lập, hầu như chưa chuẩn bị được gì đã phải bắt tay ngay vào cuộc chiến đấu mới. Hơn nữa, chúng ta còn bị cô lập, chưa có được sự công nhận và ủng hộ từ bạn bè trên thế giới. Vì vậy, Đảng và chính phủ xác định phải tự đem sức ta mà giải phóng cho ta, không thể ngồi chờ người khác mang hòa bình đến cho mình.

Tuy nhiên, tự lực cánh sinh không có nghĩa là chỉ biết có một mình, sẽ tự mình làm mọi việc. Điều quan trọng là với sự nỗ lực của toàn Đảng, toàn dân ta, dựa vào sức mình là chính, ta lại làm cho thế giới hiểu rõ về cuộc chiến tranh

chính nghĩa của mình. Từ đó ta đã kết hợp giữa sức mạnh dân tộc với sức mạnh của thời đại để cô lập kẻ thù, phân hóa rồi loại bỏ chúng.

Sự kiên trì của Đảng và nhân dân ta đã được đền đáp xứng đáng. Từ năm 1950, sau Trung Quốc, Liên Xô và các nước XHCN anh em, nhiều dân tộc yêu chuộng hòa bình trên thế giới đã lên tiếng công nhận chính phủ ta và ủng hộ ta cả về vật chất lẫn tinh thần, trong đó có cả những người dân Pháp.

Như vậy, với đường lối kháng chiến đúng đắn, sáng tạo, Đảng và Chính phủ đã lãnh đạo nhân dân ta tiến hành cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tuy gian khổ nhưng cuối cùng đã giành được chiến thắng. Một lần nữa kẻ thù của dân tộc ta đã phải khuất phục trước ý chí, nghị lực và lòng dũng cảm của nhân dân ta.

***Câu 36: Những thắng lợi có tính chất quyết định của quân và dân ta trong kháng chiến chống Pháp (1946-1954) là gì? Trình bày tóm tắt về những chiến thắng đó.***

Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp kéo dài 9 năm với nhiều hi sinh gian khổ nhưng thắng lợi cuối cùng đã thuộc về dân tộc ta. Để đi tới thắng lợi toàn vẹn, quân và dân ta trong 9 năm đó đã giành nhiều thắng lợi có tính chất quyết định từng bước đánh bại kẻ thù, đó là: chiến thắng Việt Bắc thu đông 1947, chiến thắng Biên giới thu đông 1950 và đỉnh cao đó là chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ.

Chiến thắng Việt Bắc thu đông 1947:

Sau thất bại ở các đô thị, kế hoạch đánh nhanh thắng nhanh của Pháp bước đầu bị thất bại.

Sang năm 1947, thực dân Pháp âm mưu tấn công lên Việt Bắc nhằm tiêu diệt quân chủ lực của ta, tiêu diệt đầu não của kháng chiến, phá tan căn cứ địa Việt Bắc, nhanh chóng kết thúc chiến tranh.

Ngày 7/10/1947, thực dân Pháp huy động 12000 quân tấn công lên Việt Bắc

Trước âm mưu và hành động của thực dân Pháp, chủ trương của ta là “phải phá tan cuộc tấn công mùa đông của giặc Pháp”.

Thực hiện chủ trương đó, quân ta chặn địch trên mọi hướng tiến quân của chúng, bẻ gãy các gọng kìm Chợ Mới, Chợ Đồn, hướng Đông, hướng Tây.

Kết quả, sau hơn 2 tháng chiến đấu, ta loại 6000 địch, bắn rơi 16 máy bay, 11 tàu chiến ca nô các loại. Cơ quan đầu não kháng chiến được bảo toàn, căn cứ địa Việt Bắc được giữ vững, bộ đội chủ lực của ta ngày càng trưởng thành.

Chiến thắng Việt Bắc thu đông 1947 đã làm thất bại hoàn toàn âm mưu “đánh nhanh thắng nhanh” của thực dân Pháp, buộc chúng phải chuyển sang đánh lâu dài với ta, mở ra giai đoạn mới của cuộc kháng chiến.

Chiến thắng Biên giới thu đông 1950:

Bước sang năm 1950, cuộc kháng chiến của ta ngày càng phát triển và gặp nhiều thuận lợi mới:

Tháng 10/1949, CM Trung Quốc thành công, nước CHND Trung Hoa ra đời. Ngày 18/1/1950, chính phủ CHND Trung Hoa công nhận và đặt quan hệ

ngoại giao với ta, Đến 30/1/1950 chính phủ LX và 1 tháng sau là các nước trong phe XHCN lần lượt công nhận và đặt quan hệ ngoại giao với ta

Tuy nhiên, sau hơn 5 năm chiến tranh, thực dân Pháp đã không thể thực hiện được các ý đồ xâm lược mà còn buộc phải chuyển sang đánh lâu dài. Điều đó đẩy thực dân Pháp vào hoàn cảnh khó khăn. Pháp đã buộc phải xin viện trợ của Mỹ để tiếp tục theo đuổi cuộc chiến.

Ngày 13/5/1949, với sự đồng ý của Mỹ. Pháp đề ra kế hoạch Rove âm mưu tấn công lên Việt Bắc lần thứ 2 để nhanh chóng kết thúc chiến tranh.

-Trước âm mưu mới của Pháp- Mỹ, tháng 6/1950, Đảng và Chính Phủ quyết định mở chiến dịch Biên giới nhằm tiêu diệt 1 bộ phận quan trọng sinh lực địch, khai thông đường biên giới Việt trung, mở rộng củng cố căn cứ địa Việt Bắc.

Ngày 16/9/1950, chiến dịch bắt đầu, quân ta tấn công Đông Khê, uy hiếp Thất Khê, cô lập Cao Bằng .

Đến 22/10/1950 quân địch đã phải rút chạy khỏi hàng loạt các cứ điểm dọc tuyến biên giới từ Cao bằng đến Lạng Sơn, đường số 4 được giải phóng

Kết quả, sau hơn 1 tháng chiến đấu. ta loại 8000 địch, giải phóng 750 km đường biên giới Việt –Trung với 35 vạn dân, chọc thủng hành lang Đông-Tây, làm phá sản kế hoạch Rove.

Chiến thắng Biên giới thu đông 1950 đã khai thông con đường liên lạc của ta với các nước XHCN, quân đội ta giành thế chủ động trên chiến trường Bắc Bộ, mở ra bước phát triển mới của cuộc kháng chiến.

Chiến thắng Điện Biên Phủ 1954:

Sau 8 năm chiến tranh, thực dân Pháp đã bị thiệt hại nghiêm trọng: 39 vạn quân thiệt mạng, chiến phí tiêu tốn 2000 tỉ phrăng, vùng chiếm đóng bị thu hẹp...Trước tình thế bị sa lầy, với sự can thiệp của Mỹ, Pháp đã cử Nava sang làm Tổng chỉ huy quân đội viễn chinh Pháp ở Đông Dương và tiến hành kế hoạch Nava nhằm tìm kiếm chiến thắng “kết thúc chiến tranh trong danh dự”

Tuy nhiên, trong Đông Xuân 1953- 1954, quân dân ta đã tổ chức các chiến dịch tiến công lớn: Tây Bắc, Tây Nguyên, Trung Lào, Hạ Lào làm phá sản bước đầu kế hoạch Nava. Đặc biệt, từ ngày 30/3 đến ngày 7/5/1954 ta tổ chức tấn công quân địch ở Điện Biên Phủ.

Sau 56 ngày đêm chiến đấu, qua 3 đợt tấn công lớn, ta tiêu diệt và bắt sống toàn bộ lực lượng địch ở Điện Biên Phủ gồm 16.200 tên, hạ 62 máy bay, thu toàn bộ vũ khí và cơ sở vật chất kĩ thuật của chúng.

Chiến thắng Điện Biên Phủ đã đập tan kế hoạch Nava, giáng đòn quyết định vào ý chí xâm lược của thực dân Pháp, làm xoay chuyển cục diện chiến tranh ở ĐĐ.Tạo đk thuận lợi cho cuộc đấu tranh ngoại giao, buộc thực dân Pháp phải kí Hiệp định Giơnevơ.

Bằng những chiến thắng nêu trên, quân ta đã đi từ thế phòng ngự sang thế tiến công và tổng tiến công để đi tới thắng lợi cuối cùng.



***Câu 37: Chiến thắng nào đã đánh bại kế hoạch “đánh nhanh thắng nhanh” của thực dân Pháp. Trình bày tóm tắt hoàn cảnh lịch sử, diễn biến của chiến thắng đó.***

Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1946- 1954) quân và dân ta đã giành nhiều thắng lợi to lớn đi đến đánh bại hoàn toàn cuộc chiến tranh xâm lược của kẻ thù. Trong những chiến thắng ấy, chiến thắng quân sự lớn đầu tiên của ta đã đánh bại hoàn toàn âm mưu đánh nhanh thắng nhanh của thực dân Pháp đó là chiến thắng Việt Bắc thu đông 1947.

Sau thất bại ở các đô thị, kế hoạch đánh nhanh thắng nhanh của Pháp bước đầu bị thất bại. Tháng 3.1947, Chính phủ Pháp cử Bôlae sang làm cao ủy Pháp ở Đông Dương thay cho Đacgiăngliơ. Ông ta yêu cầu Salăng, tổng chỉ huy quân đội viễn chinh Pháp ở Đông Dương phải lên ngay kế hoạch tấn công lên Việt Bắc nhằm tiêu diệt quân chủ lực của ta, tiêu diệt đầu não của kháng chiến, phá tan căn cứ địa Việt Bắc, nhanh chóng kết thúc chiến tranh.

Ngày 7/10/1947, thực dân Pháp huy động 12000 quân tấn công lên Việt Bắc theo 3 hướng: Hướng trung tâm, Pháp cho quân nhảy dù xuống Chợ Đồn, Bắc Cạn, Chợ Mới nhằm từ trong đánh ra; Hướng Tây, quân thủy-bộ ngược sông Hồng, sông Lô lên Tuyên Quang bao vây Việt Bắc từ phía Tây; Hướng Đông, quân bộ theo đường số 4 lên Cao Bằng bao vây Việt Bắc từ phía Đông Bắc.

Trước âm mưu và hành động của thực dân Pháp, chủ trương của ta là “phải phá tan cuộc tấn công mùa đông của giặc Pháp”.

Thực hiện chủ trương đó, quân ta chủ động chặn địch trên mọi hướng tiến quân của chúng, bẻ gãy các gọng kìm tấn công của địch.

Ở Chợ Mới, Chợ Đồn, Bắc Cạn... quân ta đã bao vây tiêu diệt và bắt sống toàn bộ quân nhảy dù của Pháp.

Ở mặt trận hướng Tây, quân ta chặn đánh địch ở Khoan Bộ, Đoạn Hùng, Khe Lau, ...đánh chìm nhiều tàu chiến, ca nô của địch.

Ở mặt trận hướng Đông, quân ta chặn đánh địch trên đường số 4. Đặc biệt trận phục kích tại đèo Bông Lau đánh trúng đoàn xe cơ giới, thu nhiều vũ khí, quân trang quân dụng của chúng. Lực lượng địch tháo chạy về Lạng Sơn tiếp tục bị quân ta truy kích tiêu diệt phần lớn. Đường số 4 trở thành “con đường chết” của thực dân Pháp.

Kết quả, sau hơn 2 tháng chiến đấu, ta loại 6000 địch, bắn rơi 16 máy bay, 11 tàu chiến ca nô các loại, phá hủy nhiều phương tiện chiến tranh của địch.

Chiến thắng Việt Bắc đã bảo vệ được cơ quan đầu não kháng chiến, giữ vững căn cứ địa Việt bắc, bộ đội chủ lực của ta ngày càng trưởng thành.

Chiến thắng Việt Bắc thu đông 1947 đã làm thất bại hoàn toàn âm mưu “đánh nhanh thắng nhanh” của thực dân Pháp, buộc chúng phải chuyển sang đánh lâu dài với ta, mở ra giai đoạn mới của cuộc kháng chiến.

***Câu 38: Chiến thắng nào đã đưa quân ta giành thế chủ động trên chiến trường, Trình bày tóm tắt hoàn cảnh lịch sử và diễn biến của chiến thắng đó.***

Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1946- 1954) quân và dân ta đã giành nhiều thắng lợi to lớn để đi đến đánh bại hoàn toàn cuộc chiến tranh xâm lược của kẻ thù. Trong những chiến thắng ấy, chiến thắng quân sự đưa quân ta giành thế chủ động trên chiến trường chính Bắc Bộ là chiến thắng Biên giới thu đông 1950.

Bước sang năm 1950, cuộc kháng chiến của ta ngày càng phát triển và gặp nhiều thuận lợi mới:

Tháng 10/1949, CM Trung Quốc thành công, nước CHND Trung Hoa ra đời. Ngày 18/1/1950, chính phủ CHND Trung Hoa, đến 30/1/1950 chính phủ LX và 1 tháng sau là các nước trong phe XHCN lần lượt công nhận và đặt quan hệ ngoại giao với chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hòa.

Tuy nhiên, sau hơn 5 năm chiến tranh, thực dân Pháp đã không thể thực hiện được các ý đồ xâm lược mà còn buộc phải chuyển sang đánh lâu dài. Điều đó đẩy thực dân Pháp vào hoàn cảnh khó khăn. Pháp đã buộc phải xin viện trợ của Mĩ để tiếp tục theo đuổi cuộc chiến.

Ngày 13/5/1949, với sự đồng ý của Mĩ, Pháp đề ra kế hoạch Rove tăng cường hệ thống phòng ngự trên đường số 4, thiết lập “Hành lang Đông Tây”. Trên cơ sở đó Pháp âm mưu tấn công lên Việt Bắc lần thứ 2 để nhanh chóng kết thúc chiến tranh.

Trước âm mưu mới của Pháp- Mĩ, tháng 6/1950, Đảng và Chính Phủ quyết định mở chiến dịch Biên giới nhằm tiêu diệt 1 bộ phận quan trọng sinh lực địch, khai thông đường biên giới Việt trung, mở rộng củng cố căn cứ địa Việt Bắc.

Ngày 16/9/1950, chiến dịch bắt đầu, quân ta tấn công Đông Khê, uy hiếp Thất Khê, cô lập Cao Bằng .

Đến 22/10/1950 quân địch đã phải rút chạy khỏi hàng loạt các cứ điểm dọc tuyến biên giới từ Cao bằng đến Lạng Sơn (Thất Khê, Na Sầm, Lộc Bình, Đình Lập, An Châu), đường số 4 được giải phóng.

Kết quả, sau hơn 1 tháng chiến đấu. ta loại 8000 địch, giải phóng 750 km đường biên giới Việt –Trung với 35 vạn dân, chọc thủng hành lang Đông-Tây, làm phá sản kế hoạch Rove của Pháp, Mĩ.

Chiến thắng Biên giới thu đông 1950 đã khai thông con đường liên lạc của ta với các nước XHCN, quân đội ta giành thế chủ động trên chiến trường Bắc Bộ, mở ra bước phát triển mới của cuộc kháng chiến.

***Câu 39: Chiến thắng nào là chiến thắng lớn nhất của quân và dân ta trong kháng chiến chống Pháp 1946- 1954. Trình bày hoàn cảnh lịch sử, diễn biến, kết quả ý nghĩa của chiến thắng đó.***

Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1946- 1954) quân và dân ta đã giành nhiều thắng lợi to lớn để đi đến đánh bại hoàn toàn cuộc chiến tranh xâm lược của kẻ thù. Trong những chiến thắng ấy, chiến thắng quân sự lớn nhất của quân và dân ta góp phần làm thất bại hoàn toàn âm mưu xâm lược của thực dân Pháp, buộc chúng phải kí Hiệp định Giơnevơ chấm dứt chiến tranh lập lại hòa bình ở Đông Dương.

Sau 8 năm chiến tranh, thực dân Pháp đã bị thiệt hại nghiêm trọng: 39 vạn quân thiệt mạng, chiến phí tiêu tốn 2000 tỉ phrăng, vùng chiếm đóng bị thu hẹp... Trước tình thế bị sa lầy, với sự can thiệp của Mỹ, Pháp đã cử Nava sang làm Tổng chỉ huy quân đội viễn chinh Pháp ở Đông Dương (tháng 5/1953). Ông ta đã đề ra và tiến hành kế hoạch mang tên mình (Kế hoạch Nava) nhằm tìm kiếm chiến thắng “kết thúc chiến tranh trong danh dự”

Tuy nhiên, trong Đông Xuân 1953- 1954, quân dân ta đã tổ chức các chiến dịch tiên công lớn: Tây Bắc, Tây Nguyên, Trung Lào, Hạ Lào làm phá sản bước đầu kế hoạch Nava. Trọng tâm của kế hoạch Nava chuyển từ Đồng Bằng Bắc Bộ sang Điện Biên Phủ. Cả Pháp và Mỹ đều cho rằng Điện Biên Phủ là “pháo đài bất khả xâm phạm”. Chúng đã tập trung lực lượng lên tới 16200 tên, bố trí phòng ngự trên 49 cứ điểm chia làm 3 phân khu với hệ thống phòng thủ kiên cố và hỏa lực mạnh.

Trước những thách thức từ phía thực dân Pháp, Đảng và Chính phủ đã lãnh đạo quân dân ta chuẩn bị kỹ lưỡng cho chiến dịch. 26 vạn dân công với hơn 10 triệu ngày công được huy động, vận chuyển được 27,4 vạn tấn lương thực, mở hàng ngàn kilomet đường ra tiền tuyến. Tham gia chiến dịch có 4 đại đoàn chủ lực, 1 đại đoàn công pháo, và các lực lượng công binh, quân y..

Từ ngày 30/3 đến ngày 7/5/1954 ta tổ chức tấn công quân địch ở Điện Biên Phủ trải qua 3 đợt tấn công lớn.

Đợt 1(13/3->17/3) ta tấn công Him Lam và toàn bộ phân khu Bắc diệt 2000 địch, phá hủy 26 máy bay.

Đợt 2 (30/3->26/4):Ta tấn công các cứ điểm thuộc phân khu trung tâm Mường Thanh. Cuộc chiến đấu diễn ra ác liệt trên các đồi A1,C1.Ta khép chặt vòng vây xung quanh khu trung tâm, địch lâm vào thế nguy hiểm.

Đợt 3(1/5->7/5) ta đồng loạt t/c phân khu trung tâm và phân khu Nam ta lần lượt tiêu diệt các cứ điểm còn lại của địch.

Chiều 7/5 quân ta đánh vào sở chỉ huy địch. 17h30' ngày 7/5 tướng Đờ Caxtori cùng ban tham mưu địch đầu hàng.

Sau 56 ngày đêm chiến đấu, ta tiêu diệt và bắt sống toàn bộ lực lượng địch ở Điện Biên Phủ gồm 16.200 tên, hạ 62 máy bay, thu toàn bộ vũ khí và cơ sở vật chất kỹ thuật của chúng.

Chiến thắng Điện Biên Phủ đã đập tan kế hoạch Nava, giáng đòn quyết định vào ý chí xâm lược của thực dân Pháp, làm xoay chuyển cục diện chiến tranh ở ĐĐ.Tạo điều kiện thuận lợi cho cuộc đấu tranh ngoại giao, buộc thực dân Pháp phải kí Hiệp định Giơnevơ.

***Câu 40: Trình bày hoàn cảnh triệu tập, nội dung, ý nghĩa của Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng (tháng 2/1951)***

Sau chiến thắng Biên giới thu đông 1950, cục diện chiến tranh đã chuyển biến có lợi cho ta. Quân ta giành thế chủ động trên chiến trường chính Bắc Bộ. Những yêu cầu mới của kháng chiến đòi hỏi Đảng phải tăng cường sự lãnh đạo.

Trong khi đó, từ năm 1946 Đảng ta đã rút vào hoạt động bí mật, việc chỉ đạo kháng chiến cũng vì thế gặp không ít những khó khăn.

Trong hoàn cảnh đó, Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng đã diễn ra từ ngày 5 đến ngày 10 tháng 9 năm 1960 tại Hà Nội

Đại hội đã thông qua Báo cáo Chính trị do đồng chí Hồ Chí Minh trình bày. Báo cáo đã tổng kết quá trình lãnh đạo cách mạng hơn 20 năm của Đảng, rút ra những bài học kinh nghiệm để tiếp tục chỉ đạo cách mạng trong giai đoạn mới.

Đại hội cũng thông qua Báo cáo bàn về cách mạng Việt Nam do Tổng Bí thư Trường Chinh trình bày. Báo cáo đã chỉ rõ nhiệm vụ của cách mạng là phải đánh đuổi thực dân Pháp và can thiệp Mĩ giành độc lập thống nhất cho dân tộc, xóa bỏ những tàn dư phong kiến, thực hiện “người cày có ruộng”, phát triển chế độ dân chủ nhân dân.

Đại Hội quyết định tách Đảng Cộng sản Đông Dương để thành lập ở mỗi nước một đảng riêng. Ở Việt Nam, Đại hội quyết định đưa Đảng ra hoạt động công khai với tên mới là Đảng Lao Động Việt Nam để lãnh đạo cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam.

Đại hội đã thông qua Chính cương, Điều lệ mới, quyết định xuất bản báo Nhân dân làm cơ quan ngôn luận của Trung ương Đảng.

Đại hội bầu ra Ban chấp hành Trung ương Đảng và Bộ Chính trị. Đồng chí Hồ Chí Minh được bầu làm Chủ tịch Đảng, đồng chí Trường Chinh được bầu làm Tổng Bí thư của Đảng.

Đại hội đã quyết định những chính sách nhằm phát triển kháng chiến về mọi mặt.

Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ II đánh dấu bước phát triển mới trong quá trình trưởng thành và lãnh đạo cách mạng của Đảng ta, là “Đại hội kháng chiến thắng lợi”

#### ***Câu 41: Trình bày nội dung và ý nghĩa của Hiệp định Giơ-ne-vơ năm 1954 về lập lại hòa bình ở Đông Dương.***

Sau khi quân ta giành chiến thắng vang dội ở Điện Biên Phủ, thực dân Pháp và can thiệp Mĩ đã buộc phải thảo luận rồi đi đến kí kết Hiệp định Giơ-ne-vơ ngày 21 tháng 7 năm 1954. Hiệp định kí kết bao gồm các nội dung sau:

Các nước tham dự Hội nghị cam kết tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản là độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của 3 nước Việt Nam, Lào, Campuchia; cam kết không can thiệp vào công việc nội bộ của ba nước.

Các bên tham chiến thực hiện ngừng bắn, lập lại hòa bình ở Đông Dương.

Các bên tham chiến thực hiện cuộc tập kết, chuyển quân, chuyển giao khu vực. Ở Việt Nam, quân đội nhân dân Việt Nam và quân đội viễn chinh Pháp tập kết ở hai miền Nam- Bắc, lấy vĩ tuyến 17 dọc sông Bến Hải làm giới tuyến quân sự tạm thời với một khu phi quân sự dọc hai bên giới tuyến; Ở Lào, lực lượng kháng chiến tập kết tại hai tỉnh Sầm Nưa à Phong xa li; Ở Campuchia, lực lượng kháng chiến phục viên tại chỗ không có vùng tập kết.

Hiệp định cấm đưa quân đội, vũ khí, nhân viên quân sự nước ngoài vào các nước Đông Dương. Các nước ngoài không được đặt căn cứ quân sự ở Đông Dương. Các nước Đông Dương không được tham gia bất cứ khối liên minh



quân sự nào và không để cho nước khác dùng lãnh thổ của mình vào việc gây chiến tranh hoặc phục vụ cho mục đích xâm lược.

Việt Nam tiến tới thống nhất bằng cuộc tổng tuyển cử tự do trong cả nước sẽ được tổ chức vào tháng 7 năm 1956 dưới sự giám sát của một Ủy ban quốc tế do Ấn độ làm chủ tịch.

Trách nhiệm thi hành hiệp định Giơnevơ thuộc về những người ký kết và những người kế tục họ.

Hiệp định Giơnevơ năm 1954 về Đông Dương là văn bản pháp lý quốc tế ghi nhận các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân của các nước Đông Dương và được các cường quốc cùng các nước tham dự hội nghị cam kết tôn trọng. Nó đánh dấu thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân ta.

Với hiệp định Giơnevơ 1954 thực dân Pháp phải buộc chấm dứt chiến tranh lập lại hòa bình ở Đông Dương, rút hết quân đội về nước. Mỹ thất bại trong âm mưu kéo dài, mở rộng chiến tranh xâm lược Đông Dương.

***Câu 42: Hãy phân tích tình hình nước ta sau hiệp định Giơ ne vơ và những nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam trong thời kỳ mới.***

Sau khi hiệp định Giơ ne vơ được ký kết cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân đã giành thắng lợi hoàn toàn. Chiến thắng đó đã làm thất bại âm mưu quân sự của đế quốc Pháp, Mỹ, giáng một đòn nặng nề vào chủ nghĩa đế quốc. Vì vậy chúng vẫn chưa từ bỏ tham vọng khống chế đất nước ta nhân dân ta.

Thực hiện Hiệp định Giơnevơ, sau khi quân Pháp rút khỏi Hà Nội, quân ta về tiếp quản thủ đô. Ngày 1/1/1955, trung ương Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh ra mắt nhân dân Thủ đô.

Ngày 16/5/1955, toán lính Pháp cuối cùng rút khỏi đảo Cát Bà (Hải Phòng). Trước khi rút quân, chúng còn phá hủy nhiều kho tàng, máy móc, và cả các công trình văn hóa của ta như Chùa Một Cột, nhà máy dệt nam Định..., chúng kích động, lôi kéo đồng bào công giáo di cư vào Nam nếu không “sẽ bị Việt Minh trả thù đẫm máu”. Những hành động đó đã vi phạm nghiêm trọng Hiệp định Giơnevơ.

Ở miền Nam, do có sẵn âm mưu từ trước nên đế quốc Mỹ đã có sự chuẩn bị nhằm tiến tới phá hoại Hiệp định Giơnevơ âm mưu biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới.

Ngày 25/6/1954, Mỹ đã ép thực dân Pháp đưa Ngô Đình Diệm lên thay Bửu Lộc làm thủ tướng Chính phủ ở miền Nam. Tiếp đó ngày 13/12/1954 Pháp đồng ý giao trách nhiệm huấn luyện và trang bị vũ khí cho quân ngụy ở miền Nam.

Giữa tháng 5/1956, Pháp rút quân khỏi miền Nam khi chưa thực hiện đầy đủ nhiệm vụ của họ trong đó có hiệp thương tổng tuyển cử thống nhất hai miền Nam-Bắc theo quy định của Hiệp định Giơnevơ. Họ chửi bới trách nhiệm của mình cho những kẻ đang âm mưu chia cắt Việt nam.

Dưới sự chỉ đạo của quan thầy Mỹ, chính quyền Ngô Đình Diệm đã ra sức phá hoại Hiệp định Giơnevơ. Chúng tuyên bố không có hiệp thương tổng tuyển cử gì hết và còn “trung cầu dân ý” cho cái gọi là chính phủ Việt Nam Cộng hòa

do Diệm làm tổng thống. Hành động của đế quốc và tay sai cho thấy rõ mưu đồ của chúng nhằm chia cắt miền Nam khỏi lãnh thổ Việt nam.

Như vậy, sau Hiệp định Giơnevơ đất nước ta tạm thời bị chia cắt làm hai miền với hai chế độ khác nhau: Miền Bắc đã hoàn toàn giải phóng, miền Nam vẫn dưới sự thống trị của chủ nghĩa đế quốc và tay sai.

Vì vậy, nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới sẽ là: Miền Bắc tiến lên xây dựng xã hội chủ nghĩa; miền Nam tiếp tục cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đấu tranh chống đế quốc Mĩ và tay sai giải phóng Miền Nam thống nhất Tổ quốc; Nhiệm vụ chung của cách mạng 2 miền là đánh đuổi Mĩ và tay sai nhằm giải phóng miền Nam, bảo vệ Miền Bắc, thống nhất đất nước, đưa cả nước đi lên CNXH.

Hai nhiệm vụ cách mạng phải được tiến hành song song, đồng thời, có tác động qua lại, hỗ lẫn nhau. Trong đó, miền Bắc xã hội chủ nghĩa là hậu phương có vai trò quyết định nhất đối với cách mạng cả nước. Miền Nam là tiền tuyến có vai trò quyết định trực tiếp trong việc thực hiện đánh bại đế quốc Mĩ giải phóng MN.

Như vậy, căn cứ vào tình hình thực tế của đất nước, đề ra 2 nhiệm vụ cách mạng trong cùng một thời điểm là việc làm sáng tạo của Đảng. Nhờ có đường lối đó, chúng ta đã khắc phục khó khăn phát huy sức mạnh toàn dân trong cuộc đấu tranh bảo vệ nền độc lập thống nhất cả tổ quốc.

***Câu 43: Thắng lợi nào của quân dân ta đã đánh dấu bước phát triển nhảy vọt của cách mạng từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công? Trình bày tóm tắt hoàn cảnh lịch sử, diễn biến, kết quả của phong trào.***

Sau Hiệp định Giơnevơ 1954, đất nước ta tạm thời bị chia cắt làm hai miền với hai nhiệm vụ cách mạng khác nhau nhưng gắn bó khăng khít không tách rời. Cùng với thắng lợi của miền Bắc trong công cuộc cải cách ruộng đất, khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh miền Nam đã giành được thắng lợi đầu tiên đánh dấu bước nhảy vọt từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công đó chính là thắng lợi của phong trào Đông khởi (1959- 1960)

Sau hiệp định Giơnevơ, chính quyền Ngô Đình Diệm thi hành nhiều chính sách phản động chống đồng bào Miền Nam. Đặc biệt luật 10-59, ban hành tháng 5/1957 đặt cộng sản ra ngoài vòng pháp luật. Chúng lê máy chém đi khắp miền Nam giết hại nhiều chiến sĩ cách mạng và đồng bào vô tội, bắt bớ tù đày vô cơ hàng chục vạn người.

Cuộc đấu tranh hòa bình của nhân dân miền Nam trong những năm 1954-1959 không ngăn nổi hành động tàn ác của kẻ thù. Cần có biện pháp quyết liệt hơn để đưa cách mạng miền Nam vượt qua khó khăn thử thách.

Tháng 1/1959, Hội nghị lần thứ 15 BCH Trung ương Đảng đã quyết định chuyển hướng đấu tranh, sử dụng bạo lực cách mạng của quần chúng để lật đổ ách thống trị của Mĩ- Diệm.

Dưới ánh sáng của nghị quyết 15, từ đầu năm 1959, phong trào cách mạng đã noorra lẻ tẻ ở nhiều địa phương miền nam. Tháng 2/1959, nhân dân Vĩnh Thanh(Bình Định), Bắc Ái( Ninh Thuận) đã nổi dậy. Tháng 8/1959 nhân dân Trà

Bông (Quảng Ngãi) nổi dậy. Từ đó phong trào lan ra khắp miền Nam thành cao trào CM, tiêu biểu là cuộc Đồng khởi ở Bến Tre.

Ngày 17/1/1960, dưới sự lãnh đạo của tỉnh ủy Bến Tre và cấp ủy địa phương nhân dân các xã Định Thủy, Phước Hiệp, Bình Khánh (Mỏ Cày) đồng loạt nổi dậy đánh đồn bốt, diệt ác ôn giải tán chính quyền ngụy, phong trào lan rộng phá vỡ từng mảnh lớn bộ máy chính quyền địch. Phong trào từ huyện mỏ cày lan ra toàn tỉnh Bến Tre, nhân dân các huyện Giồng Trôm, Ba Tri, Châu Thành, Bình Đại ... đồng loạt nổi dậy giành chính quyền.

Từ Bến Tre phong trào lan rộng Nam Bộ, Tây Nguyên, Trung Trung Bộ.

Kết quả, đến cuối 1960 ta làm chủ 600/1298 xã ở Nam Bộ, 904/3829 thôn ở Trung Bộ và 3200/5721 thôn ở Tây Nguyên.

\*Ý nghĩa:

-Giáng 1 đòn nặng nề vào chính sách thực dân mới của Mĩ ở MN, làm lung lay tận gốc chính quyền ngụy, đánh dấu bước phát triển nhảy vọt của cách mạng miền Nam chuyển từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công.

Chiến thắng của nhân dân ta đã làm phá sản chiến lược “chiến tranh 1 phía” của đế quốc Mĩ, phá vỡ từng mảng hệ thống chính quyền địch ở nông thôn, dẫn đến thời kì khủng hoảng triền miên của chế độ Mĩ –ngụy ở Sài Gòn.

Từ trong phong trào Đồng khởi, mặt trận đoàn kết nhân dân chống đế quốc Mĩ và tay sai được củng cố. Ngày 20/12/1960, Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam thành lập.

***Câu 44: Trình bày hoàn cảnh lịch sử, diễn biến, kết quả, ý nghĩa của phong trào Đồng khởi (1959- 1960)***

Sau hiệp định Giơnevơ, chính quyền Ngô Đình Diệm thi hành nhiều chính sách phản động chống đồng bào Miền Nam. Đặc biệt luật 10-59, ban hành tháng 5/1957 đặt cộng sản ra ngoài vòng pháp luật. Chúng lê máy chém đi khắp miền Nam giết hại nhiều chiến sĩ cách mạng và đồng bào vô tội, bắt bớ tù đày vô cơ hàng chục vạn người.

Cuộc đấu tranh hòa bình của nhân dân miền Nam trong những năm 1954-1959 không ngăn nổi hành động tàn ác của kẻ thù. Cần có biện pháp quyết liệt hơn để đưa cách mạng miền Nam vượt qua khó khăn thử thách.

Tháng 1/1959, Hội nghị lần thứ 15 BCH Trung ương Đảng đã quyết định chuyển hướng đấu tranh, sử dụng bạo lực cách mạng của quần chúng để lật đổ ách thống trị của Mĩ- Diệm.

Dưới ánh sáng của nghị quyết 15, từ đầu năm 1959, phong trào cách mạng đã noorra lẻ tẻ ở nhiều địa phương miền nam. Tháng 2/1959, nhân dân Vĩnh Thanh(Bình Định), Bắc Ái( Ninh Thuận) đã nổi dậy. Tháng 8/1959 nhân dân Trà Bông (Quảng Ngãi) nổi dậy. Từ đó phong trào lan ra khắp miền Nam thành cao trào CM, tiêu biểu là cuộc Đồng khởi ở Bến Tre.

Ngày 17/1/1960, dưới sự lãnh đạo của tỉnh ủy Bến Tre và cấp ủy địa phương nhân dân các xã Định Thủy, Phước Hiệp, Bình Khánh (Mỏ Cày) đồng loạt nổi dậy đánh đồn bốt, diệt ác ôn giải tán chính quyền ngụy, phong trào lan rộng phá

vỡ từng mảnh lớn bộ máy chính quyền địch. Phong trào từ huyện mở càylan ra toàn tỉnh Bến Tre, nhân dân các huyện Giồng Trôm, Ba Tri, Châu Thành, Bình Đại ... đồng loạt nổi dậy giành chính quyền.

Từ Bến Tre phong trào lan rộng Nam Bộ, Tây Nguyên, Trung Trung Bộ.

Kết quả, đến cuối 1960 ta làm chủ 600/1298 xã ở Nam Bộ, 904/3829 thôn ở Trung Bộ và 3200/5721 thôn ở Tây Nguyên.

\*Ý nghĩa:

-Giáng 1 đòn nặng nề vào chính sách thực dân mới của Mĩ ở MN, làm lung lay tận gốc chính quyền nguy, đánh dấu bước phát triển nhảy vọt của cách mạng miền Nam chuyển từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công.

Chiến thắng của nhân dân ta đã làm phá sản chiến lược “chiến tranh 1 phía” của đế quốc Mĩ, phá vỡ từng mảng hệ thống chính quyền địch ở nông thôn, dẫn đến thời kì khủng hoảng triền miên của chế độ Mĩ –ngụy ở Sài Gòn.

Từ trong phong trào Đồng khởi, mặt trận đoàn kết nhân dân chống đế quốc Mĩ và tay sai được củng cố. Ngày 20/12/1960, Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam thành lập.

***Câu 45: Trình bày những thắng lợi của quân và dân miền Nam trong cuộc đấu tranh chống chiến lược “chiến tranh đặc biệt” của đế quốc Mĩ.***

Sau chiến thắng Đồng khởi của quân và dân ta, đế quốc Mĩ đã thực hiện chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” với âm mưu “dùng người Việt đánh người Việt”. Chúng đã huy động lực lượng lớn quân nguy do Mĩ chỉ huy thực hiện các chiến thuật chiến tranh hiện đại như “trực thăng vận”, “thiết xa vận”..., tiến hành dồn dân lập “ấp chiến lược” thực hiện “tát nước bắt cá” tách nhân dân ra khỏi cách mạng.

Tuy nhiên tất cả những thủ đoạn của Mĩ nguy đã bị cuộc chiến đấu của quân và dân miền Nam đánh bại.

Tháng 2/1961, các lực lượng vũ trang thống nhất thành Quân giải phóng miền Nam. Trong những năm 1961-1962, quân giải phóng đã đẩy lùi nhiều cuộc tiến công của địch, tiêu diệt nhiều đồn bốt lẻ của chúng.

Trên mặt trận chống, phá “ấp chiến lược” nhân dân miền Nam kiên quyết bám đất, giữ làng, phá thế kìm kẹp của địch. Đến cuối 1962, trên nửa tổng số “ấp chiến lược” với gần 70% nông dân toàn miền Nam vẫn do cách mạng kiểm soát. Giữa 1965, địch chỉ còn kiểm soát 2200 ấp, vùng giải phóng của ta được mở rộng.

Phong trào đấu tranh chính trị của các tầng lớp nhân dân ở thành phố lớn :Sài Gòn, Huế, Đà Nẵng phát triển mạnh. Tiêu biểu là cuộc đấu tranh của “đội quân tóc dài”, của các tín đồ phật giáo chống lại chính quyền Diệm.

-Trên mặt trận quân sự, quân dân miền Nam đã giành những chiến thắng quan trọng, đặc biệt từ năm 1963.

Ngày 2/1/1963, quân ta giành chiến thắng trong trận Ấp Bắc (Mĩ Tho), đánh bại cuộc hành quân càn quét của 2000 quân địch có cố vấn Mĩ chỉ huy, tiêu diệt 450 tên ( trong đó có 19 cố vấn Mĩ), hạ 8 máy bay, 13 xe bọc thép.



Chiến thắng Ấp Bắc đã mở ra khả năng thắng Mĩ trong chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”, làm dấy lên phong trào “Thi đua Ấp Bắc giết giặc lập công”

Cuộc đấu tranh chống bình định của quân dân MN làm cho kế hoạch Xtalây-Taylor bị phá sản. 1/11/1963 Mĩ đảo chính lật đổ Ngô Đình Diệm, đề ra kế hoạch Giôn Xơn-Mác Namara ra thời hạn bình định miền Nam thêm 6 tháng...

Đông xuân 1964- 1965, quân giải phóng mở các cuộc tiến công và giành thắng lợi ở Bình Giả (Bà Rịa) loại 1.700 địch, thu nhiều phương tiện chiến tranh, tiếp theo là chiến thắng An Lão (Bình Định), Ba Gia (Quảng Ngãi), Đồng Xoài (Biên Hòa). Những thắng lợi đó đã làm phá sản chiến lược “chiến tranh đặc biệt” của Mĩ –ngụy

Thắng lợi đã chứng minh đường lối của Đảng ta là hoàn toàn sát hợp với thực tiễn miền Nam, là cơ sở tạo cho cách mạng miền Nam tiến lên đập tan những kế hoạch chiến tranh mới của đế quốc Mĩ.

***Câu 46: Trình bày những thắng lợi của quân và dân miền Nam trong cuộc đấu tranh chống chiến lược “chiến tranh cục bộ” của đế quốc Mĩ.***

Từ giữa 1965, đứng trước nguy cơ thất bại của chiến lược “chiến tranh đặc biệt”, đế Mĩ thực hiện chiến lược “chiến tranh cục bộ” ở MN, mở rộng chiến tranh phá hoại miền Bắc. Quân Mĩ ồ ạt kéo vào miền Nam, lực cao điểm là 543 nghìn tên. Với ưu thế quân sự, Mĩ mở cuộc hành quân vào căn cứ quân giải phóng của ta ở Vạn Tường. Đồng thời liên tiếp mở 2 cuộc phản công chiến lược trong 2 mùa khô 1965-1966, 1966-1967.

Tuy nhiên tất cả những thủ đoạn của Mĩ ngụy đã bị cuộc chiến đấu của quân và dân miền Nam đánh bại.

Thắng lợi quân sự:

Ngày 18/8/1965, quân dân ta đã đánh bại cuộc hành quân tìm diệt mang tên “Ánh sáng sao” của 9000 lính thủy đánh bộ Mĩ càn quét vào làng Vạn Tường (Quảng Nam). Sau một ngày chiến đấu quân ta đã giành chiến thắng Vạn Tường tiêu diệt 900 địch, bắn cháy 22 xe tăng hạ 13 máy bay.

Chiến thắng Vạn tường chứng tỏ khả năng thắng Mĩ của ta trong chống “chiến tranh cục bộ”, tạo nên phong trào thi đua sôi nổi “Tìm Mĩ mà đánh, tìm ngụy mà diệt”.

Chiến thắng của ta càng được khẳng định qua chiến thắng trong hai mùa khô 1965- 1966 và 1966- 1967.

-Mùa khô 1(1965-1966), Mĩ ngụy huy động 720 000 quân (220 000 quân Mĩ và đồng minh), tiến hành hơn 450 cuộc hành quân lớn nhỏ đánh vào các vùng căn cứ kháng chiến của ta.

Quân giải phóng đã cùng với nhân dân đánh bại các cuộc hành quân” tìm diệt” của Mĩ, ngụy loại khỏi vòng chiến 104000 địch (trong đó 42000 quân Mĩ, 3500 quân đồng minh), bắn rơi 1430 máy bay.

-Mùa khô2 (1966-1967), Mĩ ngụy huy động 980 000 quân (440 000 quân Mĩ và đồng minh), tiến hành hơn 895 cuộc hành quân lớn nhỏ đánh vào các vùng căn cứ kháng chiến của ta. Lớn nhất là cuộc hành quân Gian xơn Xity đánh vào chiến



khu Dương Minh Châu hàng tiêu diệt đầu não kháng chiến, tiêu diệt quân giải phóng.

Quân dân ta đã tiêu diệt 151000 địch (trong đó 68.000 quân Mĩ, 5.500 quân đồng minh), bắn rơi 1231 máy bay

Thắng lợi trên mặt trận chính trị:

Ở nông thôn, phong trào phá “ấp chiến lược” được đẩy mạnh với sự hỗ trợ của lực lượng vũ trang.

Ở thành thị, các lực lượng học sinh, sinh viên, và các tầng lớp nhân dân lao động biểu tình đòi Mĩ rút về nước.

Thắng lợi trên các mặt trận đã nâng cao uy tín của Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam trên trường quốc tế. Ngược lại tội ác của đế quốc Mĩ bị lên án, cô lập.

Sau những chiến thắng quan trọng nêu trên, so sánh lực lượng có lợi cho ta. Bộ chính trị, quân ủy trung ương quyết định mở cuộc tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968. Ta đã loại được 147 000 tên địch trong đó 48000 lính Mĩ phá hủy 1 khối lượng lớn vật chất và phương tiện chiến tranh của chúng, làm lung lay ý chí xâm lược của quân Mĩ, buộc Mĩ phải tuyên bố “phi Mĩ hóa” cuộc chiến tranh xâm lược, mở ra bước ngoặt của cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước.

***Câu 47: Trình bày những thắng lợi của quân và dân miền Nam trong cuộc đấu tranh chống chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” và “Đông Dương hóa chiến tranh” của đế quốc Mĩ.***

Sau đòn bất ngờ Tết Mậu Thân 1968, đế quốc Mĩ đã bị thiệt hại nặng nề. Chiến lược “chiến tranh cục bộ” theo đó bị phá sản, Mĩ buộc phải tuyên bố “phi mĩ hóa” rút quân về nước. Sự kiện đó gây chấn động dư luận nước Mĩ và thế giới. Tuy nhiên, đế quốc Mĩ vẫn chưa chịu từ bỏ ý định xâm lược miền Nam Việt Nam. Vì vậy, chính quyền Ních-xơn đã cho tiến hành chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”, mở rộng chiến tranh ra toàn Đông Dương thực hiện “Đông Dương hóa chiến tranh”. Tuy nhiên tất cả những cố gắng của Mĩ ngụy đã bị cuộc chiến đấu của quân và dân miền Nam đánh bại.

Thắng lợi trên mặt trận chính trị-ngoại giao

Ngày 6/6/1969, Chính phủ CM lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam thành lập. Ngay sau khi thành lập Chính phủ CM lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam đã được 23 nước công nhận trong đó có 21 nước thiết lập quan hệ ngoại giao.

Trong hai ngày 24, 25/4/1970, Hội nghị cấp cao 3 nước VN, Lào, CPC họp bàn biện pháp nhằm đối phó với Mĩ. Hội nghị biểu thị quyết tâm của nhân dân 3 nước Đông Dương đoàn kết chiến đấu chống Mĩ.

Thắng lợi trên mặt trận quân sự:

Từ 30/4 đến 30/6/1970, quân giải phóng Việt Nam phối hợp với quân dân Campuchia đập tan cuộc hành quân xâm lược CPC của 10 vạn quân Mĩ ngụy, loại 17000 địch giải phóng nhiều vùng đất đai với 4,5 triệu dân.

Từ 12/2 đến 30/6/1971, quân giải phóng Việt Nam phối hợp với quân dân Lào đập tan cuộc hành quân “Lam Sơn-719” của 45000 quân Mỹ nguy hại 22000 địch giữ vững hành lang chiến lược của cách mạng Đông Dương.

Phong trào đấu tranh của học sinh và sinh viên ở các đô thị Sài Gòn, Huế, Đà Nẵng; phong trào nổi dậy chống “bình định” giành quyền làm chủ ở nông thôn vẫn tiếp tục phát triển.

Sang năm 1972, quân ta mở cuộc tiến công chiến lược nhằm vào ba hướng chính là Quảng Trị, Đông Nam Bộ, Tây Nguyên, tiêu diệt 200000 quân địch, giải phóng nhiều vùng đất đai rộng lớn. Cuộc tiến công chiến lược năm 1972 đã giáng đòn nặng nề vào chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” và “Đông Dương hóa chiến tranh” buộc Mỹ phải tuyên bố “Mỹ hóa” trở lại tức thừa nhận sự thất bại của chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”

***Câu 48: Trình bày nội dung và ý nghĩa của Hiệp định Pari năm 1954 về lập lại hòa bình ở Việt Nam.***

Trải qua 5 năm đấu tranh kiên trì với hàng trăm phiên họp, ngày 27/1/1973, đế quốc Mỹ đã buộc phải kí Hiệp định Pari lập lại hòa bình ở Việt Nam. Hiệp định có hiệu lực ngay từ khi kí kết với các nội dung cơ bản như sau:

Hoa Kỳ và các nước cam kết tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam.

Hai bên ngừng bắn ở Việt Nam vào lúc 24 giờ ngày 27/1/1973 và Hoa Kỳ cam kết chấm dứt mọi hoạt động quân sự chống miền bắc Việt nam.

Hoa Kỳ rút hết quân đội của mình và quân các nước đồng minh, hủy bỏ các căn cứ quân sự, cam kết không tiếp tục dính líu quân sự hoặc can thiệp vào công việc nội bộ của miền Nam.

Nhân dân miền Nam Việt Nam tự quyết định tương lai chính trị của họ thông qua cuộc tổng tuyển cử tự do, không có sự can thiệp của nước ngoài.

Các bên thừa nhận thực tế miền Nam Việt Nam có hai chính quyền, hai lực lượng quân đội, hai vùng kiểm soát và ba lực lượng chính trị.

Hai bên trao trả tù binh và dân thường bị bắt.

Hoa Kỳ cam kết góp phần vào việc hàn gắn vết thương chiến tranh ở Việt Nam và Đông Dương, thiết lập quan hệ bình thường cùng có lợi với Việt Nam.

Hiệp định Pari về chấm dứt chiến tranh lập lại hòa bình ở VN là thắng lợi của sự kết hợp giữa đấu tranh quân sự, chính trị, ngoại giao, là kết quả của cuộc đấu tranh kiên cường bất khuất của nhân dân ta ở 2 miền đất nước mở ra bước ngoặt mới của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Với Hiệp định Pari, Mỹ phải công nhận các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân ta và rút quân về nước. Đó là thắng lợi lịch sử quan trọng tạo thời cơ thuận lợi để nhân dân ta tiến lên “đánh cho nguy nhào” giải phóng hoàn toàn MN

***Câu 49: Trình bày hoàn cảnh lịch sử, diễn biến, kết quả của cuộc tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân 1975.***

-Cuối 1974 đầu 1975 sau chiến thắng đường 14-Phước Long so sánh lực lượng thay đổi có lợi cho ta. Bộ chính trị trung ương Đảng đã đề ra chủ trương giải

phóng MN trong 2 năm nhưng nhấn mạnh “cả năm 1975 là thời cơ”. Phương châm của ta là “đánh nhanh thắng nhanh” để đỡ thiệt hại về người và của cho nhân dân.

Cuộc tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân 1975 đã diễn ra trong gần hai tháng (từ 4/3 đến 2/5) qua ba chiến dịch lớn: chiến Tây Nguyên, Huế- Đà Nẵng và chiến dịch Hồ Chí Minh.

Chiến dịch Tây Nguyên (từ 4/3 đến 24/3)

Ngày 4/3 quân ta đánh nghi binh ở Plâyku và Kom Tum thu hút sự chú ý của địch về đây.

Ngày 10/3/1975, ta tấn công Buôn Ma Thuột. Đến 12/3 ta làm chủ thị xã. Quân ngụy tổ chức tái chiếm Buôn Ma Thuột nhưng cũng bị đánh bại ngày 14/3. Ngày 24/3/1975, Tây Nguyên giải phóng với 60v dân

Chiến thắng Tây Nguyên đã chuyển cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước sang giai đoạn mới từ tiến công chiến lược sang tổng tiến công chiến lược.

Chiến dịch Huế- Đà Nẵng.

Ngày 21/3/1975, quân ta bao vây Huế. Ngày 25/3, ta bắt đầu cuộc tấn công vào trung tâm thành phố. Ngày 26/3 Huế giải phóng, đồng thời giải phóng toàn bộ tỉnh Thừa Thiên.

Ngày 29/3/1975, quân ta từ 3 phía Bắc -Trung -Nam tiến thẳng vào Đà Nẵng, đến 3h chiều toàn bộ thành phố Đà Nẵng giải phóng

Cuối T3 đầu T4, các đảo, biển miền trung lần lượt được giải phóng.

Chiến dịch Huế-Đà Nẵng thắng lợi đã xóa bỏ hệ thống phòng thủ của địch ở quân khu I, loại khỏi vòng chiến đấu quân đoàn I ngụy. Ta đã đẩy địch nhanh chóng tan rã hoàn toàn, gây tâm lí tuyệt vọng trong quân ngụy tạo thời cơ mới cho ta mở cuộc tổng công kích giải phóng Sài Gòn.

Chiến dịch Hồ Chí Minh (26/4 đến 30/4)

Ngày 25/3/1975, Bộ chính trị TW Đảng họp và khẳng định thời cơ chiến lược mới đã đến phải tập trung nhanh chóng nhất lực lượng binh khí kỹ thuật, vật chất hoàn thành giải phóng miền Nam trước mùa mưa năm 1975.

Ngày 14/4/1975, Bộ chính trị quyết định đặt tên cho chiến dịch giải phóng Sài Gòn là chiến dịch Hồ Chí Minh và thành lập Bộ chỉ huy chiến dịch do đồng chí Văn Tiến Dũng làm tư lệnh, đồng chí Phạm Hùng làm chính ủy.

Ngày 9/4/1975, ta đánh Xuân Lộc chọc thủng tuyến phòng thủ của địch. Tổng thống ngụy Nguyễn Văn Thiệu xin từ chức (21/4).

Ngày 22/4/1975, Bộ chỉ huy chiến dịch duyệt lại lần cuối kế hoạch giải phóng Sài Gòn.

17h ngày 26/4/1975, chiến dịch Hồ Chí Minh bắt đầu. Quân ta tiến vào Sài Gòn theo 5 hướng, đánh chiếm các cơ quan đầu não của địch: Phủ tổng thống Ngụy, Bộ tổng tham mưu, Tổng nha sát, Biệt khu thủ đô.

11h30' 30/4/1975, quân ta tiến vào Dinh Độc lập, chiến dịch HCM toàn thắng.

Đến ngày 2/5/1975: ta giải phóng các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long và các đảo còn lại

Chiến dịch HCM toàn thắng ta tiêu diệt và làm tan ra hoàn toàn quân nguy tịch thu, phá hủy toàn bộ vũ khí, xóa bỏ hoàn toàn bộ máy chính quyền Nguy từ TW đến cơ sở giải phónghoàn toàn miền Nam.

**Câu 50: Tại sao sau chiến thắng 30/4, ta lại phải tiến hành thống nhất đất nước về mặt nhà nước. Quá trình đó diễn ra như thế nào? Kết quả, ý nghĩa?**

Sau đại thắng mùa Xuân 1975, đất nước thống nhất về lãnh thổ, nam Bắc xum họp một nhà. Nhưng ở 2 miền vẫn tồn tại 2 nhà nước riêng. Thực tế đó trái với nguyện vọng, tình cảm thiêng liêng của nhân dân hai miền Nam Bắc. Vì vậy yêu cầu thống nhất đất nước về mặt Nhà nước là nguyện vọng chung của nhân dân.

Quá trình thống nhất:

Từ 15 đến 21/11/1975, hai miền Bắc- Nam họp Hội nghị hiệp thương chính trị thống nhất đất nước, hội nghị đã nhất trí hoàn toàn chủ trương biện pháp nhằm thống nhất đất nước về mặt Nhà nước.

Ngày 25/4/1976, cuộc tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung được tiến hành trong cả nước. Hơn 23 triệu cử tri (chiếm 98,8% ttoongr số cử tri) đi bỏ phiếu và bầu ra 492 đại biểu.

Từ 24/6 đến 3/7/1976, Quốc hội khóa VI của nước Việt Nam thống nhất họp kì đầu tiên tại Hà Nội đã thông qua và quyết định.

- + Thông qua c/s' đối nội và đối ngoại
- + Đặt tên nước là Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, quy định quốc huy, quốc kì , quốc ca.
- + Đổi tên Thành phố Sài Gòn- Gia Định thành Thành phố Hồ Chí Minh.
- + Bầu các cơ quan, chức vụ cao nhất của Nhà nước, bầu Ủy ban dự thảo hiến pháp (ngày 18/2/1980, Hiến pháp mới được thông qua )
- +Ở địa phương, quốc hội quyết định tổ chức thành 3 cấp chính quyền gồm tỉnh, huyện và xã.

Với kết quả của kì họp thứ nhất Quốc hội khóa VI, công việc thống nhất đất nước về mặt nhà nước đã hoàn thành.

Hoàn thành thống nhất đất nước về mặt Nhà nước đã tạo nên những điều kiện chính trị cơ bản để phát huy sức mạnh toàn diện của đất nước, những điều kiện thuận lợi để cả nước đi lên CNXH, những khả năng to lớn để bảo vệ tổ quốc và mở rộng quan hệ với các nước trên thế giới.

Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam vừa thành lập đã có 94 nước chính thức công nhận và đặt quan hệ ngoại giao. Ngày 20/9/1977, nước ta trở thành thành viên 149 của Liên hợp quốc.

**Câu 51: Anh (chị) hãy cho biết ba sự kiện quan trọng nhất của quân và dân miền Bắc trong giai đoạn 1954- 1975. Tóm tắt diễn biến, kết quả, ý nghĩa của những sự kiện đó.**

a. Ba sự kiện quan trọng nhất của quân và dân miền Bắc trong giai đoạn 1954- 1975 gồm:

- Hoàn thành cải cách ruộng đất năm 1954- 1957

- Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng (9/1960).
- Miền Bắc đánh bại cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ hai của đế quốc Mỹ đặc biệt là chiến thắng “Điện Biên Phủ trên không” năm 1972.

Hoàn thành cải cách ruộng đất (1954- 1957)

Trong hơn 2 năm (1954- 1957) miền Bắc đã tiến hành được 4 đợt cải cách ruộng đất ở 3314 xã thuộc 22 tỉnh.

Kết quả: Qua 5 đợt cải cách ruộng đất (kể cả đợt 1 trong kháng chiến chống Pháp) đã chia được 81 vạn hecta ruộng đất, 10 vạn trâu bò và 1,8 triệu nông cụ.

Hoàn thành cải cách ruộng đất đã góp phần củng cố khối liên minh công-nông và làm thay đổi bộ mặt nông thôn miền Bắc.

\* Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng

Đại hội diễn ra từ ngày 5 đến ngày 10 tháng 9 năm 1960 tại Hà Nội

Đại hội đã thông qua Báo cáo Chính trị, Báo cáo bàn về cách mạng Việt Nam và thông qua kế hoạch nhà nước 5 năm lần thứ nhất (1961- 1965) nhằm xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, thực hiện một bước công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa.

\* Miền Bắc đánh bại cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ hai của đế quốc Mỹ đặc biệt là chiến thắng “Điện Biên Phủ trên không” năm 1972.

Ngày 16/4/1972, đế quốc Mỹ tiến hành chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ hai. Đặc biệt trong 12 ngày đêm cuối năm 1972 (từ 18 đến 29/12/1972), đế quốc Mỹ mở cuộc tập kích chiến lược bằng B52 vào Hà Nội và Hải Phòng.

Quân dân miền Bắc đã đánh trả quân Mỹ những đòn đích đáng, bắn rơi 81 máy bay (trong đó có 34 B52 và 5 F111), bắt sống 43 phi công làm nên chiến thắng “Điện Biên Phủ trên không”.

Tính chung trong cả đợt, miền Bắc bắn rơi 735 máy bay Mỹ (trong đó có 61 B52 và 10 F111) bắn chìm 125 tàu chiến...

“Điện Biên Phủ trên không” là trận thắng quyết định của ta, buộc Mỹ phải tuyên bố ngừng các hoạt động chống phá miền Bắc và kí Hiệp định Pari về chấm dứt chiến tranh lập lại hòa bình ở Việt Nam (27/1/1973).

***Câu 52: Anh (chị) hãy nêu những sự kiện tiêu biểu của Chiến tranh thế giới thứ hai (1039- 1945) và cho biết tác động của những sự kiện ấy đối với cách mạng Việt Nam.***

Do ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới (1929- 1933), chủ nghĩa phát xít đã ra đời và đẩy thế giới vào cuộc chiến tranh tàn khốc nhất trong lịch sử nhân loại: Cuộc chiến tranh thế giới thứ hai. Trong những năm 1939- 1945, cuộc chiến tranh đã diễn ra với nhiều sự kiện và làm ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình cách mạng ở Việt Nam.

Ngày 1/9/1939, chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ. Chủ nghĩa phát xít Đức sau khi chiếm Ba Lan đã nhanh chóng làm chủ hầu hết châu Âu. Tháng 6 năm 1940, nước Pháp đầu hàng phát xít Đức, trở thành tay sai của chúng. Điều đó đã khiến bọn thực dân Pháp ở Đông Dương đẩy mạnh phát xít hóa chính quyền, chúng xóa bỏ mọi quyền tự do dân chủ mà nhân dân ta đã giành được qua phong



trào dân chủ 1936- 1939. Bọn chúng còn ra lệnh tổng động viên, vợ vét bóc lột tối đa nhân lực, các sản phẩm và nguyên liệu để phục vụ nhu cầu của “mẫu quốc”.

Tháng 9 năm 1940, phát xít Nhật xâm lược Đông Dương. Bọn thực dân Pháp nhanh chóng đầu hàng dâng nước ta cho Nhật. Bọn đế quốc và phát xít tạm thời bắt tay với nhau cùng bóc lột nhân dân Đông Dương.

Trong khi phát xít Nhật ra sức tuyên truyền cho cái gọi là “Khu vực thịnh vượng chung Đại Đông Á” và duy trì chính quyền thực dân Pháp làm tay sai cho chúng để bóc lột nhân dân ta thì bọn thực dân Pháp ở Đông Dương đã không từ một thủ đoạn hèn hạ nào để có thể vừa cung cấp theo yêu cầu của phát xít Nhật lại vừa có thể làm giàu cho chúng.

Chính sách vợ vét, đàn áp của Nhật Pháp đã đẩy nhân dân ta vào cảnh “một cổ hai tròng” không lối thoát. Hậu quả đặc biệt nghiêm trọng đó là đã làm chết gần hai triệu đồng bào ta cuối năm 1944 đầu năm 1945.

Ngày 1/1/1942, Mặt trận Đồng minh chống phát xít thành lập đã trở thành tổ chức đoàn kết nhân dân thế giới trong một mục tiêu cao cả: chống chủ nghĩa phát xít lập lại nền hòa bình thế giới. Điều này đã được lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc tiên đoán và thành lập ở Việt Nam Mặt trận Việt Minh (19/5/1941). Ngay sau khi Mặt trận Đồng minh tuyên bố thành lập, Mặt trận Việt minh của Việt Nam cũng gia nhập vào mặt trận chung đó của thế giới. Nhờ vậy trong những ngày tiến tới Cách mạng tháng Tám, Mặt trận Việt Minh đã nhận được sự trợ giúp từ phía quân Đồng minh Mĩ.

Từ tháng 2 năm 1943, sau chiến thắng Xtalingrat quân Đồng minh chuyển sang thế phản công phát xít trên hầu khắp các chiến trường và đẩy quân Đức, Italia, Nhật Bản vào tình thế bị động, đối phó. Đến đầu năm 1945, chiến tranh thế giới thứ hai đi vào giai đoạn cuối, chủ nghĩa phát xít đứng trước nguy cơ bị tiêu diệt hoàn toàn.

Trong tình thế đó, bọn thực dân Pháp ở Đông Dương ngóc đầu dậy chuẩn bị lật đổ phát xít Nhật khi quân Đồng minh tới nhằm khôi phục lại địa vị thống trị cũ.

Để phòng trừ hậu họa, đêm ngày 9/3/1945, phát xít Nhật đã ra tay trước bằng cuộc đảo chính lật đổ thực dân Pháp trên toàn cõi Đông Dương. Chỉ sau vài giờ kháng cự yếu ớt, bọn thực dân Pháp lại đầu hàng phát xít Nhật. Như thế Việt Nam từ chỗ là thuộc địa của Pháp nay trở thành thuộc địa của Nhật.

Căn cứ vào tình hình đó, Đảng và Mặt trận Việt minh xác định kẻ thù số một của nhân dân ta là phát xít Nhật. Từ đó, Đảng Cộng sản Đông Dương ban hành chỉ thị “Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta”; Mặt trận Việt Minh phát động cao trào “kháng Nhật cứu nước” từ tháng 3 đến tháng 8 năm 1945 làm tiền đề cho cuộc Tổng khởi nghĩa sau đó.

Ngày 15/8/1945, phát xít Nhật tuyên bố đầu hàng Đồng minh vô điều kiện, Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc.

Sự sụp đổ của phát xít Nhật chính quốc đã khiến cho bọn phát xít Nhật ở Đông Dương hoang mang rệu rã cực độ. Đây là cơ hội ngàn năm có một của dân tộc Việt Nam, cơ hội để nhân dân ta đứng lên tự giải phóng mình khỏi ách nô lệ.

Trong hoàn cảnh đó, dưới sự lãnh đạo của Đảng và Mặt trận Việt Minh, nhân dân Việt Nam đã làm nên cuộc Cách mạng tháng Tám giành lại nền độc lập dân tộc sau gần 100 năm đô hộ của đế quốc, phát xít.

Có thể nói, chiến tranh thế giới thứ hai là cuộc chiến tranh gây hậu quả nặng nề nhất đối với loài người. Nhưng từ cuộc chiến tranh lại xuất hiện cơ hội cho nhiều dân tộc thuộc địa trong đó có dân tộc Việt Nam. Diễn biến của chiến tranh đã ảnh hưởng trực tiếp đến cách mạng ở nước ta, đặc biệt là sự kết thúc của chiến tranh đã tạo “cơ hội ngàn năm có một cho dân tộc ta” như nhận định của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

***Câu 53: Trình bày hoàn cảnh triệu tập, nội dung và vai trò của Hội nghị Ianta.***

***(Hội nghị nào đánh dấu khởi đầu cho sự hình thành trật tự thế giới mới sau chiến tranh thế giới thứ hai? Trình bày hoàn cảnh triệu tập, nội dung của Hội nghị.***

Đầu năm 1945, chiến tranh thế giới thứ hai đi vào giai đoạn kết thúc, mâu thuẫn giữa các cường quốc lại nổi lên xung quanh các vấn đề: 1. Nhanh chóng đánh bại chủ nghĩa phát xít; 2. Tổ chức lại thế giới sau chiến tranh; 3. Phân chia thanhfquar chiến thắng giữa các nước thắng trận.

Trong bối cảnh đó từ ngày 4 đến 11/2/1945 tại Ianta (Liên Xô) đã diễn ra HN giữa 3 cường quốc Anh, Mĩ và Liên Xô. Tham dự hội nghị có Thủ tướng Anh Socsin, Tổng thống Mĩ Rudoven và Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng Liên Xô Xtalin.

Nội dung.

Các cường quốc thỏa thuận tiêu diệt tận gốc CNPX, kết thúc chiến tranh.

Thành lập tổ chức Liên hợp quốc nhằm duy trì hòa bình và an ninh thế giới.

Thỏa thuận về việc đóng quân tại các nước PX chiến bại và phân chia phạm vi ảnh hưởng ở châu Âu và châu Á.

Ở châu Âu, Hồng quân Liên Xô sẽ chiếm đóng Đông Đức, Đông Beclin và các nước Đông Âu; quân đội Mĩ, Anh chiếm đóng miền Tây nước Đức, Tây Beclin và các nước Tây Âu. Vùng Đông Âu thuộc phạm vi ảnh hưởng của Liên Xô, vùng Tây Âu thuộc phạm vi ảnh hưởng của Mĩ.

Ở châu Á. Hội nghị chấp nhận các điều kiện để Liên Xô tham chiến chống Nhật: 1. Giữ nguyên trạng Mông Cổ; 2. Khôi phục quyền lợi của nước Nga đã mất trong cuộc chiến tranh Nga- Nhật năm 1904; trả lại cho liên Xô miền nam đảo Xakhalin; Liên Xô chiếm 4 đảo thuộc quần đảo Curin.

Quân đội Mĩ chiếm đóng Nhật bản, Nam Triều Tiên. Hồng quân Liên Xô chiếm đóng Bắc Triều Tiên. Trung Quốc cần trở thành quốc gia thống nhất và dân chủ. Các vùng khác ở châu Á vẫn thuộc phạm vi ảnh hưởng của các nước phương Tây.

Hội nghị Ianta và những quyết định của Hội nghị đã trở thành khuôn khổ của trật tự thế giới mới thường được gọi là trật tự hai cực Ianta.

***Câu 54: Trình bày những thành tựu của Liên Xô trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội từ 1945 đến đầu những năm 70.***

Hoàn cảnh lịch sử: Liên Xô bị thiệt hại nặng nề bởi chiến tranh; 27tr người chết, 1710 thành phố và 70 000 làng mạc bị tàn phá...

Từ 1945 đến 1950, Liên Xô thực hiện kế hoạch 5 năm khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh.

Kết quả là, nhờ sự nỗ lực của mình, nhân dân Xô viết đã hoàn thành kế hoạch trong 4 năm 3 tháng với sản lượng CN tăng 73% so với trước chiến tranh, góp phần vượt chỉ tiêu kế hoạch đề ra và nhanh chóng ổn định đời sống nhân dân.

Năm 1949 chế tạo thành công bom nguyên tử, phá vỡ thế độc quyền bom nguyên tử của Mỹ.

Từ năm 1950 đến nửa đầu những năm 70, Liên Xô tiếp tục xây dựng CNXH đạt được nhiều thành tựu to lớn:

**Công nghiệp:** Trở thành cường quốc CN đứng thứ hai thế giới sau Mỹ. Một số ngành công nghiệp có sản lượng cao vào loại nhất thế giới như dầu mỏ, than, thép...Liên Xô đi đầu trong công nghiệp điện nguyên tử, công nghiệp vũ trụ.

**Nông nghiệp:** tuy gặp nhiều khó khăn nhưng vẫn đạt nhiều thành tựu, sản lượng nông phẩm trong những năm 60 tăng TB hàng năm là 16%.

**KHKT:** Năm 1957 phóng thành công vệ tinh nhân tạo; năm 1961 phóng tàu vũ trụ Phương Đông...mở đầu kỉ nguyên chinh phục vũ trụ của loài người.

**Xã hội:** Tỷ lệ công nhân chiếm 55% dân số; trình độ dân trí được nâng cao.

**Đối ngoại:** thực hiện chính sách bảo vệ hòa bình thế giới, ủng hộ phong trào giải phóng dân tộc và giúp đỡ các nước xã hội chủ nghĩa.

***Câu 55: Quốc gia nào kế tục Liên Xô sau năm 1991. Trình bày tóm tắt về tình hình của quốc gia đó từ năm 1991 đến năm 2000.***

Sau khi Liên Xô tan rã, Liên bang Nga là “quốc gia kế tục Liên Xô”, được kế thừa địa vị pháp lí của Liên Xô tại Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc và các cơ quan ngoại giao của Liên Xô ở nước ngoài.

Từ năm 1991 đến năm 2000, tình hình Liên bang Nga có những chuyển biến mạnh mẽ.

Về kinh tế : Từ 1991- 1995 tiếp tục suy giảm. Tốc độ tăng trưởng luôn âm: năm 1995 là -4,1%.

Từ 1996 bắt đầu phục hồi với tốc độ tăng trưởng là 0,5%, năm 2000 tốc độ tăng trưởng đạt 9%.

-Về chính trị: Tháng 12/1993 Hiến pháp LB được ban hành quy định thể chế Tổng thống Liên bang.

Về mặt đối nội: Nước Nga vẫn phải đối mặt với nhiều khó khăn như: sự tranh giành quyền lực giữa các phe phái và những vụ xung đột sắc tộc; phong trào đấu tranh đòi li khai và tình trạng khủng bố

Về đối ngoại: trước năm 1993, nước Nga ngả về các nước phương Tây mong nhận được nguồn viện trợ kinh tế và sự ủng hộ về chính trị. Tuy nhiên họ đã không thỏa mãn được mong muốn.

Từ sau năm 1993, bên cạnh coi trọng mối quan hệ với cả các nước p. Tây Liên bang Nga đã khôi phục và coi trọng quan hệ với các nước châu Á.

Từ năm 2000 đến nay, nhất là thời kì cầm quyền của Tổng thống V Putin, nước Nga có nhiều chuyển biến mạnh mẽ: kinh tế phát triển mạnh, chính trị, xã hội ổn định, vị thế quốc tế của nước Nga đang ngày càng được nâng cao trên thế giới. Nước Nga đã lấy lại vị thế của một cường quốc trên thế giới.

***Câu 56: Trình bày khái quát về cuộc đấu tranh giành độc lập của các nước Đông Nam Á từ sau chiến tranh thế giới thứ hai.***

Đông Nam Á là khu vực địa lí lịch sử có nhiều điểm tương đồng về văn hóa và trình độ phát triển. Từ giữa thế kỉ XIX, các nước Đông Nam Á đã bị chủ nghĩa thực dân phương tây xâm lược. Trong CTTG II, các quốc gia ĐNA là thuộc địa của phát xít Nhật.

Sau CTTG II, phong trào đấu tranh giành độc lập của nhân dân các nước Đông Nam Á phát triển mạnh, các quốc gia đều đã giành được độc lập

- Indônêxia - 8/1945 → 8/1950.
- Việt Nam - 8/1945 → 30/4/1975
- Lào - 10/1945 → 12/1975
- Philippin - 7/ 1946.
- Mianma - 1/ 1948.
- Campuchia - 11/ 1953.
- Malaixia - 8/ 1957.
- Xingapo - 6/1959 → 1965.
- Brunây - 1/ 1984.
- Đông Timo - 5/2002.

Một số quốc gia sau khi giành độc lập còn phải trải qua quá trình đấu tranh tuy lâu dài và gian khổ để bảo vệ độc lập như Việt Nam, Lào. Nhưng cuối cùng đã giành được thắng lợi.

***Câu 57: Trình bày khái quát các giai đoạn phát triển của cách mạng Lào từ 1945 đến 1975.***

Tháng 8/1945, ngay sau khi Nhật đầu hàng đồng minh vô điều kiện, nhân dân Lào đã chớp thời cơ nổi dậy giành chính quyền. Ngày 12/ 10/ 1945, nước Lào tuyên bố độc lập.

Tháng 3/ 1946, thực dân Pháp quay lại xâm lược Lào. Nhân dân Lào lại phải cầm súng chiến đấu.

- Từ 1946 → 1954, tiến hành cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Được sự giúp đỡ và phối hợp của quân và dân Việt Nam, lực lượng kháng chiến của Lào phát triển nhanh chóng. Sau chiến thắng Điện Biên Phủ, Hiệp định Giơnevơ (7/1954) đã buộc Pháp phải công nhận nền độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Lào.

Nhưng sau đó, Mĩ tiến hành cuộc chiến tranh xâm lược Lào.



Từ 1954→ 1975, tiến hành cuộc kháng chiến chống Mỹ xâm lược và bọ tay sai phản động dưới sự lãnh đạo của Đảng nhân dân cách mạng Lào. Nhân dân Lào đã lần lượt đánh bại các chiến lược chiến tranh của đế quốc Mỹ.

Ngày 21 tháng 2 năm 1973, Hiệp định Viêng Chăn về lập lại hòa bình, thực hiện hòa hợp dân tộc ở Lào được kí kết mở ra bước ngoặt của cuộc kháng chiến.

Cuối năm 1975, lực lượng cách mạng Lào đã tiến hành nổi dậy lật đổ chính quyền tay sai. Ngày 2/12/1975 giành thắng lợi hoàn toàn, nước CHDC nhân dân Lào chính thức thành lập.

***Câu 58: Trình bày khái quát các giai đoạn phát triển của cách mạng Campuchia từ 1945 đến 1991.***

- 10/1945 thực dân Pháp quay lại xâm lược Campuchia.

- Từ 1945→ 1954, nhân dân Cam pu chia tiến hành cuộc kháng chiến chống Pháp.

Ngày 9/11/1953 chính phủ Pháp công nhận nền độc lập của CPC nhưng vẫn cho quân chiếm đóng Cam pu chia.

Sau chiến thắng Điện Biên Phủ (5/1954) của nhân dân Việt Nam, tháng 7/1954 với việc kí Hiệp Định Giơnevơ quân Pháp mới rút hoàn toàn khỏi CPC.

Từ 1954 đến 1970, thực hiện đường lối hòa bình, trung lập, không liên kết, Campuchia dưới sự lãnh đạo của quốc vương Xihanuc đã đạt được nhiều thành tựu trong xây dựng kinh tế xã hội.

Ngày 18/ 3/1970 Mỹ đã giật dây cho các lực lượng tay sai lật đổ Quốc vương Xihanuc, xâm lược Campuchia.

Từ 1970 đến 1975 nhân dân Campuchia tiến hành kháng chiến chống Mỹ. Với sự giúp đỡ của quân giải phóng Việt Nam, ngày 17/4/1975 thủ đô Phnompenh giải phóng. Cuộc kháng chiến chống Mỹ thắng lợi. Nhưng ngay sau đó tập đoàn Khơ me đỏ lên thống trị đầy dặt nước Campuchia vào thời kì đen tối nhất trong lịch sử. Chế độ diệt chủng Poonpôt đã gây ra những tội ác kinh hoàng đối với nhân dân.

Từ 1975→ 1979 Campuchia đấu tranh chống chế độ diệt chủng của tập đoàn Khơ me đỏ với sự giúp đỡ của quân tình nguyện Việt Nam Ngày 7/1/1979 tập đoàn Khơ me đỏ bị lật đổ.

Từ 1979→ 1990 Campuchia tiếp tục diễn ra cuộc nội chiến giữa các phe phái. Ngày 23/10/1991 Hiệp định hòa bình về Cam pu chia được kí kết tại Pari đã chấm dứt cuộc nội chiến kéo dài ở Campu chia.

Từ 1993 đến nay, CPC xây dựng lại đất nước theo đường lối hòa bình, trung lập dưới sự lãnh đạo của chính quyền quân chủ lập hiến.

***Câu 59: Trình bày những nét khái quát về tình hình khu vực Đông Nam Á từ sau chiến tranh thế giới thứ hai đến năm 2000.***

Đông Nam Á là khu vực địa lí lịch sử có nhiều điểm tương đồng về văn hóa và trình độ phát triển. Từ sau chiến tranh thế giới thứ hai, khu vực đông Nam Á đã trải qua quá trình phát triển với những nét chính đó là: các quốc gia đều giành được độc lập, sau khi giành độc lập các nước bắt tay vào xây dựng nền kinh tế

xã hội đạt được nhiều thành tựu quan trọng. Trong quá trình đó, các nước Đông Nam Á đã đoàn kết trong ngôi nhà chung là Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN).

Sau CTTG II, phong trào đấu tranh giành độc lập của nhân dân các nước Đông Nam Á phát triển mạnh, các quốc gia đều đã giành được độc lập.

Indônêxia ( 8/1945), Việt Nam (8/1945), Lào (10/1945), Philippin ( 7/ 1946), Mianma ( 1/ 1948), Campuchia ( 11/ 1953), Malaixia (8/ 1957), Xingapo (1965), Brunây (1/ 1984), Đông Timo (5/2002).

Một số quốc gia sau khi giành độc lập còn phải trải qua quá trình đấu tranh tuy lâu dài và gian khổ để bảo vệ độc lập như Việt Nam, Lào. Nhưng cuối cùng đã giành được thắng lợi.

Sau khi giành được độc lập, các nước Đông Nam Á đã bắt tay ngay vào xây dựng nền kinh tế xã hội. Với chiến lược phát triển phù hợp, các nước đã vượt qua khóa khăn và đạt được nhiều thành tựu quan trọng: Singapo đã trở thành nước Công nghiệp mới (NIC), Thái Lan trở thành nước hàng đầu thế giới về xuất khẩu nông thủy sản và là điểm du lịch hấp dẫn thu hút khách quốc tế...

Trong quá trình phát triển, để chống lại những ảnh hưởng từ bên ngoài và giúp đỡ nhau cùng phát triển, các nước Đông Nam Á đã đoàn kết trong ngôi nhà chung là Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN).

Hiện nay, ASEAN là một liên minh chính trị kinh tế được đánh giá là phát triển năng động, giàu tiềm năng. Các nước thành viên đã thông qua Hiến chương ASEAN năm 2007 nhằm mục tiêu xây dựng Đông Nam Á thành khu vực hòa bình, ổn định và thịnh vượng.

***Câu 60: Trình bày hoàn cảnh ra đời và quá trình phát triển của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN)***

Sau khi giành được độc lập, các nước Đông Nam Á đã bắt tay ngay vào xây dựng nền kinh tế xã hội. Trong quá trình phát triển, để chống lại những ảnh hưởng từ bên ngoài và giúp đỡ nhau cùng phát triển, các nước Đông Nam Á đã đoàn kết lại.

Từ thập niên 50-60 của thế kỉ XX, xu thế hợp tác khu vực ngày càng phát triển. Sự thành công của Khối thị trường chung châu Âu (EC) đã cổ vũ các nước Đông Nam Á tìm cách liên kết.

Ngày 8/8/1967, tại Băng cốc (Thái Lan), Hiệp hội các quốc gia ĐNA (ASEAN) thành lập, gồm 5 thành viên: Thái Lan, Philippin, Xingapo, Indônêxia, Malaixia.

Mục tiêu của ASEAN là hợp tác cùng phát triển kinh tế, văn hóa và duy trì sự hòa bình, ổn định trong khu vực.

\* Trước năm 1976, ASEAN còn non yếu chưa có vị trí trên trường quốc tế.

\* Từ năm 1976, ASEAN đã không ngừng phát triển kể từ Hội nghị cấp cao tại Bali (Indônêxia).

2/1976, các thành viên kí kết Hiệp ước thân thiện và hợp tác ở ĐNA ( H/u Bali) xác định những nguyên tắc cơ bản trong quan hệ giữa các nước.

Từ 5 nước thành viên ban đầu, ASEAN đã tăng lên 10 thành viên: Brunây (1984), Việt Nam (1995), Lào và Mianma (1997), Campuchia (1999).

Tháng 11/2007, Hiến chương ASEAN được các nước thành viên thông qua với mục tiêu xây dựng Đông Nam Á thành khu vực hòa bình, ổn định và thịnh vượng.

Hiện nay, ASEAN là một liên minh chính trị kinh tế được đánh giá là phát triển năng động, giàu tiềm năng. Uy tín quốc tế của ASEAN ngày càng được nâng cao trên trường quốc tế.

***Câu 61: Trình bày khái quát về cuộc đấu tranh giành độc lập của Ấn Độ từ sau chiến tranh thế giới thứ hai.***

- Sau CTTG II, thực dân Anh tiếp tục cai trị đất nước Ấn Độ. Dưới sự lãnh đạo của Đảng Quốc đại, phong trào gpdđt Ấn Độ phát triển mạnh mẽ ở khắp nơi:

Tháng 2/1946, 2 vạn thủy binh ở Bombay tiến hành khởi nghĩa chống thực dân Anh.

Cũng tháng 2/1946, công nhân ở các thành phố Caccutta, Carasi, Madorat nổi dậy đấu tranh.

Nông dân ở các vùng nông thôn nổi dậy chống thuế.

Để đối phó lại với phong trào, năm 1947 thực dân Anh thực hiện kế hoạch Mao- bát- ton chia Ấn Độ thành 2 quốc gia theo tôn giáo: Ấn Độ và Pakitxtan và cho Ấn Độ được hưởng quyền tự trị.

Nhân dân Ấn Độ không chấp nhận mà tiếp tục đấu tranh buộc nhà cầm quyền Anh phải trao trả độc lập. Ngày 26/1/1950 Ấn Độ độc lập hoàn toàn, nước Cộng hòa Ấn Độ tuyên bố thành lập.

Thắng lợi của cuộc đấu tranh giành độc lập của nhân dân Ấn Độ đã có ảnh hưởng quan trọng tới phong trào giải phóng dân tộc ở châu Á và trên thế giới.

***Câu 62: Vì sao Cu ba được coi là lá cờ đầu tròn phong trào giải phóng dân tộc ở Mĩ Latinh?***

Sau chiến tranh thế giới thứ hai, đế quốc Mĩ tiếp tục thực hiện chính sách thực dân mới ở khu vực Mĩ Latinh. Vì thế, phong trào đấu tranh chống chế độ độc tài thân Mĩ để giành hoặc bảo vệ nền độc lập của nhân dân Mĩ Latinh bùng nổ và phát triển mạnh. Tiêu biểu là cuộc đấu tranh chống chế độ độc tài Batitxta của nhân dân Cuba.

Tháng 3/1952, đế quốc Mĩ dựng lên chế độ tay sai Batitxta. Chính quyền Batitxta đã thi hành những chính sách phản động chống lại cách mạng và nhân dân Cuba. Trong hoàn cảnh đó, nhân dân Cuba đã đứng lên đấu tranh.

Ngày 26/7/1953, dưới sự lãnh đạo của Phiden Catxtorô, lực lượng cách mạng tấn công vào pháo đài Môn ca đa. Tuy không giành thắng lợi nhưng cuộc tấn công đã thổi bùng ngọn lửa yêu nước của nhân dân Cu ba.

Ngày 1/1/1959, chế độ độc tài Batitxta sụp đổ, nước Cộng hòa nhân dân Cuba ra đời do Phiden Catxtorô đứng đầu.

Thắng lợi của CM Cuba năm 1959 cho ra đời nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở khu vực Mĩ Latinh, đưa Cuba trở thành lá cờ đầu trong phong trào giải phóng dân tộc ở khu vực Mĩ Latinh.

Thắng lợi đó đã thúc đẩy phong trào giải phóng dân tộc ở Mĩ Latinh đưa các nước trong khu vực vào thời kì đấu tranh quyết liệt, giành nhiều thắng lợi. Khu vực Mĩ Latinh được mệnh danh là “Lục địa bùng cháy” với hàng loạt các quốc gia tuyên bố độc lập: Venêxuêna, Nicaragua, Chilê, Cô lô m bia...

***Câu 63: Trình bày khái quát về các giai đoạn phát triển của nước Mĩ từ 1945 đến năm 2000.***

Từ sau chiến tranh thế giới thứ hai đến năm 2000, nước Mĩ trải qua ba giai đoạn phát triển.

Từ 1945 đến năm 1973, nền kinh tế Mĩ phát triển mạnh đưa Mĩ là trung tâm kinh tế tài chính lớn nhất thế giới .

Về KHKT, Mĩ là nước khởi đầu cuộc cách mạng KHKT hiện đại và đã đạt được nhiều thành tựu trên các lĩnh vực: chế tạo công cụ mới, vật liệu mới, năng lượng mới... và cuộc “cách mạng xanh” trong nông nghiệp.

- Đối ngoại, chính phủ Mĩ qua các đời tổng thống triển khai chiến lược toàn cầu với tham vọng làm bá chủ thế giới, với 3 mục tiêu: ngăn chặn, đẩy lùi tiến tới tiêu diệt xã hội chủ nghĩa; đàn áp phong trào giải phóng dân tộc, phong trào cộng sản và phong trào hòa bình dân chủ trên thế giới; khống chế nô dịch các nước đồng minh. Tuy nhiên, Mĩ đã bị thất bại ở nhiều nơi trên thế giới: TQ, Iran, Việt Nam...

Từ 1973 → 1991.

Nền kinh tế Mĩ rơi vào khủng hoảng và suy thoái kinh tế kéo dài đến năm 1993.

Từ 1983 phục hồi và pt trở lại nhưng đã giảm sút nhiều so với trước.

Đối ngoại: nước Mĩ tiếp tục triển khai chiến lược toàn cầu đặc biệt là dưới thời Tổng thống Rigan, cuộc chạy đua vũ trang với Liên Xô tiếp tục diễn ra quyết liệt.

Tháng 12/1989 Mĩ và Liên Xô tuyên bố chấm dứt chiến tranh lạnh.

Từ năm 1991 đến 2000:

Nền kinh tế Mĩ vẫn là nền kinh tế đứng đầu thế giới, chiếm 25% tổng sản phẩm của toàn thế giới và chi phối hầu hết các tổ chức kinh tế- tài chính của thế giới.

- KHKT của Mĩ vẫn đứng hàng đầu thế giới.

- Văn hóa đa dạng, hiện đại.

- Chính trị, đối ngoại:

+ Là thời kì chủ yếu dưới sự lãnh đạo của tổng thống B.Clinton, ưu tiên cho sự phát triển kinh tế.

+ Tiếp tục theo đuổi chiến lược toàn cầu với chiêu bài “dân chủ, nhân quyền”, tham vọng thiết lập một trật tự thế giới “đơn cực” do Mĩ lãnh đạo.

+ Tuy nhiên, nước Mĩ cũng đã phải trải qua không ít khó khăn đặc biệt là từ sau vụ khủng bố 11/9/2000.



+ Mĩ và Việt Nam thiết lập quan hệ ngày 11/7 năm 1995.

***Câu 64: Phân tích chính sách đối ngoại của nước Mĩ trong những năm 1945- 1973.***

Từ 1945 đến năm 1973, bên cạnh nền kinh tế phát triển mạnh mẽ, Mĩ triển khai chiến lược toàn cầu với tham vọng bá chủ thế giới.

Các chính phủ Mĩ qua các đời tổng thống với những hình thức và phương pháp khác nhau nhưng triển khai chiến lược toàn cầu với 3 mục tiêu: 1. ngăn chặn, đẩy lùi tiến tới tiêu diệt xã hội chủ nghĩa; 2. đàn áp phong trào giải phóng dân tộc, phong trào cộng sản và phong trào hòa bình dân chủ trên thế giới; 3. khống chế các nước đông minh phụ thuộc vào Mĩ.

Thực hiện chiến lược toàn cầu, trong những năm 1945- 1973, Mĩ đã khởi xướng cuộc Chiến tranh lạnh chống lại Liên Xô và phe xã hội chủ nghĩa. Mĩ còn trực tiếp gây ra hoặc dính líu vào nhiều cuộc xung đột và chiến tranh xâm lược trên thế giới, tiêu biểu là việc tiến hành chiến tranh xâm lược Việt Nam (1954-1975)

Tuy nhiên, Mĩ đã bị thất bại ở nhiều nơi trên thế giới: TQ, Iran, Việt Nam...

Từ đầu những năm 70 trở đi, Mĩ đã chuyển hướng bằng cách thiết lập qua hệ với các nước lớn trong đó đặc biệt là với Trung Quốc, cùng với Liên Xô tiến hành đối thoại, hòa hoãn.

***Câu 65: Trình bày về sự phát triển của nền kinh tế Mĩ trong những năm 1945 đến 1973 và những nguyên nhân của sự phát triển ấy.***

Sau chiến tranh thế giới thứ hai, từ 1945 đến năm 1973, nền kinh tế Mĩ phát triển mạnh mẽ:

Trong không nửa sau thập niên 40, sản lượng công nghiệp của Mĩ luôn chiếm khoảng 50% tổng sản lượng công nghiệp của toàn thế giới.

Nông nghiệp: sản lượng nông nghiệp năm 1949 của Mĩ gấp hai lần tổng sản lượng nông nghiệp của các nước Anh, Pháp, Đức, Italia, Nhật Bản.

Mĩ chiếm khoảng 50% tàu bè đi lại trên biển và chiếm  $\frac{3}{4}$  dự trữ vàng của toàn thế giới.

Nền kinh tế Mĩ chiếm khoảng 40% tổng sản phẩm kinh tế thế giới.

Những thành tựu đó đã đưa Mĩ trở thành trung tâm kinh tế tài chính lớn nhất thế giới.

Về KHKT, Mĩ là nước khởi đầu cuộc cách mạng KHKT hiện đại và đã đạt được nhiều thành tựu trên các lĩnh vực: chế tạo công cụ mới, vật liệu mới, năng lượng mới... và cuộc “cách mạng xanh” trong nông nghiệp.

*Những nguyên nhân phát triển của nền kinh tế Mĩ:*

Lãnh thổ rộng lớn, tài nguyên thiên nhiên phong phú, nguồn nhân lực dồi dào, trình độ kỹ thuật cao, năng động, sáng tạo.

Lợi dụng cuộc chiến tranh thế giới thứ hai, Mĩ đã thu được món lợi lớn nhờ bán vũ khí và phương tiện chiến tranh.

Áp dụng KHKT nhằm nâng cao năng suất lao động, hạ giá thành sản phẩm, điều chỉnh hợp lý cơ cấu sản xuất.

Nền kinh tế được tập trung hóa cao độ tạo ra sức cạnh tranh lớn, có hiệu quả.

Nhà nước đã có những chính sách, biện pháp quan trọng để thúc đẩy nền kinh tế phát triển.

***Câu 66: Trình bày khái quát về các giai đoạn phát triển của nước Nhật Bản từ 1945 đến năm 2000.***

Từ sau chiến tranh thế giới thứ hai đến năm 2000, nước Mĩ trải qua bốn giai đoạn phát triển.

Từ 1945 đến 1950 Nhật bản bị chiến tranh tàn phá nặng nề, lại bị quân đội Mĩ chiếm đóng.

Tiến hành các cải cách dân chủ, xóa bỏ chế độ quân phiệt, thiết lập nền quân chủ lập hiến, tạo ra một không khí mới trong xã hội.

Đồng thời tiến hành các cải cách kinh tế với sự viện trợ của Mĩ. Năm 1950 nền kinh tế được khôi phục.

- Về đối ngoại: liên minh chặt chẽ với Mĩ, chấp nhận sự bảo hộ quân sự của Mĩ.

Từ năm 1952 đến năm 1973.

- Kinh tế bước vào giai đoạn phát triển, đặc biệt “thần kì” trong thập niên 60. Nhật Bản trở thành một trong ba trung tâm kinh tế tài chính lớn của thế giới.

- KHKT phát triển tập trung chủ yếu vào các ngành công nghệ cao.

- Đối ngoại: tiếp tục liên minh chặt chẽ với Mĩ.

Từ năm 1973 đến năm 1991.

- Kinh tế: tăng trưởng chậm lại xen kẽ với các đợt suy thoái.

- Đối ngoại: Ngoài Mĩ, Nhật Bản còn quan tâm đến các nước châu Á, nhất là các nước ASEAN.

Từ năm 1991 đến năm 2000.

- Kinh tế: phát triển rất khó khăn. Tuy vậy Nhật Bản vẫn là một trong ba trung tâm kinh tế tài chính lớn nhất thế giới.

- KHKT phát triển ở trình độ cao.

- Văn hóa: vẫn giữ được những giá trị truyền thống và bản sắc văn hóa của mình.

- Chính trị- xã hội không còn ổn định như trước: nạn thất nghiệp, động đất...

- Đối ngoại: tiếp tục liên minh chặt chẽ với Mĩ đồng thời đa dạng hóa các mối quan hệ trên toàn cầu, đặc biệt coi trọng quan hệ với các nước ASEAN.

***Câu 67: Phân tích chính sách đối ngoại của nước Nhật Bản trong những năm 1945- 2000.***

Sau chiến tranh thế giới shai, nước Nhật bị chiến tranh tàn phá nặng nề, lại bị quân đội Mĩ chiếm đóng. Tuy nhiên với chính sách đối ngoại hợp lý, Nhật Bản không những thoát khỏi khó khăn mà còn vươn lên trở thành cường quốc trên thế giới.

Từ 1945 đến năm 1952, Nhật Bản thực hiện liên minh chặt chẽ với Mĩ..

Tháng 9/1951, Nhật Bản kí với Mĩ Hiệp ước hòa bình Xanphanxixco, chấm dứt chế độ chiếm đóng của Mĩ.

Cùng thời điểm đó Nhật Bản kí với Mĩ Hiệp ước an ninh chấp nhận sự bảo hộ quân sự của Mĩ, để cho quân Mĩ xây dựng căn cứ quân sự trên đất Nhật.

Từ năm 1952 đến năm 1973 tiếp tục liên minh chặt chẽ với Mĩ, hai bên thống nhất vô thời hạn trong Hiệp ước an ninh Mĩ Nhật.

Từ năm 1973 đến năm 2000, ngoài Mĩ, Nhật Bản còn quan tâm đến các nước châu Á, nhất là các nước ASEAN.

Nhật Bản thiết lập quan hệ ngoại giao với Việt Nam ngày 21/9/1973.

**Câu 68: Trình bày về sự phát triển của nền kinh tế Nhật Bản trong những năm 1945 đến 1973 và những nguyên nhân của sự phát triển ấy.**

Từ sau chiến tranh thế giới thứ hai Nhật bản bị chiến tranh tàn phá nặng nề, lại bị quân đội Mĩ chiếm đóng. Tuy nhiên với chính sách hợp lí, Nhật Bản không những thoát khỏi khó khăn mà còn vươn lên trở thành cường quốc trên thế giới.

Trong những năm 1945- 1952, Nhật Bản tiến hành các cải cách kinh tế và với sự viện trợ của Mĩ, năm 1950 nền kinh tế được khôi phục.

Từ năm 1952 đến năm 1973.

- Kinh tế bước vào giai đoạn phát triển, đặc biệt “thần kì” trong thập niên 60.

Tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm đạt 10,8%, đến đầu những năm 70 tuy có giảm nhưng vẫn đạt 7,8%. Nhật Bản vươn lên trở thành cường quốc thứ hai trong thế giới tư bản.

Từ đầu những năm 70, Nhật Bản trở thành một trong ba trung tâm kinh tế tài chính lớn của thế giới.

*Những nguyên nhân phát triển của nền kinh tế Nhật Bản.*

Nhân tố con người ở Nhật Bản được đặc biệt coi trọng → tạo ra nguồn động lực to lớn cho sự phát triển.

Nhà nước đã thể hiện vai trò quản lí, và điều tiết nền kinh tế hết sức hợp lí.

Các công ty của Nhật Bản Năng động, có tầm nhìn xa, có tiềm lực và sức cạnh tranh cao.

Áp dụng thành công các thành tựu khoa học- kĩ thuật hiện đại để nâng cao năng suất, hạ giá thành sản phẩm.

Chi phí quốc phòng thấp nên Nhật Bản có điều kiện tập trung vào đầu tư kinh tế.

Biết tận dụng tốt các yếu tố từ bên ngoài để phát triển như nguồn viện trợ của Mĩ.

**Câu 69: Vì sao chiến tranh lạnh bùng nổ? Những biểu hiện khởi đầu của chiến tranh lạnh như thế nào?**

Sau chiến tranh thế giới thứ hai, hai cường quốc Xô, Mĩ nhanh chóng chuyển sang thế đối đầu và đi tới tình trạng chiến tranh lạnh.

Nguyên nhân là do sự đối lập về mục tiêu và chiến lược giữa hai cường quốc LX và Mĩ:

Trong khi LX chủ trương duy trì hòa bình và an ninh thế giới, bảo vệ CNXH, ủng hộ CM thế giới. Ngược lại, Mĩ ra sức chống phá Liên Xô, chống CNXH, đẩy lùi phong trào cách mạng thế giới nhằm thực hiện mưu đồ bá chủ thế giới. Mĩ hết sức lo ngại trước ảnh hưởng của Liên Xô cũng như thắng lợi của cách mạng dân chủ nhân dân ở các nước Đông Âu, đặc biệt là sự thành công của cách mạng Trung Quốc.

Cũng sau chiến tranh, Mĩ đã vươn lên thành một nước tư bản giàu mạnh nhất, vượt xa các nước tư bản khác, nắm độc quyền vũ khí nguyên tử, Mĩ tự cho mình có quyền lãnh đạo thế giới.

Chính những nguyên nhân trên đã dẫn đến tình trạng đối đầu quyết liệt giữa Xô và Mĩ, giữa hai khối Đông- Tây. Tháng 3/1947, Tổng thống Mĩ Truman đã tuyên bố Chiến tranh lạnh chống Liên Xô và viện trợ khẩn cấp cho Hi Lạp, Thổ Nhĩ Kỳ 400 triệu USD để biến hai nước này thành những căn cứ tiền phương chống Liên Xô và các nước Đông Âu.

Sau tuyên bố của Tổng thống Truman, Mĩ đã tiến hành kế hoạch Macsan nhằm phục hưng nền KT Tây Âu (1947) để lôi kéo các nước này vào liên minh chống LX và CNXH. Từ 1947 đến 1949, Mĩ đã viện trợ cho các nước Tây Âu 17 tỉ USD. Việc thực hiện kế hoạch Mác san đã tạo nên sự phân chia đối lập kinh tế và chính trị giữa các nước Tây Âu tư bản chủ nghĩa và các nước Đông Âu xã hội chủ nghĩa.

Năm 1949, Mĩ và các nước Tây Âu thành lập khối quân sự Bắc Đại Tây Dương (NATO). Đặc biệt năm 1955, NATO đã kết nạp cộng hòa liên bang Đức làm gia tăng tình trạng căng thẳng ở châu Âu.

Để chống lại Mĩ và đồng minh của Mĩ, LX và các nước XHCN đã thành lập tổ chức Hội đồng tương trợ kinh tế (SEV) năm 1949 nhằm hợp tác và giúp đỡ lẫn nhau cùng phát triển. Năm 1955, Liên Xô và các nước Đông Âu thành lập tổ chức Hiệp ước VACSAVA. Đây là liên minh chính trị quân sự mang tính chất phòng thủ của các nước XHCN ở châu Âu.

Sự ra đời của NATO và Tổ chức Hiệp ước VACSAVA đã đánh dấu sự xác lập cục diện hai cực. Chiến tranh lạnh đã bao trùm cả thế giới, chi phối quan hệ quốc tế suốt gần nửa thế kỉ. Thế giới luôn ở tình trạng căng thẳng, có lúc bên bờ của một cuộc chiến tranh thế giới mới.

***Câu 70: Trình bày những biểu hiện của xu thế hòa hoãn Đông-Tây và tác động của xu thế đó đến quan hệ quốc tế cuối thập niên 80 (TK XX)***

a. Những biểu hiện của xu thế hòa hoãn Đông- Tây:

- Ngày 9/11/1972 hai nước Cộng hòa Dân chủ Đức và Cộng hòa Liên bang Đức kí kết Hiệp định về những cơ sở của quan hệ giữa Đông Đức và Tây Đức (*Hiệp định Bon*).

- Năm 1972, Liên Xô và Mĩ đã kí kết các hiệp ước cắt giảm vũ khí chiến lược: Hiệp ước ABM và Hiệp ước SALT-1

- Tháng 8 năm 1975, 33 nước châu Âu cùng Mĩ và Canada kí kết Định ước Henxinki tạo nên một cơ chế giải quyết các vấn đề liên quan đến hòa bình, an ninh ở châu lục này.

- Từ 1985, sau khi Gooch-ba-chôp lên cầm quyền ở Liên Xô, Liên Xô và Mĩ đã kí nhiều văn kiện hợp tác về kinh tế, KHKT...

b. Tác động của xu thế hòa hoãn Đông- Tây với quan hệ quốc tế đầu thập niên 90 (TK XX)

- Tháng 12 năm 1989, Liên Xô và Mĩ tuyên bố chấm dứt “chiến tranh lạnh”.

Sở dĩ Xô Mĩ tuyên bố chấm dứt chiến tranh lạnh là vì: một là, cuộc chạy đua vũ trang kéo dài hơn bốn thập kỉ đã làm cho cả hai nước quá tốn kém và suy giảm thế mạnh của mình trên nhiều mặt so với các cường quốc khác; hai là, nhiều khó khăn và thách thức to lớn đã đặt ra trước hai nước do sự vươn lên mạnh mẽ của Nhật Bản và các nước Tây Âu... Còn Liên Xô thì lâm vào tình trạng khủng hoảng, trì trệ. Hai cường quốc phải thoát khỏi thế đối đầu để ổn định và củng cố vị thế của mình.

“Chiến tranh lạnh” chấm dứt đã mở ra những chiều hướng và những điều kiện dễ giải quyết hòa bình các tranh chấp, xung đột đang diễn ra ở nhiều nơi trên thế giới như Apganitxtan, Campuchia, Namibia.

***Câu 71: Trình bày những xu thế trong quan hệ quốc tế sau thời kì chiến tranh lạnh.***

Sau khi chiến tranh lạnh kết thúc. Đầu thập niên 90 CNXH ở Liên Xô và các nước Đông Âu sụp đổ dẫn đến sự sụp đổ của Trật tự hai cực Ianta.

- Từ sau năm 1991 tình hình thế giới diễn ra những thay đổi to lớn và phức tạp, phát triển theo nhiều xu thế chính sau đây:

+ Xu hướng “đa cực”- nhiều cường quốc. Xu thế này phụ thuộc vào sự vươn lên của các cường quốc như Mĩ, Nhật Bản, Liên bang Nga...

+ Các quốc gia đều tập trung vào xây dựng kinh tế để xây dựng sức mạnh thực sự của quốc gia..

+ Mĩ ra sức thiết lập trật tự “một cực” để Mĩ làm bá chủ thế giới. Nhưng trong tương quan lực lượng giữa các cường quốc, Mĩ không dễ gì có thể thực hiện được tham vọng đó.

+ Sau chiến tranh lạnh, hòa bình thế giới được củng cố. Tuy nhiên ở nhiều nơi trên thế giới, các cuộc nội chiến, xung đột vẫn xảy ra, đặc biệt là hậu quả của cuộc khủng bố 11/9/2001 vào nước Mĩ đang đặt các dân tộc trước những thách thức của chủ nghĩa khủng bố. Nó gây ra những tác động to lớn, phức tạp đối với tình hình chính trị thế giới và cả trong quan hệ quốc tế. Ngày nay, các quốc gia, dân tộc vừa có những thời cơ phát triển thuận lợi, vừa phải đối mặt với những thách thức vô cùng gay gắt

Đối với Việt Nam, chúng ta đứng trước thời cơ đi tắt đón đầu, tranh thủ nguồn vốn, công nghệ tiên tiến từ các nước phát triển để phát triển nhanh hơn. Tuy nhiên trong quá trình hội nhập, chúng ta cũng phải đối mặt với nguy cơ tụt hậu ngày càng xa so với các nước vì không theo kịp sự phát triển của thế giới. Đặc biệt là nguy cơ mất bản sắc dân tộc. Vì vậy chúng ta phải có chiến lược phát triển kinh tế văn hóa phù hợp để tiếp thu những thành tựu tiên tiến của thế giới những cũng phải quan tâm gìn giữ phát triển những truyền thống tốt đẹp của dân tộc.



***Câu 72: Hãy chỉ ra và phân tích hệ quả của cuộc cách mạng khoa học công nghệ nửa sau thế kỷ XX.***

*Hệ quả của cách mạng KHCN nửa sau thế kỷ XX:*

- Một hệ quả quan trọng của Cách mạng KHCN là sự xuất hiện của xu thế toàn cầu hóa từ những năm 80 của thế kỷ XX.

- Toàn cầu hóa là quá trình tăng lên mạnh mẽ những mối liên hệ, những ảnh hưởng, tác động lẫn nhau, phụ thuộc lẫn nhau của tất cả các khu vực, các quốc gia và các dân tộc trên thế giới.

*Những biểu hiện của toàn cầu hóa:*

Sự phát triển nhanh chóng của quan hệ thương mại quốc tế.

Sự phát triển và tác động to lớn của các công ty xuyên quốc gia.

Sự sáp nhập và hợp nhất các công ty thành những tập đoàn lớn nhằm tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường.

Sự ra đời của các tổ chức liên kết kinh tế, thương mại, tài chính quốc tế và khu vực: Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF), Tổ chức thương mại thế giới...

*Tính chất, tác động:*

Toàn cầu hóa là xu thế khách quan không thể đảo ngược được,

Toàn cầu hóa có tác động tích cực (tạo ra cơ hội phát triển) và cả tiêu cực (nguy cơ) đối với các nước đặc biệt là các nước đang phát triển